

CÔNG NGHỆ SỐ VÀ ĐỊA CHÍNH TRỊ - TÁI ĐỊNH HÌNH CHUỖI GIÁ TRỊ TÀI CHÍNH TOÀN CẦU TRONG BỐI CẢNH MỚI

CHUYÊN SAN SỐ 31

MỤC LỤC

ĐIỂM TIN	3
★ ĐIỂM TIN KINH TẾ	3
1. Tái định hình chuỗi giá trị toàn cầu: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam	3
2. Việt Nam trước cơ hội vàng định vị vai trò chuỗi trung tâm tài chính toàn cầu	4
3. Thuế quan Mỹ và quá trình tái định hình chuỗi thương mại toàn cầu: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam	5
★ ĐIỂM TIN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	6
1. Tài sản số, tiền số, tiền mã hóa chính thức trở thành công nghệ chiến lược	6
2. Thủ tướng yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường vàng trong tháng 6/2025	7
3. Quy định cụ thể các nội dung cốt lõi trong quản lý Nhà nước về tài sản số	8
★ ĐIỂM TIN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	10
1. Tương lai tài chính toàn cầu: Sức mạnh của các công nghệ mới	10
2. Cho phép thử nghiệm chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu, cho vay ngang hàng từ 1/7	10
3. Việt Nam có thể trở thành trung tâm tài chính khu vực dựa trên công nghệ Blockchain	11
NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI	12
I. CÔNG NGHỆ SỐ VÀ SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU TÀI CHÍNH TOÀN CẦU: THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI	12
1. Những công nghệ chủ chốt định hình tài chính toàn cầu	13
2. Cơ hội cho Việt Nam và các tổ chức tài chính	17
3. Thách thức đối với Việt Nam và các tổ chức tài chính	20
4. Khuyến nghị	23
5. Kết luận	24

BAN CỐ VẤN

PGS. TS Nguyễn Anh Phong
ThS. NCS Nguyễn Thị Hai Hằng
ThS. NCS Phan Huy Tâm
Cùng tập thể giảng viên khoa Tài chính - Ngân hàng

BAN BIÊN TẬP

Trần Lê Quang An, Nguyễn Đồng Mạnh,
Trần Đức Duy, Ngô Thị Thuý Phương,
Trịnh Huệ Nhi, Trần Thị Thuý Vy, Lê Thuý Trang,
Đặng Bảo Huân, Trương Thị Khánh Hưng,
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Quốc Đạt,
Ung Thị Phương Nhi, Vương Anh Kiệt

THIẾT KẾ - TRÌNH BÀY

Trần Đức Duy - K224141717
Vương Anh Kiệt- K244161793
Trịnh Huệ Nhi - K234141666
Nguyễn Ngọc Khánh Nhi - K234141726

MỤC LỤC

II. ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ SỰ PHÂN MẢNH TRONG HỆ THỐNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU: TÁC ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG	27
1. Hiện trạng: Sự nổi lên của phân mảnh tài chính trong bối cảnh địa chính trị căng thẳng	27
2. Tác động của phân mảnh tài chính toàn cầu dưới ảnh hưởng địa chính trị	30
3. Giải pháp thích ứng: Ứng phó trong môi trường phân mảnh	32
4. Kết Luận & Khuyến Nghị	35
III. SỰ NỔI LÊN CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH KỸ THUẬT SỐ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ ỔN ĐỊNH CỦA CHUỖI GIÁ TRỊ TÀI CHÍNH TOÀN CẦU	39
1. Lời mở đầu	39
2. Cơ sở lý thuyết	40
3. Phân tích	43
4. Tổng kết và khuyến nghị chính sách	50
IV. TƯƠNG LAI CỦA HỢP TÁC TÀI CHÍNH TOÀN CẦU TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: TÁI ĐỊNH HÌNH CÁC MÔ HÌNH ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC	52
1. Sự chuyển dịch trong cấu trúc đối tác chiến lược	52
2. Hướng đến hợp tác khu vực và song phương	57
3. Gợi ý cho Việt Nam	61
Ô CỬA PHÁP LUẬT	65
1. Khung pháp lý Việt Nam đối với tiền kỹ thuật số, chuyển tiền quốc tế và bảo mật tài chính	65
2. Các thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu (Pillar II của BEPS) và tác động đến chuỗi tài chính doanh nghiệp	68
CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT?	70
1. SWIFT đã từng loại Nga khỏi hệ thống như một biện pháp trừng phạt tài chính lớn chưa từng có	75
2. Gần 130 quốc gia đang nghiên cứu hoặc thử nghiệm phát hành đồng tiền số quốc gia (CBDC)	78
GÓC SINH VIÊN	78
1. Những kỹ năng cần có để làm việc trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu thời đại địa chính trị công nghệ	78
2. Cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực Fintech (Công nghệ tài chính), Treasury quốc tế, tư vấn chính sách tài chính số và quản lý tài sản toàn cầu	83

ĐIỂM TIN KINH TẾ

Lê Thuỳ Trang

K244040491

Trần Lê Quang An

K224141649

Nguyễn Thị Thanh Hà

K244141605

Trần Thị Thuý Vy

K234141753



1. Tái định hình chuỗi giá trị toàn cầu: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

Sự thay đổi nhanh chóng của môi trường địa chính trị toàn cầu và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang làm thay đổi căn bản cấu trúc của chuỗi giá trị tài chính quốc tế. Trong bối cảnh mới, các quốc gia – đặc biệt là những nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam – phải đối mặt với yêu cầu cấp thiết trong việc thích nghi và tái cấu trúc để không bị tụt lại phía sau.

Các cuộc xung đột thương mại, điển hình là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đang thúc đẩy các công ty đa quốc gia đa dạng hóa chuỗi cung ứng của họ. Các chiến lược “China+1” hay “friend-shoring” không chỉ đơn thuần là việc chuyển dịch địa điểm sản xuất, mà còn là sự tái cấu trúc toàn bộ chuỗi tài chính, từ dòng vốn đầu tư, tín dụng, đến dòng tiền xuyên biên giới. Trong bối cảnh đó, những quốc gia có tính ổn định chính trị, cam kết hội nhập sâu rộng, và môi trường pháp lý minh bạch như Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội thu hút dòng vốn mới – cả trực tiếp lẫn gián tiếp – từ các tập đoàn quốc tế và các tổ chức tài chính.

Bên cạnh đó công nghệ số cũng đang đóng vai trò then chốt trong việc tái định hình chuỗi giá trị tài chính toàn cầu.

Các nền tảng tài chính kỹ thuật số, blockchain, thanh toán xuyên biên giới bằng tiền kỹ thuật số, và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi cách thức các dòng vốn vận hành. Sự phát triển của Fintech, DeFi (tài chính phi tập trung), và CBDC (tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương) tạo nên một hệ sinh thái tài chính linh hoạt hơn nhưng cũng phức tạp hơn, buộc các quốc gia phải hiện đại hóa hệ thống quản lý và điều tiết tài chính.

Đối với Việt Nam, đây là thời điểm vàng để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị tài chính toàn cầu thông qua việc ứng dụng công nghệ số. Các ngân hàng, công ty tài chính và cả khu vực công cần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển nền tảng thanh toán điện tử, ví số, dữ liệu lớn và AI nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dòng vốn, minh bạch thông tin và phòng ngừa rủi ro tài chính. Ngoài ra, việc tham gia vào các khuôn khổ hợp tác tài chính số khu vực và toàn cầu cũng sẽ giúp Việt Nam tiếp cận nhanh hơn với các chuẩn mực tài chính mới, từ đó nâng cao uy tín và năng lực hội nhập.

Tuy nhiên, quá trình này cũng đi kèm với nhiều thách thức. Mức độ sẵn sàng công nghệ, kỹ năng số của lực lượng lao động tài chính, và năng lực giám sát hệ thống tài chính số còn hạn chế.

Bên cạnh đó, rủi ro an ninh mạng, lỗ hổng pháp lý, và khoảng cách số giữa các khu vực trong nước có thể khiến Việt Nam dễ bị tổn thương nếu không có chiến lược tổng thể và đồng bộ.

Với chiến lược thích hợp, Việt Nam hoàn toàn có thể không chỉ là nơi tiếp nhận dòng vốn mà còn đóng vai trò tích cực trong việc hình thành các chuẩn mực tài chính số mới của khu vực. Sự kết hợp giữa ổn định chính trị, hội nhập quốc tế và quyết tâm chuyển đổi số sẽ là chìa khóa giúp Việt Nam nâng tầm vị thế trong bối cảnh tài chính toàn cầu đang được tái định hình sâu sắc.

2. Việt Nam trước cơ hội vàng định vị vai trò chuỗi trung tâm tài chính toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa tài chính đang bước vào giai đoạn tái cấu trúc sau đại dịch, Việt Nam đang đứng trước một “cơ hội vàng” để xác lập vị thế trong chuỗi các trung tâm tài chính toàn cầu. Những yếu tố thuận lợi về địa chính trị, kinh tế vĩ mô ổn định và chính sách hội nhập sâu rộng đã giúp Việt Nam trở thành điểm sáng trong mắt các nhà đầu tư và các tổ chức tài chính quốc tế.

Một trong những điểm tựa lớn nhất là tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và ổn định. Trong năm 2024, Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP 7,09%, thuộc nhóm cao nhất trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Cùng với đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào Việt Nam tăng kỷ lục, giúp nước ta lọt vào top 15 quốc gia thu hút FDI hàng đầu thế giới. Điều này phản ánh niềm tin của các nhà đầu tư toàn cầu vào môi trường đầu tư – kinh doanh của Việt Nam, đặc biệt là tính minh bạch, cải cách thể chế và năng lực quản trị rủi ro tài chính.

Ngoài ra, vị trí địa lý của Việt Nam cũng là một lợi thế chiến lược. Nằm trên tuyến hàng hải quốc tế kết nối Bắc – Nam và Đông – Tây, Việt Nam đóng vai trò như một “bản lề” giữa các trung tâm kinh tế lớn của châu Á. Đặc biệt, múi giờ của Việt Nam không trùng lặp với 21 trung tâm tài chính lớn trên thế giới, cho phép thị trường tài chính trong nước hoạt động ở những khung giờ “trống” toàn cầu, từ đó hấp thụ tốt hơn dòng vốn nhàn rỗi và tạo giá trị gia

tăng liên tục.

Về mô hình phát triển, Việt Nam đang theo đuổi chiến lược “một trung tâm – hai đầu mối”, với hai địa phương trọng điểm là TP.HCM và Đà Nẵng. TP.HCM được kỳ vọng trở thành trung tâm tài chính quốc tế toàn diện, trong khi Đà Nẵng phát triển theo hướng hỗ trợ và bổ trợ, nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và tận dụng thế mạnh vùng miền. Mô hình này không chỉ phân bổ hợp lý nguồn lực mà còn giảm tải rủi ro tập trung hệ thống.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, Chính phủ và các bộ, ngành đang tích cực xây dựng một khuôn khổ pháp lý và chính sách đặc thù. Dự thảo nghị quyết của Quốc hội và Bộ Chính trị xác định đến năm 2030 – 2035, Việt Nam phải có trung tâm tài chính quốc tế với cơ chế thử nghiệm đặc biệt (sandbox) cho các công nghệ tài chính như fintech, blockchain, AI, cùng các chính sách ưu đãi về thuế, hạ tầng và nhân lực.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đầy tham vọng này, Việt Nam cũng cần đối mặt và giải quyết hàng loạt thách thức, bao gồm: năng lực thể chế còn hạn chế, thiếu hụt nguồn nhân lực tài chính chất lượng cao, hạ tầng tài chính – công nghệ chưa tương xứng và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các trung tâm tài chính khu vực như Singapore, Hong Kong hay Thượng Hải.

Trong giai đoạn chuyển mình của hệ thống tài chính toàn cầu, Việt Nam đang có cơ hội lịch sử để khẳng định vai trò của mình như một trung tâm tài chính chiến lược tại châu Á. Với chiến lược đúng đắn, cơ chế linh hoạt và quyết tâm cải cách mạnh mẽ, Việt Nam hoàn toàn có thể từng bước ghi danh vào chuỗi trung tâm tài chính toàn cầu trong thập kỷ tới.



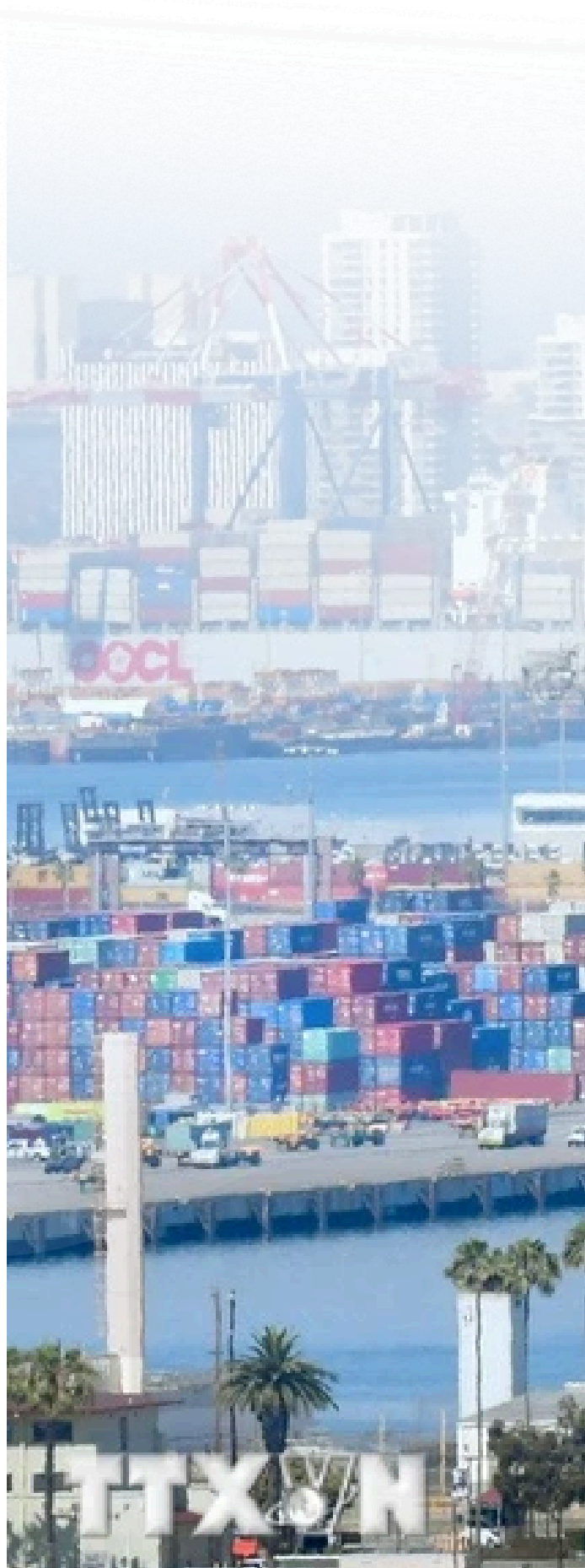
3. Thuế quan Mỹ và quá trình tái định hình chuỗi thương mại toàn cầu: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

Trong bối cảnh địa chính trị và cạnh tranh thương mại gia tăng, chính sách thuế quan của Mỹ đang đóng vai trò then chốt trong việc tái định hình chuỗi giá trị và thương mại toàn cầu. Việt Nam, với vị thế là đối tác thương mại lớn của Mỹ, đang chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các điều chỉnh thuế đối ứng mà Mỹ áp dụng cho nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Theo số liệu từ Bộ Công Thương, trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đạt 31,4 tỷ USD, cho thấy tầm quan trọng của thị trường này.

Tuy nhiên, việc Mỹ áp thuế đối ứng lên đến 46% đối với các ngành hàng như đồ gỗ, nội thất, dệt may và nông sản đã làm gia tăng chi phí và giảm khả năng cạnh tranh của hàng Việt tại thị trường này. Để đối phó, Chính phủ Việt Nam đã tích cực đàm phán, đề xuất miễn trừ thuế cho một số mặt hàng, đồng thời mở rộng nhập khẩu các mặt hàng công nghệ cao từ Mỹ như máy bay, thiết bị công nghiệp để cân bằng cán cân thương mại.

Trong nước, các doanh nghiệp đang chủ động tìm kiếm giải pháp thích ứng. Tại hội nghị do Khu Công nghệ cao TP.HCM tổ chức, đại diện các tập đoàn như Intel kiến nghị thành phố tận dụng cơ chế đặc thù từ Nghị quyết 98/2023 để đẩy mạnh cải cách thủ tục, hỗ trợ nhà đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp cũng cho biết dù Mỹ tạm thời hoãn áp mức thuế cao, đơn hàng vẫn sụt giảm, buộc họ phải tái cấu trúc chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị gia tăng.

Chính sách thuế quan mới của Mỹ không chỉ là rào cản, mà còn là cú huých thúc đẩy Việt Nam chuyển dịch mô hình tăng trưởng. Đây là thời điểm chiến lược để TP.HCM và cả nước đẩy mạnh chuyển đổi sang kinh tế số, kinh tế xanh và nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu một cách bền vững hơn.



ĐIỂM TIN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



Lê Thuỳ Trang
K244040491

Ngô Thị Thuý Phương
K234141672

Trần Thị Thuý Vy
K234141753

Trương Thị Khánh Hưng
K244141619



1. Tài sản số, tiền số, tiền mã hóa chính thức trở thành công nghệ chiến lược

Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ – địa chính trị ngày càng gay gắt trên toàn cầu, nhiều quốc gia đang tìm cách định hình lại vai trò của mình trong chuỗi giá trị tài chính bằng cách phát triển các lĩnh vực công nghệ số mang tính chiến lược. Với việc chính thức đưa tài sản số, tiền số và tiền mã hóa vào danh mục công nghệ chiến lược quốc gia, Việt Nam đang thể hiện tầm nhìn dài hạn nhằm thích ứng và dẫn dắt quá trình tái cấu trúc chuỗi giá trị tài chính toàn cầu trong thời kỳ số hóa.

Việc Chính phủ Việt Nam ban hành Quyết định 1131/QĐ-TTg (12/6/2025), đưa các công nghệ liên quan đến Blockchain – bao gồm tiền mã hóa, tài sản số – vào nhóm công nghệ chiến lược đã minh chứng cho sự thay đổi tư duy chiến lược. Trong bối cảnh công nghệ tài chính (fintech) đang dần thay thế những mô hình truyền thống, các quốc gia muốn giữ vị thế trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu buộc phải hành động kịp thời. Việt Nam không nằm ngoài xu hướng này khi quyết định định vị lại vai trò trong nền kinh tế số bằng chính sách công nghệ rõ ràng và chủ động.

Tài sản số, tiền số và tiền mã hóa đang dần trở thành “nền tảng mới” của hoạt động tài chính toàn cầu. Việc Việt Nam đưa các lĩnh vực này vào chiến lược công nghệ quốc gia đồng nghĩa với việc quốc gia đang từng bước tham gia vào quá trình tái định hình chuỗi giá trị tài chính, từ các hạ tầng giao dịch, phương tiện thanh toán cho đến các hình thức huy động vốn phi truyền thống. Điều này không chỉ giúp Việt Nam tránh bị tụt hậu mà còn mở ra cơ hội trở thành trung tâm dịch vụ tài chính số trong khu vực.

Trong bối cảnh các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, EU đều đang phát triển tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) và thiết lập sàn giao dịch tài sản mã hóa có kiểm soát, Việt Nam buộc phải có tiếng nói và vị thế trong cuộc chơi toàn cầu này. Việc chính thức hóa vai trò của tài sản số giúp Việt Nam giảm phụ thuộc vào hệ thống tài chính truyền thống, nâng cao năng lực tự chủ tài chính – tiền tệ và tăng cường khả năng thích ứng trước những biến động địa chính trị trong khu vực và thế giới.

Việc đưa tài sản số, tiền số và tiền mã hóa vào danh mục công nghệ chiến lược không chỉ là một quyết định về quản lý công nghệ, mà còn là một bước đi mang tính định vị địa chiến lược trong kỷ nguyên số. Với tầm nhìn đó, Việt Nam đang tham gia tích cực vào quá trình tái cấu trúc chuỗi giá trị tài chính toàn cầu, đồng thời khẳng định khát vọng phát triển thành một trung tâm tài chính số hiện đại, thích ứng với bối cảnh địa chính trị và công nghệ đang biến đổi không ngừng. Đây là bước chuyển mình chiến lược, góp phần định hình tương lai tài chính quốc gia trong thế kỷ 21.

2. Thủ tướng yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường vàng trong tháng 6/2025

Trong bối cảnh thị trường vàng tại Việt Nam liên tục có những biến động phức tạp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã chủ trì cuộc họp Thường trực Chính phủ vào ngày 24/5/2025 để bàn giải pháp ổn định và quản lý hiệu quả thị trường này. Việc chênh lệch lớn giữa giá vàng trong nước và thế giới, tình trạng găm hàng, thao túng giá cũng như hoạt động buôn lậu diễn biến phức tạp đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về một cơ chế quản lý minh bạch, chặt chẽ hơn.

Một trong những chỉ đạo trọng tâm được Thủ tướng đưa ra là yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường vàng, với thời hạn hoàn thành ngay trong tháng 6/2025. Đây là bước đi quan trọng nhằm tạo nền tảng cho việc giám sát thị trường theo thời gian thực, nâng cao hiệu quả điều hành chính sách và tăng cường minh bạch trong hoạt động kinh doanh vàng.

Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng chỉ đạo sửa đổi Nghị định 24/2012/NĐ-CP theo hướng rút gọn, linh hoạt và phù hợp hơn với bối cảnh mới. Mục tiêu của các biện pháp này là giảm chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới xuống còn 1-2%, thay vì mức vượt quá 10% như hiện nay.

Thủ tướng nhấn mạnh vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm như buôn lậu, thao túng thị trường. Đồng thời, ông cũng kêu gọi đẩy mạnh sản xuất vàng trang sức, nghiên cứu thiết lập sàn giao dịch vàng để tạo môi trường giao dịch công khai, và chuyển hướng từ tích trữ vàng sang đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Tóm lại, những chỉ đạo của Thủ tướng phản ánh nỗ lực của Chính phủ trong việc đưa thị trường vàng về đúng chức năng là công cụ tài chính ổn định, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng minh bạch và hiệu quả hơn. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường vàng không chỉ là giải pháp kỹ thuật, mà còn là nền tảng cho tư duy quản lý hiện đại, bền vững.

3. Quy định cụ thể các nội dung cốt lõi trong quản lý Nhà nước về tài sản số

Kỷ nguyên số đang làm mờ ranh giới địa lý và tái cấu trúc lại hệ sinh thái tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh công nghệ số trở thành chiến trường mới của cạnh tranh địa chính trị, quốc gia nào sớm xây dựng nền tảng pháp lý vững chắc cho các công nghệ tài chính thế hệ mới sẽ có lợi thế chiến lược về cả kinh tế lẫn chủ quyền số. Việc Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Công nghiệp công nghệ số – lần đầu tiên quy định toàn diện về tài sản số – không đơn thuần là một bước tiến về pháp lý, mà còn là tuyên bố mạnh mẽ về sự nhập cuộc chủ động của Việt Nam vào tiến trình tái định hình chuỗi giá trị tài chính toàn cầu.

Trong thế kỷ 21, tài chính không còn vận hành thuần túy trên nền tảng vật lý và tiền tệ truyền thống, mà chuyển dần sang các không gian phi vật chất – nơi dữ liệu, tài sản số và tiền mã hóa định đoạt dòng chảy giá trị. Trong khi các cường quốc kinh tế như Mỹ, Trung Quốc, và EU đang cạnh tranh để định hình tiêu chuẩn toàn cầu cho tài sản số, thì sự kiện Việt Nam hợp pháp hóa khung quản lý nhà nước về tài sản số là một bước ngoặt. Đó không chỉ là quyết định mang tính công nghệ, mà là một bước đi chiến lược về địa chính trị, giúp Việt Nam từng bước xây dựng vị thế trong chuỗi giá trị tài chính kỹ thuật số đang hình thành.

Luật mới xác lập tài sản số là tài sản dân sự hợp pháp, bao gồm tài sản ảo, tài sản mã hóa và các dạng tài sản số khác. Đây là sự chuyển hóa quan trọng trong tư duy quản lý nhà nước: từ chỗ coi tài sản số là không gian "xám" cần kiểm soát, đến việc thừa nhận, phân loại và bảo hộ theo pháp luật. Việc xác lập quyền sở hữu, cơ chế chuyển giao và bảo vệ tài sản số là tiền đề để Việt Nam chủ động tạo ra giá trị trong không gian số, thay vì chỉ đóng vai trò tiêu thụ công nghệ từ bên ngoài. Chính điều này giúp Việt Nam định vị vai trò mới trong chuỗi giá trị tài chính, thay vì phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng và trung gian tài chính truyền thống vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các trung tâm quyền lực toàn cầu.

Luật trao cho Chính phủ thẩm quyền quy định chi tiết các tiêu chí, điều kiện kinh doanh, giám sát rủi ro và xử lý vi phạm trong hoạt động liên quan đến tài sản số. Đây là điểm then chốt tạo nên sự linh hoạt và thích ứng nhanh – điều kiện tiên quyết để Việt Nam không chỉ bảo vệ an ninh tài chính, mà còn đủ sức thử nghiệm và mở rộng các mô hình tài chính mới như DeFi (tài chính phi tập trung), ví điện tử xuyên biên giới hay các nền tảng thanh toán mã hóa. Trong bối cảnh thế giới ngày càng đối mặt với rủi ro từ chiến tranh mạng, thao túng dữ liệu và cạnh tranh quyền lực mềm qua tài sản số, Việt Nam đã chọn con đường kiến tạo chủ động thay vì bị động thích nghi. Chính hành lang pháp lý là vũ khí mềm giúp quốc gia đứng vững và tham gia sâu hơn vào mạng lưới tài chính toàn cầu.

Việc ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số không chỉ mở đường cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế số Việt Nam, mà còn thể hiện tầm nhìn địa chính trị sâu sắc. Trong thế giới nơi dòng dữ liệu, thuật toán và tài sản ảo quyết định quyền lực kinh tế, thì năng lực tự chủ về công nghệ và pháp lý là thước đo mới của chủ quyền quốc gia. Với bước đi chiến lược này, Việt Nam không chỉ đang bắt nhịp, mà còn tích cực tham gia kiến tạo lại chuỗi giá trị tài chính toàn cầu, từng bước chuyển mình từ người theo sau thành người đồng kiến tạo trật tự tài chính số trong kỷ nguyên hậu toàn cầu hóa.



CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH



Đặng Bảo Huân

K244141615

Ngô Thị Thuý Phương

K234141672

1. Tương lai tài chính toàn cầu: Sức mạnh của các công nghệ mới

Ngành tài chính toàn cầu đang trải qua sự chuyển đổi sâu sắc nhờ sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới như blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), fintech và regtech. Những công nghệ này đang không chỉ tái định hình cách thức hoạt động truyền thống của ngành tài chính mà còn tạo ra những mô hình dịch vụ mới, linh hoạt, minh bạch và tối ưu hơn.

Blockchain đóng vai trò trung tâm trong tài chính phi tập trung, cho phép giao dịch không cần trung gian, tăng tính minh bạch và an toàn nhờ vào sổ cái phân tán và hợp đồng thông minh. Trí tuệ nhân tạo giúp cá nhân hóa dịch vụ tài chính, tự động hóa tư vấn đầu tư, đồng thời nâng cao khả năng phát hiện gian lận và quản trị rủi ro. Dữ liệu lớn mang lại khả năng phân tích xu hướng thị trường, hành vi người tiêu dùng và cải thiện quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực.

Fintech (công nghệ tài chính) đang tạo nên các mô hình kinh doanh mới, giúp cung cấp dịch vụ nhanh chóng, tiết kiệm và thân thiện hơn cho người dùng. Trong khi đó, regtech (công nghệ điều tiết) giúp các tổ chức tài chính đáp ứng quy định pháp lý hiệu quả, giảm chi phí và tăng tính tuân thủ. Cùng với sự phát triển này, vấn đề an ninh mạng trở nên then chốt nhằm bảo vệ dữ liệu nhạy cảm và duy trì niềm tin khách hàng trong môi trường số hóa.

Nhìn chung, các công nghệ mới không chỉ là công cụ hỗ trợ mà đang đóng vai trò cốt lõi trong việc tái cấu trúc hệ thống tài chính toàn cầu, mở ra tương lai minh bạch, linh hoạt và bền vững hơn cho ngành tài chính.



2. Cho phép thử nghiệm chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu, cho vay ngang hàng từ 1/7

Từ ngày 1/7/2025, theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP, Việt Nam sẽ triển khai Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng, cho phép thử nghiệm ba giải pháp công nghệ tài chính (Fintech): chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API) và cho vay ngang hàng (P2P lending).

Mục tiêu của Cơ chế này là thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa ngành ngân hàng và phổ cập tài chính theo hướng minh bạch, thuận tiện, an toàn và hiệu quả với chi phí thấp. Các giải pháp Fintech được thử nghiệm nhằm đánh giá rủi ro, chi phí, lợi ích và hỗ trợ xây dựng khung pháp lý phù hợp với nhu cầu thị trường.

Thời gian thử nghiệm tối đa là 2 năm, có thể gia hạn, và chỉ áp dụng trong lãnh thổ Việt Nam. Các tổ chức tham gia phải tuân thủ phạm vi được quy định trong Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, và việc tham gia không đồng nghĩa với việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh và đầu tư theo pháp luật hiện hành.



Việc triển khai sandbox Fintech kỳ vọng sẽ mở rộng cơ hội tiếp cận tín dụng cho người dân, đặc biệt là nhóm khách hàng chưa được phục vụ đầy đủ (underbanked), thông qua việc áp dụng các mô hình chấm điểm tín dụng mới và chia sẻ dữ liệu hiệu quả hơn.

3. Việt Nam có thể trở thành trung tâm tài chính khu vực dựa trên công nghệ Blockchain

Việt Nam đang nổi lên như một điểm sáng trong khu vực châu Á về ứng dụng công nghệ blockchain, với tiềm năng lớn để trở thành trung tâm tài chính khu vực. Theo báo cáo năm 2024 của Chainalysis, Việt Nam đứng thứ 5 toàn cầu về chỉ số chấp nhận tiền mã hóa, với hơn 17 triệu người sở hữu tài sản số và dòng vốn blockchain đạt hơn 105 tỷ USD chỉ trong giai đoạn 2023–2024. Thị trường năng động và tốc độ ứng dụng công nghệ nhanh giúp Việt Nam có nền tảng tốt để phát triển tài chính số dựa trên blockchain.

Chuyên gia trong ngành nhận định Việt Nam có thể học hỏi mô hình của thành phố Lugano (Thụy Sĩ), nơi công nhận tài sản số làm phương tiện thanh toán hợp pháp, từ đó xây dựng hệ sinh thái tài chính số tương tự. Ngoài ra, sự kết hợp giữa blockchain và trí tuệ nhân tạo (AI) có thể tối ưu hóa chi phí vận hành, tăng hiệu quả giao dịch và thu hút nguồn vốn quốc tế.

PGS.TS Nguyễn Đức Trung cho rằng tài chính phi tập trung (DeFi) và tài chính truyền thống sẽ cùng phát triển, với blockchain là nền tảng kết nối và định hình lại cấu trúc tài chính tương lai. Trong khi đó, bà Lê Vũ Hương Quỳnh (Tether) nhấn mạnh lợi ích thực tế của blockchain trong thanh toán xuyên biên giới, giúp giảm chi phí xuống chỉ còn từ 0,1 đến 1 USD mỗi giao dịch.

Với chính sách cởi mở, môi trường thử nghiệm linh hoạt và cam kết đổi mới, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để trở thành trung tâm tài chính blockchain hàng đầu khu vực.



Tài liệu Tham khảo

1. Minh hương (2024), VIETNAM LOGISTIC REVIEW, “Tái định hình chuỗi giá trị toàn cầu: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam”, <<https://vlr.vn/tai-dinh-hinh-chuoi-gia-tri-toan-cau-co-hoi-va-thach-thuc-cho-viet-nam-19824.html>> , truy cập lần cuối 25/05/2025
2. Ngọc Hiền - Trương Linh (2025), Tuổi trẻ online, “ Việt Nam trước cơ hội vàng định vị vai trò chuỗi trung tâm tài chính toàn cầu”, < <https://tuoitre.vn/viet-nam-truoc-co-hoi-vang-dinh-vi-vai-tro-chuoi-trung-tam-tai-chinh-toan-cau-20250328151540117.htm> >, truy cập lần cuối 25/05/2025
3. Lê Thúy (2025), báo Người Lao Động, “Thuế quan Mỹ tái định hình chuỗi thương mại toàn cầu”, <<https://nld.com.vn/thue-quan-my-tai-dinh-hinh-chuoi-thuong-mai-toan-cau-196250417202737011.htm>>, truy cập lần cuối 25/05/2025
4. Bạch Dương (2025), VnEconomy, “Tài sản số, tiền số, tiền mã hóa chính thức trở thành công nghệ chiến lược”, <<https://vneconomy.vn/tai-san-so-tien-so-tien-ma-hoa-chinh-thuc-tro-thanh-cong-nghe-chien-luoc.htm> >, truy cập lần cuối 14/06/2025
5. Kỳ Phong (2025), VnEconomy, “Thủ tướng yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường vàng trong tháng 6/2025”, <<https://vneconomy.vn/thu-tuong-yeu-cau-xay-dung-co-so-du-lieu-ve-thi-truong-vang-trong-thang-6-2025.htm>>, truy cập lần cuối vào 25/05/2025
6. Nhĩ Anh (2025), VnEconomy, “Quy định cụ thể các nội dung cốt lõi trong quản lý Nhà nước về tài sản số”, < <https://vneconomy.vn/quy-dinh-cu-the-cac-noi-dung-cot-loi-trong-quan-ly-nha-nuoc-ve-tai-san-so.htm> > , truy cập lần cuối 14/05/2025
7. Phương Phương (2024), Kênh thông tin Kinh tế - Tài chính Việt Nam, “Tương lai tài chính toàn cầu: Sức mạnh của các công nghệ mới”, <<https://cafef.vn/tuong-lai-tai-chinh-toan-cau-suc-manh-cua-cac-cong-nghe-moi-18824052416471723.chn>>, truy cập lần cuối 25/05/2025
8. Quốc Khánh (2025), VnEconomy, “Cho phép thử nghiệm chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu, cho vay ngang hàng từ 1/7”, <<https://vneconomy.vn/cho-phep-thu-nghiem-cham-diem-tin-dung-chia-se-du-lieu-cho-vay-ngang-hang-tu-1-7.htm>>, truy cập lần cuối 25/05/2025
9. Phạm Vinh (2024), VnEconomy, “Việt Nam có thể trở thành trung tâm tài chính khu vực dựa trên công nghệ Blockchain”, <<https://vneconomy.vn/viet-nam-co-the-tro-thanh-trung-tam-tai-chinh-khu-vuc-dua-tren-cong-nghe-blockchain.htm>>, truy cập lần cuối 25/05/2025

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

CÔNG NGHỆ SỐ VÀ SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU TÀI CHÍNH TOÀN CẦU: THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI



Nguyễn Thị Thanh Hà
K244141605

Ngô Thị Thuý Phương
K234141672

Lời mở đầu:

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy công nghệ số trở thành động lực chính thúc đẩy sự chuyển dịch chuỗi giá trị tài chính toàn cầu. Đặt ra thách thức không hề nhỏ cho các tổ chức tài chính truyền thống khi phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty Fintech mới nổi, đồng thời cũng phải thích ứng với những thay đổi của thị trường, nhu cầu của khách hàng và cả các quy định pháp lý. Việt Nam – một nền kinh tế đang phát triển, đang đứng trước những cơ hội lớn để vươn mình, nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị tài chính thế giới. Và để đạt được điều này, Việt Nam cần phải làm chủ công nghệ số, xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực và khung pháp lý càng sớm càng tốt.

Thông qua việc nghiên cứu, thu thập và phân tích các tài liệu liên quan đến công nghệ số cùng những tác động của nó đối với hệ thống tài chính toàn cầu và tại một số quốc gia tiêu biểu, báo cáo này cung cấp cơ sở dữ liệu quan trọng để nhận diện cơ hội, chủ động nắm bắt xu thế chuyển đổi số trong tài chính. Trên cơ sở đó, Việt Nam có thể tận dụng hiệu quả các tiềm năng nhằm rút ngắn lộ trình trở thành trung tâm tài chính tầm cỡ thế giới, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các thách thức, biến thách thức thành động lực thúc đẩy đổi mới trong môi trường bất ổn chính trị.

1. Những công nghệ chủ chốt định hình tài chính toàn cầu

1.1. Trí tuệ nhân tạo (AI) và Công nghệ Máy học (ML)

Trí tuệ nhân tạo và Công nghệ máy học hiện đang dẫn đầu trong việc tạo ra sự chuyển dịch sâu sắc trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu. Đối với ngân hàng, Hệ thống AI – driven được sử dụng để đánh giá xếp loại tín dụng, giúp giảm rủi ro và phê duyệt khoản vay nhanh chóng hiệu quả. Điển hình là ngân hàng số Timo đã phục vụ hơn 1 triệu khách hàng với các khoản vay tín chấp cá nhân hóa, đạt tỷ lệ hài lòng lên đến 85% (Vietnam Investment Review, 2023). Đồng thời Hệ thống còn có khả năng phát hiện các giao dịch bất thường liên quan đến lừa đảo, gian lận,... Ví dụ như khi phát hiện một tài khoản ngân hàng với lịch sử giao dịch hoàn toàn là giao dịch trong nước bỗng nhiên thực hiện một giao dịch ra nước ngoài, lập tức AI tự động chặn giao dịch, yêu cầu xác thực bổ sung hoặc gửi cảnh báo đến đội ngũ chống gian lận. Hệ thống này đã giúp ngân hàng J.P Morgan giảm tỉ lệ từ chối giao dịch sai (false positive) xuống còn 15 – 20%, giảm đáng kể trường hợp bị giao dịch hợp lệ bị chặn nhầm. Hệ thống này cũng giảm chi phí hoạt động phát hiện gian lận xuống 30%. Chính PwC cũng xác nhận hệ thống AI – driven có hiệu quả hơn so với các phương pháp phát hiện gian lận thông thường tới 30%, nhờ khả năng phân tích dữ liệu theo thời gian thực và giảm lỗi sai từ con người, chứng minh tiềm năng của hệ thống này trong việc tạo ra một môi trường giao dịch an toàn, bảo vệ người sử dụng, tránh thiệt hại tài chính đáng kể. Trí tuệ nhân tạo và Machine Learning giúp tăng hiệu suất, tinh gọn quy trình từ đó giảm chi phí cho các hoạt động của ngành tài chính nói chung và các ngân hàng nói riêng. Không ngoại lệ với các công ty tài chính khi AI có thể đưa ra các dự báo mang tính cá nhân hóa (dựa trên tài sản, yêu cầu từ nhà đầu tư) liên quan đến tình hình tài chính, phân tích thị trường bằng Robo – advisors, điển hình là Wealthfront, nền tảng robo-advisor hàng đầu tại Mỹ, sử dụng AI để phân tích hàng triệu điểm dữ liệu thị trường.

Hệ thống này tự động tối ưu danh mục đầu tư, tái cân bằng giảm 15-20% biến động (Investopedia, 2024), đạt lợi nhuận 5,2-7,8% mỗi năm (2019-2024), vượt 65% nhà đầu tư tự quản lý (Morningstar, 2025). Phân tích tài chính cá nhân hóa giúp 40% người dùng mới đầu tư từ 500 USD (Wealthfront, 2024), giảm thời gian phân tích xuống vài giây (McKinsey, 2024). Tại Việt Nam, robo – advisor chưa được áp dụng đại trà, công nghệ này hiện chỉ có Finhay đang áp dụng và phát triển cho 500.000 người dùng với lợi nhuận 4-6% (CafeF, 2024). Lý do khiến công nghệ này chưa thực sự phát triển tại Việt Nam là do chưa hoàn thiện được khung pháp lý, quy mô còn nhỏ, chưa đa dạng các loại hình đầu tư, dữ liệu về thị trường chưa đầy đủ, khiến cho hệ thống này khó đa dạng được danh mục đầu tư. Tuy nhiên, công nghệ này được phát triển nó sẽ giảm rủi ro liên quan đến đầu tư sai cách, giúp đỡ rất nhiều cho các nhà đầu tư không chuyên. Nhìn chung, với tỷ lệ người sử dụng Internet (Chiếm 73% dân số) ngày càng phổ biến, thì tiềm năng phát triển của công nghệ là rất lớn. Về hiệu quả giao dịch, giảm chi phí vận hành, quản lý. Tiếp cận tới nhiều người hơn, cá nhân hóa danh mục đầu tư cho người dùng. Ngoài ra, Trí tuệ nhân tạo có khả năng tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách thúc đẩy, phát triển Tài chính xanh thông qua phân tích dữ liệu (ESG). Trí tuệ nhân tạo và Công nghệ Máy học là công nghệ cần được tập trung phát triển để đưa Việt Nam tiến tới mục tiêu trở thành trung tâm Fintech của Đông Nam Á.

1.2. Công nghệ Chuỗi khối (Blockchain)

Đối với công nghệ Blockchain, việc định hình lại chuỗi giá trị tài chính toàn cầu, chuyển dịch từ mô hình tập trung, nhiều trung gian sang mô hình phi tập trung, minh bạch và hiệu quả hơn. Công nghệ Blockchain có 5 tác động chính:

Tác động đầu tiên, giảm chi phí và tăng tốc độ giao dịch thông qua loại bỏ trung gian, công nghệ này loại bỏ dần các trung gian truyền thống như ngân hàng hay công ty thanh toán, cho phép chuyển tiền xuyên biên giới với tốc độ chỉ 3-5 giây (ví dụ: Ripple)

và phí thấp hơn 30-50% so với mạng lưới Swift. Với ưu điểm vừa nhanh chóng, vừa tiết kiệm chi phí thì blockchain thực sự rất phù hợp với đất nước có Xuất khẩu chiếm gần 90% GDP như Việt Nam.

Tác động thứ hai, tăng cường tính minh bạch và bảo mật với sổ cái phân tán, blockchain là sổ cái phi tập trung ghi lại mọi giao dịch, không thể thay đổi và có thể kiểm toán, điều này làm tăng tính minh bạch, hạn chế sự thao túng thông tin hay báo cáo tài chính. Blockchain cải thiện niềm tin giữa các bên trong chuỗi giá trị. Blockchain cho phép các ngân hàng chia sẻ dữ liệu cho nhau trên một sổ cái phân tán, giảm trùng lặp trong việc xác minh danh tính khách hàng. Dữ liệu giờ đây không còn được tập trung chịu sự kiểm soát của bất kỳ tổ chức nào nữa mà chuyển sang một hệ thống phi tập trung nơi mà các bên liên quan đều có thể truy cập dữ liệu giao dịch một cách minh bạch.

Tác động thứ ba, Đổi mới mô hình tài chính thông qua tài chính phi tập trung (DeFi) và Token hóa tài sản. Sự bùng nổ của DeFi (Tài chính phi tập trung) đã tạo ra thị trường hoạt động xuyên suốt 24/7, nơi người dùng toàn cầu có thể giao dịch cho vay một cách dễ dàng, phải sinh trực tiếp với lợi suất cao hơn ngân hàng truyền thống 5-10%. Các stablecoin như USDT, USDC trở thành nơi kết nối các tài sản, toàn cầu với khối lượng giao dịch 10 tỷ USD/ngày, còn hợp đồng thông minh tự động hóa quy trình bảo hiểm, giải ngân vốn, giảm thời gian xử lý từ vài tuần xuống vài phút. Tuy nhiên, sự chuyển dịch này vấp phải thách thức từ khả năng mở rộng hạn chế (Ethereum chỉ xử lý 30 giao dịch/giây so với 24,000 TPS của Visa), rào cản pháp lý do thiếu khung quản lý toàn cầu, và lỗ hổng bảo mật gây thiệt hại lớn.

Tác động thứ tư, tự động hóa quy trình tài chính với hợp đồng thông minh (Smart Contracts) Hợp đồng thông minh trên blockchain tự động hóa các quy trình tài chính, chuyển dịch chuỗi giá trị tài chính toàn cầu từ mô hình tập trung, thủ công sang hệ thống phi tập trung, minh bạch và hiệu quả hơn. Chúng tự động thực thi các điều khoản

khí đáp ứng điều kiện được lập trình, giảm đáng kể chi phí vận hành, lỗi con người và thời gian xử lý. Theo The Motley Fool, hợp đồng thông minh có thể tăng tốc các quy trình như thanh toán bảo hiểm, ví dụ, một công ty bảo hiểm sử dụng hợp đồng thông minh để tự động chi trả bồi thường khi dữ liệu thời tiết xác nhận xảy ra thiên tai, giảm thời gian xử lý từ vài tuần xuống vài giờ. Tuy nhiên, tại Việt Nam, với hạ tầng kỹ thuật số yếu (40% lãnh đạo tài chính đánh giá ở mức thấp hoặc trung bình, theo Finastra 2023), cùng thách thức về lỗi lập trình và thiếu khung pháp lý, việc áp dụng hợp đồng thông minh vẫn còn hạn chế.

Tác động cuối cùng, tăng cường tài chính chuỗi cung ứng và tiếp cận tài chính toàn diện, Blockchain nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong tài chính chuỗi cung ứng, đồng thời thúc đẩy tiếp cận tài chính toàn diện, chuyển dịch chuỗi giá trị tài chính toàn cầu từ mô hình tập trung, phức tạp sang mô hình phi tập trung, dễ tiếp cận hơn. Công nghệ này cho phép theo dõi hàng hóa và thanh toán thời gian thực, giảm tranh chấp và chi phí, đồng thời cung cấp dịch vụ tài chính cho các khu vực chưa được phục vụ (unbanked/underbanked) thông qua ví điện tử và tiền điện tử. Theo Knowledge at Wharton, blockchain hỗ trợ tài chính toàn diện ở các quốc gia có hệ thống ngân hàng không ổn định, như ví dụ ở Venezuela, nơi tiền điện tử bảo vệ tài sản người dân. Tại Việt Nam, blockchain có tiềm năng giúp doanh nghiệp xuất khẩu (như cà phê) tự động hóa thanh toán với đối tác quốc tế, nhưng hạ tầng kỹ thuật số yếu (40% lãnh đạo tài chính đánh giá thấp, Finastra 2023) và thiếu khung pháp lý là thách thức lớn.

Blockchain là công nghệ được các nhà đầu tư và các định chế tài chính tập trung khai thác với hơn 90 ngân hàng trung ương đang phát triển Tiền kỹ thuật số Ngân hàng Trung ương (CBDC). Đây là tín hiệu để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét thử nghiệm loại hình tiền Kỹ thuật số CBDC nhằm thúc đẩy thanh toán số và giảm phụ thuộc vào tiền mặt. Dự báo Blockchain đang mở một kỷ nguyên

phi tập trung, thay thế hoàn toàn mô hình tập trung (nơi mà dữ liệu, tài sản,... bị kiểm soát bởi các tổ chức trung gian như chính phủ, ngân hàng hoặc các định chế tài chính) giảm sự lệ thuộc, hay nguy cơ thao túng của các tổ chức tài chính.

1.3. Dữ liệu lớn (Big Data)

Big Data đã tái định hình nền tài chính toàn cầu bằng cách biến dữ liệu thành "dầu mỏ" của thế kỷ 21, tạo ra sự chuyển dịch giá trị từ mô hình dựa trên kinh nghiệm sang hệ sinh thái định hướng dữ liệu. Theo McKinsey, các tổ chức tài chính sử dụng phân tích dữ liệu lớn để giảm 30% rủi ro tín dụng thông qua mô hình dự đoán vỡ nợ theo thời gian thực, đồng thời tối ưu hóa danh mục đầu tư nhờ vào việc sử dụng AI để phân tích xu hướng thị trường từ hơn 10.000 nguồn dữ liệu phi cấu trúc. Ngân hàng lớn như JP Morgan đã áp dụng hệ thống COIN tự động hóa hơn 360.000 giờ làm việc thủ công/năm để xử lý các công việc liên quan đến các giao dịch, các hợp đồng, điều này đã giảm thiểu chi phí vận hành từ 12 – 15%. Một số các công ty fintech (Ví dụ: Ant Group) dùng dữ liệu liên quan đến hành vi thanh toán để chấm điểm tín dụng cho hơn 300 triệu người không có lịch sử tín dụng, giúp các cá nhân có thể tiếp cận các khoản vay một cách dễ dàng hơn. Cá nhân hóa dịch vụ chăm sóc của các ngân hàng hay các tổ chức tài chính đạt hiệu quả vượt trội khi phân loại khách hàng ra làm nhiều phân khúc dựa trên hơn 5.000 điểm dữ liệu/người. Tại Việt Nam, ngân hàng VP BANK đã sử dụng cho việc phân tích dữ liệu Khách hàng để đưa ra các khoản vay có tính cá nhân hóa cao, thúc đẩy tài chính toàn diện. Big Data cũng hỗ trợ ESG, với 44% ngân hàng Việt Nam dự kiến phân tích dữ liệu phát thải từ khoản vay xanh (Finastra, 2023). Dữ liệu lớn dần trở thành một phần không thể thiếu đối với các chiến lược phát triển giải pháp công nghệ trong thời đại mới, ngay cả Trí tuệ nhân tạo, cũng phải dựa vào Dữ liệu lớn để đưa ra phân tích chính xác, thì thật không sao nếu nói BigData là xương sống của ngành công nghệ tài chính.

Tuy nhiên, sự chuyển dịch này kéo theo

thách thức lớn liên quan đến pháp lý như: Vi phạm quyền riêng tư, thuật toán thiên vị và rủi ro an ninh mạng (90% ngân hàng toàn cầu bị tấn công dữ liệu năm 2021 - IBM). Dù vậy, xu hướng tích hợp Big Data vào tài chính vẫn bùng nổ khi 70% quỹ đầu tư dùng alternative data (dữ liệu vệ tinh, IoT) để ra quyết định, và thị trường RegTech (công nghệ tuân thủ) đạt \$44.3 tỷ năm 2025 nhờ có AI giám sát và phát hiện các giao dịch đáng ngờ, chứng minh rằng Big Data đã trở thành trụ cột không thể đảo ngược của chuỗi giá trị tài chính hiện đại.

1.4. Công nghệ Điện toán đám mây (Cloud Computing)

Công nghệ Điện toán đám mây hiện nay đang đóng vai trò là nền tảng hạ tầng cho các chuyển đổi số trong tài chính, cung cấp khả năng mở rộng, tính linh hoạt và hiệu quả để triển khai các giải pháp như AI, ML và Big Data, từ đó định hình lại chuỗi giá trị tài chính toàn cầu. Các nền tảng như AWS, Azure và Google Cloud cho phép các tổ chức tài chính lưu trữ, xử lý khối lượng dữ liệu lớn và triển khai các mô hình phân tích nâng cao mà không cần đầu tư vào phần cứng đắt đỏ. Ví dụ, ngân hàng số của Goldman Sachs trên AWS triển khai các dịch vụ mới trong vài tuần thay vì vài tháng, trong khi các công ty fintech nhỏ lẻ sử dụng đám mây để cạnh tranh với các ngân hàng lớn một cách hiệu quả về mặt chi phí. Theo Deloitte, áp dụng đám mây giúp giảm chi phí đầu tư và công nghệ thông tin từ 30-50%, đồng thời xử lý khối lượng giao dịch lớn trong các sự kiện cao điểm như IPO. Công nghệ điện toán đám mây cũng thúc đẩy trong việc tích hợp các giải pháp như ví điện tử hoặc phân tích tín dụng trong các ngân hàng hoặc các công ty Fintech. Tại Việt Nam, Techcombank hợp tác với AWS để triển khai nền tảng ngân hàng số, giảm thời gian ra mắt dịch vụ mới xuống vài tuần, trong khi fintech như MoMo sử dụng đám mây để xử lý hàng triệu giao dịch trong các sự kiện mua sắm trực tuyến, thể hiện khả năng mở rộng vượt trội (Finastra, 2023).

Đám mây giúp tự động hóa quy trình back-office như quản lý hợp đồng quản lý giao dịch,

cho phép thử nghiệm các và triển khai các sản phẩm mới trên đám mây, hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn để phát hiện gian lận hoặc rủi ro tín dụng theo thời gian thực, ví dụ PayPal sử dụng Google Cloud để phân tích hàng triệu giao dịch mỗi giây, giảm 30% tỷ lệ gian lận (Google Cloud, 2023). Đám mây đóng vai trò là nhà cung cấp hạ tầng cho Tài chính phi tập trung DeFi, một trong những xu hướng lớn của tài chính toàn cầu, Ví dụ, nền tảng DeFi Aave sử dụng AWS để xử lý hàng triệu giao dịch vay ngang hàng, đảm bảo khả năng mở rộng và bảo mật. Việc phân tích dữ liệu của Blockchain cũng phải dựa trên điện toán đám mây để đảm bảo tuân thủ quy định, định hình cho tương lai tài chính toàn cầu.

Ngoài ra, nó còn hỗ trợ các sáng kiến tài chính xanh (ESG) bằng cách cung cấp sức mạnh tính toán để phân tích dữ liệu ESG, giúp các tổ chức tài chính đạt được mục tiêu bền vững. Tuy nhiên, điện toán đám mây đối mặt với thách thức về bảo mật, với 90% ngân hàng toàn cầu bị tấn công dữ liệu vào năm 2021, theo IBM. Các công ty thì quá phụ thuộc vào các nhà cung cấp như AWS hoặc Azure có thể dẫn đến tình trạng khóa nhà cung cấp (vendor lock-in), hạn chế tính linh hoạt. Các quy định như GDPR yêu cầu quản lý dữ liệu chặt chẽ trên đám mây, đặt ra thách thức về tuân thủ. Trong tương lai, mô hình đám mây lai (kết hợp đám mây công cộng và riêng tư) sẽ chiếm ưu thế, với 80% tổ chức tài chính dự kiến áp dụng đám mây vào năm 2025, theo Deloitte. Sự hội tụ của đám mây với AI và Big Data sẽ tiếp tục đẩy nhanh sự thay đổi, từ triển khai dịch vụ tài chính theo thời gian thực đến hỗ trợ các mô hình tài chính phi tập trung, đảm bảo các tổ chức tài chính duy trì lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh thị trường ngày càng phức tạp.

2. Cơ hội cho Việt Nam và các tổ chức tài chính

Công nghệ số, bao gồm Trí tuệ nhân tạo (AI), Machine Learning (ML), Blockchain, Big Data và Điện toán đám mây, đang định hình lại chuỗi giá trị tài chính toàn cầu một cách sâu sắc, mang lại những thay đổi vượt bậc trong cách các tổ chức tài chính vận hành, giao dịch

và phục vụ khách hàng. Những công nghệ này không chỉ cải thiện hiệu quả hoạt động, giảm chi phí mà còn mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, đặc biệt là nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Với dân số hơn 100 triệu người, trong đó 70% người dưới 35 tuổi và tỷ lệ người sử dụng internet đạt 73% theo World Bank (2023), Việt Nam đang có rất nhiều lợi thế để tận dụng các công nghệ số nâng cao vị thế trong ngành tài chính toàn cầu. Các công ty tài chính Việt Nam hoàn toàn có thể mở rộng phạm vi hoạt động ra thị trường quốc tế bằng cách tận dụng công nghệ số để phát triển các sản phẩm tài chính sáng tạo và khai thác các hiệp định thương mại tự do. Hướng tới mục tiêu Việt Nam trở thành trung tâm tài chính công nghệ (fintech) của khu vực Đông Nam Á.

2.1. Tăng hiệu quả hoạt động và giảm chi phí nhờ Trí tuệ nhân tạo và Công nghệ Máy học

Trước hết, AI và ML đang cách mạng hóa các hoạt động tài chính bằng cách tự động hóa và tối ưu hóa các quy trình phức tạp. Từ giao dịch thuật toán trên sàn chứng khoán, chấm điểm tín dụng chính xác hơn, đến việc triển khai robo-advisors hỗ trợ đầu tư và chatbot tự động phục vụ khách hàng, các công nghệ này đã thay đổi cách các tổ chức tài chính tương tác với người dùng. Tại Việt Nam, các ứng dụng thanh toán như MoMo và ZaloPay là minh chứng rõ ràng nhất. MoMo, với hơn 30 triệu người dùng tính đến năm 2023, đã xử lý giao dịch trị giá hơn 1,5 tỷ USD trong năm qua, theo *Fintech News* (2023). Công ty này sử dụng AI để tự động hóa quy trình xác minh danh tính khách hàng (KYC) và phát hiện gian lận, giảm thiểu thời gian xử lý giao dịch, cắt giảm chi phí vận hành xuống 20-30%. ZaloPay, một nền tảng khác với hơn 15 triệu người dùng, áp dụng ML để phân tích dữ liệu hành vi, từ đó cá nhân hóa các dịch vụ như chuyển tiền, thanh toán hóa đơn và khuyến mãi. Khi ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và công nghệ máy học trong quản lý năng lượng và cơ sở hạ tầng trong ngành tài chính sẽ giúp giảm lãng phí tài nguyên cho các công ty tài chính.

Thông qua cơ chế phân tích dữ liệu theo thời gian thực từ Internet kết nối vạn vật (IoT), ML sẽ sử dụng dữ liệu từ cảm biến IoT đang lắp đặt trên các thiết bị tài chính như cây ATM, máy POS, hoặc các trung tâm dữ liệu khác, sau đó theo dõi, thu thập, dự đoán nhu cầu sử dụng năng lượng điện trên lịch sử, nhận diện thời gian cao điểm và điều kiện môi trường, dựa vào những dữ liệu đã phân tích AI tích hợp với hệ thống quản lý năng lượng (EMS) tự động điều chỉnh công suất hệ thống, các thiết bị tài chính, giảm lãng phí. Tại HSBC, ngân hàng đã sử dụng AI để tối ưu hóa năng lượng trong các trung tâm dữ liệu đám mây trên nền tảng Azure, giảm 20% lượng điện tiêu thụ (Microsoft, 2023). AI phân tích dữ liệu từ cảm biến nhiệt độ và tải công việc để điều chỉnh máy chủ, tránh lãng phí năng lượng trong các giờ thấp điểm. Ngoài ra giải pháp này còn có thể dự đoán được thời điểm bảo trì thiết bị, tránh hỏng hóc bất ngờ và giảm chi phí sửa chữa, việc áp dụng ML để quản lý năng lượng máy ATM, tiết kiệm 15% chi phí điện năng trên toàn cầu, đồng thời giảm 10% thời gian bảo trì nhờ dự đoán hỏng hóc (Bank of America Sustainability Report, 2024)

Theo VnExpress (2023), hơn 50% dân số Việt Nam hiện sử dụng ví điện tử, phản ánh sự dịch chuyển mạnh mẽ từ ngân hàng truyền thống sang các giải pháp fintech. Ngoài lĩnh vực thanh toán, các ngân hàng số như Timo cũng tận dụng AI để cung cấp các khoản vay tín chấp cá nhân hóa dựa trên lịch sử tín dụng và thói quen tiêu dùng của khách hàng. Theo Vietnam Investment Review (2023), Timo đã phục vụ hơn 1 triệu khách hàng với tỷ lệ hài lòng đạt 85%, nhờ khả năng phê duyệt khoản vay nhanh chóng trong vòng 24 giờ. Trong lĩnh vực bảo hiểm, Bảo Việt khai thác dữ liệu lớn kết hợp với AI để phát triển các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe cá nhân hóa, dựa trên thông tin y tế và lối sống của khách hàng, từ đó tăng doanh thu thêm 15% trong năm 2022, theo báo cáo nội bộ của công ty. Những ví dụ này cho thấy AI và ML không chỉ nâng cao trải nghiệm khách hàng mà còn giúp các công ty tài chính

Việt Nam tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng thị phần ra thế giới.

2.2. Thúc đẩy tài chính toàn diện qua Blockchain

Blockchain đang thay đổi cấu trúc tài chính toàn cầu bằng cách loại bỏ các trung gian, tăng cường tính minh bạch và bảo mật., các công ty Công nghệ tài chính có thể cân nhắc ứng dụng DeFi để cung cấp các khoản vay nhỏ (microfinance) cho nông dân hoặc tiểu thương mà không cần thế chấp. Ví dụ như một nông dân trồng dâu ở Đà Lạt có thể vay tiền trên nền tảng DeFi với lãi suất thấp mà không cần tài sản đảm bảo, khoản vay sẽ được đánh giá bởi Blockchain dựa trên lịch sử giao dịch phi tập trung (Deloitte, 2024), ngoài ra nền tảng này hoạt động 24/7, giúp giao dịch trở nên thuận tiện hơn mà không cần phải đợi đến giờ hành chính giống như các ngân hàng truyền thống.

Điều này mở ra cơ hội cho các công ty tài chính Việt Nam tham gia vào thị trường toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh xuất khẩu của Việt Nam đạt 371 tỷ USD trong năm 2022, theo *Tổng cục Thống kê*. Tại thị trường nội địa, Blockchain có thể được sử dụng để thúc đẩy tài chính toàn diện, cung cấp dịch vụ cho hơn 30% dân số chưa có tài khoản ngân hàng, theo *Ngân hàng Thế giới* (2023). Ta có thể xem xét mở rộng và làm phổ biến hơn nữa nền tảng cho vay ngang hàng (P2P lending), nền tảng sẽ kết nối tất cả những người đi vay và những người cho vay một cách trực tiếp mà không cần phải qua Ngân hàng theo kiểu truyền thống nữa.

2.3. Phát triển các sản phẩm tài chính sáng tạo với Dữ liệu lớn (BigData) và Trí tuệ nhân tạo (AI)

Biến dữ liệu thành một tài sản chiến lược dựa trên công nghệ BigData, giúp các công ty tài chính quản lý rủi ro, tối ưu hóa danh mục đầu tư và cung cấp dịch vụ cá nhân hóa. Các ngân hàng lớn như Vietcombank và Techcombank đã sử dụng Big Data để phân tích hành vi khách hàng và phát triển các sản phẩm phù hợp. Điều này không chỉ cải thiện trải nghiệm

khách hàng mà còn giúp ngân hàng tiết kiệm hàng triệu USD chi phí vận hành mỗi năm. Trong lĩnh vực bảo hiểm, Bảo Việt sử dụng dữ liệu lớn để thiết kế các gói bảo hiểm cá nhân hóa, chẳng hạn như bảo hiểm ô tô dựa trên thói quen lái xe, từ đó tăng tỷ lệ giữ chân khách hàng lên 20%. Tuy nhiên, việc khai thác Big Data cũng đặt ra các thách thức lớn về quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu. Vụ rò rỉ dữ liệu của hơn 10.000 khách hàng từ một công ty tài chính tại Việt Nam vào năm 2022, theo Báo Thanh Niên, là lời cảnh báo về tầm quan trọng của an ninh mạng. Để giải quyết vấn đề này, các công ty cần tuân thủ nghiêm ngặt Luật An ninh mạng 2018 và đầu tư vào các công nghệ mã hóa tiên tiến. Đồng thời, việc đào tạo nhân lực về phân tích dữ liệu và AI là yếu tố then chốt để tận dụng tối đa tiềm năng của Big Data, đặc biệt khi Việt Nam hiện chỉ có khoảng 10.000 chuyên gia dữ liệu, theo Vietnamnet (2023), trong khi nhu cầu ước tính cao gấp 5 lần con số đó.

Tóm lại, các công nghệ như AI, ML, Blockchain, Big Data và Điện toán đám mây đang mang lại cơ hội chưa từng có để Việt Nam và các công ty tài chính tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị tài chính toàn cầu. Theo Statista (2023), thị trường fintech Việt Nam dự kiến đạt giá trị 18 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng hàng năm 15%, phản ánh tiềm năng to lớn của ngành. Từ việc tiếp cận thị trường quốc tế, tối ưu hóa hoạt động, sáng tạo sản phẩm đến cạnh tranh với các tổ chức truyền thống, những công nghệ này đang định hình một tương lai tài chính đầy triển vọng.

3. Thách thức đối với Việt Nam và các tổ chức tài chính

3.1. Thách thức về an ninh mạng

Bên cạnh những cơ hội to lớn mà công nghệ số mang lại, Việt Nam và các công ty tài chính cũng phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể khi áp dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (Big Data) và điện toán đám mây. Sự gia tăng của các giao dịch trực tuyến và dịch vụ tài chính di

động đã mở ra cánh cửa cho sự phát triển vượt bậc, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ tấn công mạng và đánh cắp dữ liệu. Theo báo cáo của Trung tâm Giám sát An toàn Không gian mạng Quốc gia (NCSC), Việt Nam ghi nhận hàng nghìn vụ tấn công mạng mỗi năm, trong đó lĩnh vực tài chính luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu. Cụ thể, trong năm 2023, NCSC đã phát hiện hơn 12.000 vụ tấn công mạng nhắm vào các tổ chức tài chính, gây thiệt hại ước tính lên đến hàng trăm tỷ đồng, theo thông tin từ VnExpress (2023). Những vụ tấn công này không chỉ đe dọa đến an toàn dữ liệu của khách hàng mà còn làm suy giảm niềm tin của người dùng vào các nền tảng tài chính số, vốn là yếu tố sống còn để tạo được lòng tin trong xã hội. Để đối phó với mối đe dọa này, các công ty tài chính buộc phải đầu tư mạnh mẽ vào các giải pháp bảo mật tiên tiến như mã hóa dữ liệu end-to-end, xác thực đa yếu tố và các hệ thống phát hiện xâm nhập dựa trên AI. Tuy nhiên, việc triển khai những công nghệ này đòi hỏi nguồn vốn lớn và đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, điều mà nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam hiện nay chưa thể đáp ứng đầy đủ. Thực tế, chi phí để xây dựng một hệ thống bảo mật hiện đại có thể lên đến hàng triệu USD, chưa kể đến chi phí duy trì và nâng cấp thường xuyên để đối phó với các hình thức tấn công mới ngày càng tinh vi.

3.2. Quản lý dữ liệu và tuân thủ quy định bảo vệ quyền riêng tư

Ngoài vấn đề an ninh mạng, việc thu thập và xử lý dữ liệu lớn để cá nhân hóa các dịch vụ tài chính cũng đặt ra những thách thức không nhỏ liên quan đến quản lý dữ liệu. Trong bối cảnh các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng trở nên nghiêm ngặt trên toàn cầu, các công ty tài chính tại Việt Nam không chỉ phải đối mặt với áp lực tuân thủ quy định Bảo vệ quyền riêng tư trong nước mà còn có các tiêu chuẩn quốc tế như GDPR của Liên minh châu Âu (EU), vốn áp dụng cho bất kỳ doanh nghiệp nào xử lý dữ liệu của công dân EU. Tại Việt Nam, Luật An ninh mạng 2018 đã đặt ra những

yêu cầu cơ bản về bảo vệ dữ liệu, nhưng việc thực thi và áp dụng thực tế vẫn còn nhiều lỗ hổng đáng chú ý. Theo một bài viết trên Báo Thanh Niên (2023), hơn 60% các công ty Fintech tại Việt Nam hiện nay chưa xây dựng được một chiến lược quản lý dữ liệu toàn diện, điều này khiến họ dễ rơi vào tình trạng vi phạm quy định của nhà nước hoặc sự mất lòng tin từ khách hàng khi mở rộng các hoạt động ra thị trường quốc tế. Chẳng hạn, một công ty fintech không có hệ thống mã hóa dữ liệu nhạy cảm hoặc chính sách quyền riêng tư rõ ràng có thể bị phạt nặng nếu vi phạm GDPR, với mức phạt tối đa lên đến 20 triệu euro hoặc 4% doanh thu hàng năm, tùy từng mức độ vi phạm.

3.3. Khung pháp lý chưa hoàn thiện

Khung pháp lý chưa hoàn thiện là một trong những rào cản lớn nhất đối với việc áp dụng các công nghệ tài chính mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (Big Data), và điện toán đám mây tại Việt Nam. Theo Tạp chí Tài chính (2023), hơn 70% công ty fintech tại Việt Nam gặp khó trong việc tuân thủ các quy định hiện hành do thiếu hướng dẫn cụ thể từ cơ quan nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như tiền kỹ thuật số, tài chính phi tập trung (DeFi), và hợp đồng thông minh (smart contracts). Sự thiếu đồng bộ và cập nhật chậm của khung pháp lý không chỉ tạo ra sự không chắc chắn mà còn hạn chế tiềm năng đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp. Trong bối cảnh thị trường fintech Việt Nam dự kiến đạt 18 tỷ USD vào năm 2025 với tốc độ tăng trưởng 15% mỗi năm (Statista, 2023), việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và linh hoạt là yếu tố vô cùng quan trọng để tận dụng cơ hội từ công nghệ số và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu.

Đối với tiền kỹ thuật số, Việt Nam vẫn chưa có khung pháp lý chính thức để điều chỉnh việc phát hành hoặc sử dụng các loại tiền này. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023), các quy định hiện hành dừng ở việc cấm sử dụng Bitcoin và các tiền mã hóa khác làm phương tiện thanh toán hợp pháp, nhưng

không đưa ra hướng dẫn về cách các công ty Công nghệ tài chính có thể thử nghiệm hoặc tích hợp đồng tiền kỹ thuật số trong các giao dịch. Ví dụ, một công ty muốn phát triển ví điện tử hỗ trợ sử dụng Bitcoin để phục vụ người dùng giao dịch, có thể đối mặt với rủi ro pháp lý do thiếu quy định rõ ràng về lưu trữ, giao dịch, và bảo mật. Điều này không chỉ làm chậm tiến độ phát triển mà còn khiến các nhà đầu tư quốc tế ngại rót vốn vào các dự án liên quan đến tiền kỹ thuật số tại Việt Nam. Theo Nextrans (2022), lượng vốn đầu tư vào mảng Công nghệ tài chính tại Việt Nam phần lớn tập trung vào thanh toán số và P2P lending. Ngoài ra các dự án blockchain chỉ chiếm dưới **10%** do lo ngại về pháp lý.

Đối với **Vay ngang hàng (P2P)**, đây là mô hình kết nối trực tiếp giữa người cho vay và người vay thông qua nền tảng trực tuyến mà không cần thông qua trung gian

như ngân hàng. Tại Việt Nam, P2P lending đã sớm phát triển từ năm 2016, với các nền tảng kết nối như Tima.vn, Vaymuon.vn,... Tuy nhiên, khung pháp lý còn mơ hồ, dẫn đến nhiều rủi ro như rửa tiền hay trốn thuế. Theo VietnamPlus, một số nền tảng P2P có lãi suất lên đến 39,1% mỗi tháng, gấp nhiều lần so với các ngân hàng truyền thống, điều này gây ra lo ngại về tín dụng đen. Nhận thấy tiềm năng phát triển của nền tảng này, chính phủ ban hành Nghị định 94/2025/ND-CP, phê duyệt chương trình thí điểm P2P lending trong hai năm, bắt đầu từ 01/07/2025. Nghị định này cho phép các công ty công nghệ tài chính đã được cấp phép hoạt động “sandbox”, một môi trường tự nghiệm dưới sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý, đây là bước đi quan trọng để đưa P2P lending vào khuôn khổ pháp lý giảm rủi ro và thúc đẩy nền tài chính toàn diện. Mặc dù vậy, chi phí để một công ty tài chính tập trung đầu tư tuân thủ các quy định là vô cùng cao, nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ thúc đẩy việc nghiên cứu sớm hoàn thành tránh lãng phí tài nguyên, chưa kể rủi ro xuất hiện những nền tảng P2P hoạt động ngoài khung pháp lý là có khả năng xảy ra,

như đã từng ở Trung Quốc trước khi quốc gia này phải đóng cửa hơn 10.000 nền tảng P2P (Hanoi Times, 2020) . Khung pháp lý cho vay ngang hàng tại Việt Nam đang phát triển theo hướng tích cực với Nghị định 94/2025/ND-CP, cho phép thí điểm sandbox, nhằm giảm rủi ro và thúc đẩy tài chính toàn diện. Tuy nhiên, thách thức như thiếu kinh nghiệm quản lý và chi phí tuân thủ cần được giải quyết. Việt Nam có thể học hỏi từ Singapore và Ấn Độ để xây dựng một hệ sinh thái P2P lending bền vững, hỗ trợ mục tiêu kinh tế số và cạnh tranh quốc tế.

Thiếu đồng bộ giữa các cơ quan quản lý là một vấn đề vô cùng nghiêm trọng. Hiện tại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động liên quan đến mảng công nghệ tài chính, nhưng các lĩnh vực như blockchain và DeFi vẫn còn liên quan đến Bộ Thông tin và Truyền thông (bảo mật dữ liệu) và Bộ Tài chính (thuế). Sự chồng chéo và sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan này khiến doanh nghiệp khó xác định quy trình để tuân thủ. Theo Deloitte (2024), các quốc gia như Singapore đã thành công trong việc thúc đẩy các giải pháp công nghệ trong tài chính nhờ cơ chế sandbox, cho phép thử nghiệm các công nghệ mới trong môi trường được kiểm soát. Khi đó, Việt Nam mới bắt đầu triển khai sandbox vào năm 2023, nhưng phạm vi áp dụng còn hạn chế, chỉ tập trung vào thanh toán số mà chưa bao gồm blockchain hay DeFi (Ngân hàng Nhà nước, 2023). Điều này khiến các công ty như Finhay hoặc Infina, vốn sử dụng robo-advisors và có tiềm năng tích hợp blockchain, phải hoạt động thận trọng để tránh vi phạm pháp lý (baodautu.vn, 2024).

Nhìn chung trong tương lai, giải quyết và hoàn thiện khung pháp lý sẽ là chìa khóa giúp Việt Nam khai thác tối đa tiềm năng của công nghệ số trong ngành tài chính

Tóm lại, dù công nghệ số mở ra nhiều triển vọng cho Việt Nam và các công ty tài chính, nhưng những thách thức như an ninh mạng, quản lý dữ liệu, thiếu hụt nhân lực và khung pháp lý chưa hoàn thiện vẫn là những rào cản

lớn cần được giải quyết. Các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư vào bảo mật, nâng cao năng lực quản lý dữ liệu, phát triển nguồn nhân lực và phối hợp với chính phủ để xây dựng một hệ sinh thái tài chính số bền vững. Chỉ khi vượt qua được những khó khăn này, Việt Nam mới có thể tận dụng tối đa tiềm năng của công nghệ số để nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu.

4. Khuyến nghị

Công nghệ số đang định hình lại ngành tài chính toàn cầu, mang lại cơ hội để Việt Nam nâng cao vị trên nền tài chính toàn cầu, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cấp bách về đổi mới và thích nghi. So với các quốc gia dẫn đầu như Singapore và Ấn Độ, Việt Nam có thể nhìn vào những sai lầm của các nước phát triển đi trước để rút ra bài học kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển fintech phù hợp. Singapore đã thành công trong việc trở thành trung tâm fintech khu vực nhờ khung pháp lý rõ ràng, đặc biệt là cơ chế sandbox, cho phép các công ty thử nghiệm các sản phẩm tài chính mới trong môi trường được kiểm soát. Theo *Monetary Authority of Singapore* (2023), hơn 200 công ty fintech đã tham gia sandbox từ năm 2016, giúp Singapore thu hút hơn 1 tỷ USD đầu tư vào fintech mỗi năm. Việt Nam có thể học hỏi mô hình này để khuyến khích đổi mới mà không gây rủi ro hệ thống, đặc biệt trong các lĩnh vực như tiền kỹ thuật số và DeFi. Tương tự, Ấn Độ đã cách mạng hóa thanh toán số với Unified Payments Interface (UPI), xử lý hơn 10 tỷ giao dịch mỗi tháng vào năm 2023 (*National Payments Corporation of India*, 2023). Thành công của UPI đến từ sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ, ngân hàng, và công ty công nghệ, cùng với việc triển khai cơ sở hạ tầng số. Việt Nam, với tỷ lệ sử dụng ví điện tử cao (50% dân số, theo *VnExpress*, 2023), có thể phát triển một hệ thống thanh toán số quốc gia tương tự để thúc đẩy tài chính toàn diện.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng cần tránh các sai lầm từ các quốc gia khác. Ví dụ, các vụ vi phạm dữ liệu tại châu Âu, với mức phạt GDPR

lên đến 1,9 tỷ euro vào năm 2022 (European Data Protection Board, 2023), là lời cảnh báo về tầm quan trọng của quản lý dữ liệu. Việt Nam cần xây dựng các chính sách bảo vệ dữ liệu chặt chẽ hơn, đặc biệt khi mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế. Ngoài ra, sự cạnh tranh từ các fintech nước ngoài như GrabPay và Revolut, vốn có nguồn lực mạnh và công nghệ tiên tiến, đòi hỏi các công ty Việt Nam phải đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) để duy trì lợi thế cạnh tranh. Việc hợp tác giữa các ngân hàng truyền thống và fintech, như trường hợp Vietcombank tích hợp các giải pháp thanh toán số (McKinsey, 2023), là một hướng đi cần được mở rộng để tạo ra hệ sinh thái tài chính số mạnh mẽ.

Để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức, Việt Nam cần triển khai các chiến lược dài hạn. Đầu tư vào hạ tầng công nghệ, như trung tâm dữ liệu và mạng 5G, sẽ tạo nền tảng cho các dịch vụ tài chính số, tránh sự phụ thuộc vào cơ sở điện toán đám mây từ nước ngoài. Phát triển nhân lực thông qua các chương trình đào tạo liên kết với các tổ chức quốc tế, giải quyết tình trạng thiếu hụt chuyên gia về mảng công nghệ. Hoàn thiện khung pháp lý, với các quy định rõ ràng về blockchain và tiền kỹ thuật số, sẽ tạo môi trường thuận lợi cho sự đổi mới, kích thích sáng tạo. Cuối cùng, thúc đẩy tài chính xanh thông qua các sản phẩm hỗ trợ năng lượng tái tạo và ESG sẽ giúp Việt Nam thu hút đầu tư quốc tế và đáp ứng các xu hướng toàn cầu.

5. Kết luận

Công nghệ số đã mang lại cho Việt Nam những cơ hội chiến lược để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị tài chính toàn cầu. Các nền tảng fintech như MoMo, với hơn 30 triệu người dùng và 1,5 tỷ USD giá trị giao dịch trong năm 2023 (Fintech News, 2023), đã chứng minh khả năng cạnh tranh quốc tế thông qua tích hợp với các dịch vụ như Apple Pay và Google Pay. Các doanh nghiệp như Tima, xử lý hơn 10.000 tỷ đồng khoản vay ngang hàng (CafeF, 2023), và Timo, phục vụ hơn 1 triệu khách hàng với các sản phẩm vay cá nhân hóa (Vietnam

Investment Review, 2023), cho thấy tiềm năng của công nghệ trong việc mở rộng tiếp cận tài chính. Các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và EVFTA, cùng với sự gia tăng đầu tư nước ngoài vào fintech (hơn 260 công ty fintech tại Việt Nam vào năm 2022, theo Nextrans, 2022), tạo điều kiện để các công ty Việt Nam thâm nhập thị trường quốc tế và thu hút vốn. Hơn nữa, xu hướng tài chính xanh, với nhu cầu ngày càng tăng về các sản phẩm tài chính hỗ trợ năng lượng tái tạo và giảm phát thải, cho phép Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn ESG và thu hút các nhà đầu tư toàn cầu. Những cơ hội này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn nâng cao uy tín của Việt Nam như một quốc gia tiên phong trong đổi mới tài chính.

Tuy nhiên, hành trình chuyển đổi số của Việt Nam không hề thiếu thách thức. Quản lý dữ liệu lớn đòi hỏi tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như GDPR, nhưng hơn 60% công ty fintech Việt Nam vẫn thiếu chiến lược quản lý dữ liệu toàn diện (Báo Thanh Niên, 2023). Thiếu hụt nhân lực công nghệ cao, với chỉ 10.000 chuyên gia dữ liệu so với nhu cầu 50.000 (Vietnamnet, 2023), cản trở việc triển khai các giải pháp AI và blockchain tiên tiến. Đặc biệt, khung pháp lý chưa đồng bộ, với hơn 70% công ty fintech gặp khó khăn do thiếu hướng dẫn rõ ràng (Tạp chí Tài chính, 2023), tạo ra rủi ro cho các sáng kiến như tiền kỹ thuật số và hợp đồng thông minh. Những trở ngại này đòi hỏi Việt Nam phải hành động nhanh chóng và quyết liệt để xây dựng một nền tảng vững chắc cho tài chính số.

Để khai thác tối đa tiềm năng của công nghệ số, Việt Nam cần triển khai các chiến lược toàn diện. Trước tiên, đầu tư vào hạ tầng công nghệ và an ninh mạng là yếu tố cốt lõi. Việc xây dựng các trung tâm dữ liệu hiện đại và triển khai các hệ thống bảo mật tiên tiến như mã hóa dữ liệu và phát hiện mối đe dọa dựa trên AI sẽ giúp bảo vệ hệ thống tài chính khỏi các cuộc tấn công mạng. Chính phủ có thể khuyến khích đầu tư tư nhân thông qua các gói ưu đãi thuế hoặc quỹ hỗ trợ đổi mới.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là ưu tiên chiến lược. Việt Nam cần mở rộng các chương trình đào tạo về AI, blockchain và dữ liệu lớn, kết hợp với các trường đại học, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp công nghệ như FPT và Viettel. Các sáng kiến như Chiến lược Chuyển đổi Số Quốc gia, với mục tiêu 50% doanh nghiệp áp dụng công nghệ số vào năm 2025, nên được đẩy mạnh thông qua các khóa học trực tuyến và chương trình thực tập thực tế. Thứ ba, hoàn thiện khung pháp lý là điều kiện tiên quyết để tạo môi trường thuận lợi cho fintech. Việt Nam cần ban hành các quy định cụ thể về tiền kỹ thuật số, DeFi và blockchain, đồng thời thử nghiệm các mô hình sandbox quy định để khuyến khích đổi mới mà không gây rủi ro hệ thống. Cuối cùng, thúc đẩy hợp tác giữa các ngân hàng truyền thống và công ty fintech sẽ tạo ra một hệ sinh thái tài chính số mạnh mẽ. Các quan hệ đối tác như giữa Vietcombank và các fintech để phát triển thanh toán số, hoặc Techcombank sử dụng công nghệ đám mây để tối ưu hóa hoạt động (McKinsey, 2023), là những ví dụ điển hình cần được nhân rộng.

Nghiên cứu này đã làm rõ cách công nghệ số đang tái định hình ngành tài chính và định vị Việt Nam trong làn sóng chuyển đổi toàn cầu. Với sự kết hợp giữa cơ hội chiến lược và thách thức phức tạp, Việt Nam đứng trước một ngã rẽ lịch sử để chuyển mình từ một nền kinh tế đang phát triển thành một trung tâm tài chính công nghệ có tầm ảnh hưởng. Thành công của quá trình này sẽ phụ thuộc vào khả năng phối hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng học thuật để xây dựng một hệ sinh thái tài chính số bền vững, an toàn và sáng tạo. Bằng cách đầu tư vào công nghệ, nhân lực, pháp lý và hợp tác, Việt Nam không chỉ có thể nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn góp phần định hình tương lai của ngành tài chính thế giới, khẳng định vai trò của mình trong một nền kinh tế số toàn cầu đầy tiềm năng.



NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ SỰ PHÂN MẢNH TRONG HỆ THỐNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU: TÁC ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG

Nguyễn Quốc Đạt
K244040491

Trần Thị Thuý Vy
K234141753

1. Hiện trạng: Sự nổi lên của phân mảnh tài chính trong bối cảnh địa chính trị căng thẳng

Trong những năm gần đây, thế giới chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng và phức tạp của các yếu tố bất ổn địa chính trị. Điển hình là cuộc xung đột Nga – Ukraine kéo dài, và cạnh tranh chiến lược ngày càng căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trên nhiều mặt trận, từ thương mại, công nghệ đến tài chính và quân sự. Những căng thẳng này không chỉ gây ra rủi ro chính trị mà còn lan rộng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cấu trúc vận hành của hệ thống tài chính quốc tế.

Đặc biệt, các biện pháp trừng phạt tài chính đã trở thành công cụ chính sách đối ngoại phổ biến, với tần suất sử dụng và phạm vi ngày càng mở rộng. Hàng loạt ngân hàng, công ty, thậm chí cả hệ thống thanh toán của các quốc gia bị loại khỏi mạng lưới toàn cầu. Bên cạnh đó, xu hướng chủ nghĩa bảo hộ kinh tế đang trỗi dậy mạnh mẽ, thể hiện qua các hàng rào thuế quan, hạn chế đầu tư, kiểm soát dữ liệu xuyên biên giới và các biện pháp giới hạn công nghệ đối với các đối thủ địa chính trị.

1.1. Từ hội nhập đến phân mảnh tài chính toàn cầu

Trong ba thập kỷ qua, toàn cầu hóa tài chính đã giúp hình thành một hệ thống tài chính quốc tế liên kết mạnh mẽ, thúc đẩy dòng vốn xuyên biên giới, cải thiện hiệu quả phân bổ nguồn lực và tạo điều kiện cho tăng trưởng toàn cầu. Ví dụ, sự phát triển của các trung tâm tài chính toàn cầu như London, New York và Hồng Kông đã giúp kết nối dòng vốn giữa các châu lục, đồng thời thúc đẩy sự lớn mạnh của các quỹ đầu tư, ngân hàng đa quốc gia và thị trường chứng khoán toàn cầu. Tuy nhiên, làn sóng địa chính trị mới đã làm đảo ngược tiến trình này, dẫn đến sự trỗi dậy của phân mảnh tài chính một hiện tượng mà dòng vốn, thị trường và hệ thống tài chính bị chia cắt theo ranh giới chính trị. Các rào cản đối với dòng tài chính xuyên biên giới đang ngày càng trở nên rõ rệt và phổ biến trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng.

Trước hết, nhiều quốc gia đã chủ động áp

dụng các biện pháp kiểm soát dòng vốn ra vào nền kinh tế nhằm bảo vệ ổn định tài chính nội địa. Ví dụ, Trung Quốc duy trì các biện pháp kiểm soát vốn nghiêm ngặt để ngăn dòng vốn thoát ra nước ngoài, trong khi Ấn Độ từng áp đặt giới hạn đầu tư ra nước ngoài nhằm kiểm soát biến động tỷ giá và dự trữ ngoại hối. Những biện pháp này bao gồm việc áp đặt các hạn mức chuyển tiền, siết chặt các quy định về đầu tư ra nước ngoài, và hệ thống tài chính bị chia cắt theo ranh giới chính trị. Các rào cản đối với dòng tài chính xuyên biên giới đang ngày càng trở nên rõ rệt và phổ biến trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng.

Trước hết, nhiều quốc gia đã chủ động áp dụng các biện pháp kiểm soát dòng vốn ra vào nền kinh tế nhằm bảo vệ ổn định tài chính nội địa. Ví dụ, Trung Quốc duy trì các biện pháp kiểm soát vốn nghiêm ngặt để ngăn dòng vốn thoát ra nước ngoài, trong khi Ấn Độ từng áp đặt giới hạn đầu tư ra nước ngoài nhằm kiểm soát biến động tỷ

giá và dự trữ ngoại hối. Những biện pháp này bao gồm việc áp đặt các hạn mức chuyển tiền, siết chặt các quy định về đầu tư ra nước ngoài, hoặc kiểm soát các giao dịch ngoại tệ. Mục tiêu là nhằm hạn chế tác động tiêu cực từ biến động thị trường quốc tế và các cú sốc tài chính lan tỏa.

Bên cạnh đó, các lệnh trừng phạt tài chính vốn được sử dụng như một công cụ chính sách đối ngoại đã trở nên phổ biến hơn. Một ví dụ điển hình là việc Nga bị loại khỏi hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT sau cuộc xung đột tại Ukraine, khiến các ngân hàng Nga gần như bị cô lập khỏi hệ thống tài chính toàn cầu. Tài sản của nhiều tổ chức tài chính Nga cũng bị đóng băng tại Mỹ và EU, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán quốc tế và tiếp cận nguồn vốn của họ.

Ngoài ra, tình trạng hạn chế hoặc loại bỏ quyền truy cập vào các hạ tầng tài chính trọng yếu đang khiến một số quốc gia bị gạt ra bên lề của mạng lưới tài chính quốc tế. Ví dụ, Iran từ lâu đã phải đối mặt với việc bị ngắt kết nối khỏi các nền tảng thanh toán xuyên biên giới do lệnh cấm vận của phương Tây, khiến các giao dịch thương mại và đầu tư vào nước này gần như tê liệt. Điều này dẫn đến gián đoạn nghiêm trọng trong hoạt động thanh toán, chuyển tiền và đầu tư xuyên biên giới, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả phân bổ nguồn lực toàn cầu và làm gia tăng chi phí tài chính đối với cả khu vực công và tư nhân.

Kết quả là mức độ tin tưởng vào hệ thống tài chính toàn cầu suy giảm. Các nhà đầu tư ngày càng ưu tiên “đa dạng hóa địa chính trị” nghĩa là chỉ hợp tác trong phạm vi các nước được xem là thân thiện hoặc cùng phe chiến lược. Một ví dụ tiêu biểu là xu hướng các nền kinh tế phương Tây chuyển hướng dòng vốn và chuỗi cung ứng sang các quốc gia “đồng minh chiến lược” như Ấn Độ, Việt Nam hay Mexico, thay vì tiếp tục phụ thuộc vào Trung Quốc trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng.

1.2. Khái niệm và biểu hiện của phân mảnh giá trị tài chính

Phân mảnh giá trị tài chính (financial value chain fragmentation) là hiện tượng chuỗi giá trị tài chính toàn cầu bao gồm các hoạt động then chốt như huy động vốn, giao dịch, thanh toán, quản lý rủi ro và đầu tư bị gián đoạn, tái cấu trúc hoặc chia tách theo các vùng hoặc khối địa chính trị. Trong khi trước đây hệ thống tài chính quốc tế vận hành theo hướng hội nhập và xuyên biên giới, thì hiện nay, dưới tác động của căng thẳng địa chính trị gia tăng, hoạt động tài chính đang dần chuyển sang mô hình khu vực hóa, trong đó các quốc gia và tổ chức tài chính có xu hướng chỉ hợp tác trong khuôn khổ các “liên minh tài chính thân thiện” là các đối tác có quan hệ địa chính trị gần gũi và ổn định.

Ba biểu hiện rõ nét của xu hướng phân mảnh giá trị tài chính bao gồm:

Thứ nhất, sự hình thành và phân chia các hệ sinh thái tài chính riêng biệt. Các chuỗi giá trị tài chính toàn cầu đang bị cắt nhỏ thành những cụm khép kín theo trục “đồng minh” và “đối thủ”. Điều này thể hiện qua việc các ngân hàng và tổ chức tài chính phương Tây giảm dần sự hợp tác với các ngân hàng Trung Quốc hoặc Nga, trong khi các quốc gia bị trừng phạt lại phát triển hệ thống tài chính độc lập để tránh phụ thuộc vào hạ tầng tài chính quốc tế do phương Tây kiểm soát.

Thứ hai, việc tiếp cận các công cụ và nền tảng tài chính toàn cầu ngày càng bị hạn chế. Các tổ chức tài chính ở những quốc gia bị áp đặt trừng phạt hoặc có xung đột địa chính trị nghiêm trọng thường gặp khó khăn lớn trong việc giao dịch quốc tế, huy động vốn toàn cầu, hoặc niêm yết cổ phiếu và trái phiếu trên các thị trường tài chính lớn như New York, London hay Tokyo. Ngoài ra, khả năng tiếp cận hệ thống thanh toán quốc tế như SWIFT cũng bị thu hẹp, làm gia tăng chi phí giao dịch và giảm hiệu quả tài chính.

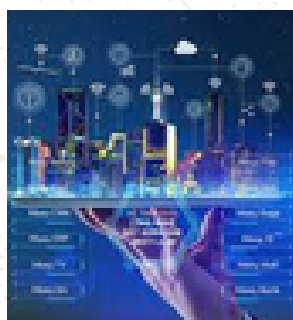
Thứ ba, các tập đoàn đa quốc gia (MNCs) buộc phải tái cấu trúc chiến lược tài chính toàn cầu của mình. Cụ thể, các doanh nghiệp này

đang điều chỉnh lại mạng lưới dòng tiền, cắt giảm sự phụ thuộc vào thị trường hoặc đối tác thuộc các khu vực địa chính trị rủi ro cao, đồng thời tăng cường bảo mật tài chính nội bộ và phân tán rủi ro về khu vực. Quá trình này dẫn đến việc tái tổ chức chuỗi cung ứng tài chính, đa dạng hóa trung tâm tài chính và tăng cường đầu tư vào các thị trường có mức độ ổn định chính trị cao hơn.

Ví dụ cụ thể cho xu hướng này bao gồm việc Nga bị loại khỏi hệ thống thanh toán SWIFT sau cuộc xung đột với Ukraine, khiến các ngân hàng Nga phải chuyển sang hệ thống thanh toán riêng như SPFS. Tương tự, chính phủ Hoa Kỳ cũng đã ban hành các lệnh cấm đầu tư vào hàng loạt công ty công nghệ Trung Quốc, khiến các công ty này bị loại khỏi các sàn giao dịch lớn và mất quyền tiếp cận vốn quốc tế. Những diễn biến này là minh chứng rõ nét cho tốc độ phân mảnh tài chính đang ngày càng gia tăng trong bối cảnh địa chính trị bất ổn.

2. Tác động của phân mảnh tài chính toàn cầu dưới ảnh hưởng địa chính trị

2.1. Địa chính trị tác động mạnh đến dòng vốn và đầu tư xuyên biên giới



Căng thẳng địa chính trị ngày càng gia tăng đang trở thành một trong những nguyên nhân chính gây ra phân mảnh tài chính toàn cầu, với ảnh hưởng sâu rộng đến dòng vốn xuyên biên giới, giá tài sản và ổn định vĩ mô. IMF (2023) cho thấy sự khác biệt về lập trường chính sách đối ngoại giữa các quốc gia đầu tư và quốc gia tiếp nhận vốn đo lường bằng chỉ số “khoảng cách địa chính trị” có liên hệ đáng kể đến việc tái phân bổ dòng vốn.

IMF đề xuất một **mô hình hai kênh truyền dẫn** để lý giải tác động của địa chính trị đối với phân mảnh tài chính và rủi ro ổn định tài chính vĩ mô:



Kênh tài chính (Financial Channel): Căng thẳng địa chính trị có thể dẫn đến áp đặt các biện pháp hạn chế dòng vốn, kiểm soát thanh toán, đóng băng tài sản, hoặc làm gia tăng rủi ro và chi phí giao dịch. Từ đó, nhà đầu tư sẽ rút vốn hoặc né tránh đầu tư vào những nước bị xem là “đối thủ chiến lược”, kéo theo sự sụt giảm giá tài sản, chi phí huy động vốn tăng và áp lực thanh khoản gia tăng trong hệ thống tài chính.

Kênh thực (Real Channel): Căng thẳng chính trị gây ra gián đoạn thương mại, đứt gãy chuỗi cung ứng, hạn chế chuyển giao công nghệ và biến động giá hàng hóa.

Điều này làm suy yếu tăng trưởng, gia tăng lạm phát và khiến doanh nghiệp khó khăn trong thanh toán nợ, từ đó làm phát sinh rủi ro tín dụng cho khu vực ngân hàng.

Hai kênh truyền dẫn kênh tài chính và kênh thực không tồn tại tách biệt mà có thể khuếch đại lẫn nhau, tạo ra vòng xoáy phản hồi tiêu cực giữa bất ổn tài chính và suy thoái kinh tế thực. Cụ thể, khi căng thẳng địa chính trị bùng phát, các biện pháp hạn chế dòng vốn, phong tỏa tài sản hoặc cắt đứt kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế có thể khiến nhà đầu tư rút vốn, giá tài sản sụt giảm và chi phí tài chính tăng (kênh tài chính). Điều này gây ra tình trạng thiếu hụt thanh khoản

và hạn chế tín dụng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, đầu tư và tiêu dùng (kênh thực), từ đó kéo theo suy giảm tăng trưởng, gia tăng thất nghiệp và áp lực lạm phát. Ngược lại, khi kinh tế thực suy yếu, khả năng trả nợ của doanh nghiệp giảm, nợ xấu tăng lên, hệ thống ngân hàng trở nên dễ tổn thương hơn, khiến niềm tin vào thị trường tiếp tục suy giảm. Vòng xoáy này lặp đi lặp lại, làm trầm trọng thêm tình trạng rút vốn, khủng hoảng thanh khoản và mất ổn định hệ thống tài chính. Một ví dụ điển hình là sau khi Nga bị loại khỏi SWIFT năm 2022, nhiều ngân hàng và doanh nghiệp trong nước rơi vào khủng hoảng thanh khoản, hoạt động ngoại thương đình trệ, lạm phát tăng cao và nền kinh tế rơi vào suy thoái. Từ đó có thể thấy, sự khuếch đại tiêu cực giữa hai kênh không chỉ làm suy yếu năng lực ứng phó của từng quốc gia, mà còn làm gia tăng nguy cơ khủng hoảng tài chính hệ thống ở cấp độ toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh phân mảnh tài chính ngày càng sâu sắc và khó đảo ngược.

2.2. Gia tăng rủi ro tài chính vĩ mô và mất ổn định hệ thống tài chính toàn cầu

Sự phân mảnh trong hệ thống tài chính toàn cầu dưới tác động của các yếu tố địa chính trị không chỉ làm suy yếu dòng vốn xuyên biên giới, mà còn gây ra những bất ổn nghiêm trọng ở cấp độ tài chính vĩ mô. Cụ thể, các biện pháp trừng phạt, kiểm soát vốn và rào cản thanh toán quốc tế đã khiến nhiều nền kinh tế đối mặt với biến động giá tài sản, tăng chi phí vay mượn, và giảm khả năng tiếp cận nguồn tín dụng quốc tế.

Việc dòng vốn toàn cầu trở nên kém linh hoạt và mang tính lựa chọn cao hơn theo lập trường chính trị, thay vì yếu tố kinh tế thuần túy, đã khiến hệ thống tài chính thế giới bị chia cắt, làm suy giảm khả năng chia sẻ rủi ro giữa các quốc gia và khu vực. Trong môi trường tài chính như vậy, một cú sốc tại một nền kinh tế lớn hoặc một thị trường vốn trọng điểm hoàn toàn có thể lan rộng và tạo ra hiệu ứng dây chuyền, làm gia tăng nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính mang tính hệ thống.

Sự phân mảnh tài chính nếu tiếp tục kéo dài có thể làm suy yếu hiệu quả của các cơ chế phòng vệ tài chính đa phương, làm giảm sức mạnh của các công cụ chính sách tiền tệ và tài khóa toàn cầu, đồng thời tạo ra một hệ thống tài chính ít linh hoạt và dễ tổn thương hơn trước các cú sốc từ bên ngoài.

2.3. Tác động đến các nền kinh tế mới nổi

Trong bối cảnh phân mảnh tài chính do địa chính trị, các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (EMDEs) được xác định là nhóm chịu tác động bất lợi sâu sắc nhất. Khi căng thẳng địa chính trị gia tăng, dòng vốn quốc tế đặc biệt là dòng vốn danh mục và tín dụng ngân hàng song phương có xu hướng sụt giảm đáng kể giữa các quốc gia không đồng thuận về chính sách đối ngoại. Một nghiên cứu định lượng chỉ ra rằng, chỉ một độ lệch chuẩn trong khoảng cách địa chính trị cũng có thể khiến dòng vốn giảm tới 15%(IMF 2023). Điều này đặc biệt nghiêm trọng đối với các nước đang phát triển những nền kinh tế vốn phụ thuộc lớn vào vốn nước ngoài để tài trợ cho tăng trưởng và phát triển cơ sở hạ tầng.

BIS (2025) cũng nhấn mạnh rằng, sự phân cực trong dòng vốn FDI đang diễn ra rõ rệt: đầu tư trực tiếp hiện nay có xu hướng tập trung vào các nước “đồng minh chiến lược”, trong khi các quốc gia “bên ngoài khối” dần bị gạt khỏi chuỗi giá trị toàn cầu và mạng lưới vốn quốc tế. Những nước mới nổi vốn không thuộc liên minh địa chính trị rõ ràng đang mất đi cơ hội tiếp cận các khoản đầu tư chiến lược, khiến chi phí vay tăng, đồng thời làm giảm khả năng chuyển giao công nghệ và tích lũy vốn dài hạn.

Báo cáo của WEF (2025) còn cảnh báo rằng phân mảnh tài chính toàn cầu có thể khiến GDP của các nước mới nổi giảm đến 5% trong kịch bản phân mảnh sâu, trong khi các nước phát triển tổn thất ít hơn do họ có hệ thống tài chính nội địa mạnh hơn và khả năng tự chủ cao hơn. Ngoài ra, các quốc gia đang phát triển thường không nằm trong các cơ chế chia sẻ rủi ro tài chính toàn cầu (như mạng lưới hoán đổi tiền tệ swap lines), do đó dễ bị tổn thương trước dòng vốn đảo chiều hoặc biến động thị trường.

Sự phụ thuộc lớn vào USD trong thanh toán quốc tế cũng khiến các nền kinh tế này dễ bị tổn thương trước các biện pháp trừng phạt tài chính hoặc biến động chính sách tiền tệ của Mỹ. Nếu hệ thống thanh toán quốc tế bị phân mảnh, việc tiếp cận các công cụ tài chính toàn cầu sẽ trở nên khó khăn hơn, dẫn đến chi phí giao dịch tăng và giảm hiệu quả tài chính ở các nước thu nhập thấp.

Tóm lại, trong khi các nền kinh tế phát triển có khả năng thích ứng với phân mảnh tài chính nhờ lợi thế về quy mô, công nghệ và vị thế hệ thống, thì các quốc gia đang phát triển lại đứng trước nguy cơ bị gạt ra ngoài lề của hệ thống tài chính toàn cầu, kéo theo hệ quả là tăng trưởng chậm lại và bất ổn kinh tế vĩ mô trầm trọng hơn. Do đó, việc xây dựng các cơ chế tài chính toàn cầu mang tính bao trùm và công bằng trở nên cấp thiết nhằm bảo vệ tính ổn định và cân bằng trong phát triển kinh tế giữa các quốc gia.

3. Giải pháp thích ứng: Ứng phó trong môi trường phân mảnh

3.1. Cấp độ tổ chức tài chính và doanh nghiệp

Bối cảnh bất định ngày càng gia tăng do căng thẳng địa chính trị và xu hướng phân mảnh tài chính toàn cầu, các tổ chức tài chính bao gồm ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý tài sản và các quỹ đầu tư cần chủ động nâng cao năng lực thích nghi thông qua ba hướng đi chiến lược: đa dạng hóa thị trường, tăng cường năng lực đánh giá rủi ro, và hiện đại hóa hạ tầng số. Đây không chỉ là biện pháp phòng vệ trước các cú sốc địa chính trị mà còn là điều kiện để duy trì tính cạnh tranh và ổn định hoạt động tài chính trong dài hạn.

3.1.1. Đa dạng hóa thị trường và đối tác tài chính

Sự phụ thuộc vào một thị trường hay khu vực địa lý duy nhất có thể khiến các tổ chức tài chính dễ bị tổn thương trước các rủi ro mang tính hệ thống, đặc biệt trong bối cảnh xung đột địa chính trị có thể xảy ra bất ngờ và lan rộng. Do đó, việc đa dạng hóa danh mục thị trường đầu tư và đối tác tài chính trở thành

một chiến lược then chốt nhằm phân tán rủi ro và tối ưu hóa lợi suất điều chỉnh theo rủi ro. Trên thực tế, nhiều ngân hàng và quỹ đầu tư khu vực châu Á đã chủ động tái cơ cấu danh mục, giảm sự phụ thuộc vào các nền kinh tế có xung đột địa chính trị như Nga hay Trung Đông, và chuyển dòng vốn sang các nền kinh tế mới nổi có chính sách ổn định hơn như Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam hoặc các nước khu vực châu Phi cận Sahara nơi đang dần trở thành “vùng đệm đầu tư” trong chuỗi giá trị toàn cầu mới.

3.1.2. Tăng cường hệ thống cảnh báo rủi ro địa chính trị

Khác với rủi ro tài chính truyền thống, rủi ro địa chính trị thường có tính khó dự báo, lan truyền nhanh và mang tính cảm tính cao. Do đó, nhiều tổ chức tài chính quốc tế đang đầu tư mạnh vào hệ thống cảnh báo sớm, ứng dụng dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning) để theo dõi, phân tích và dự báo các biến động chính trị kinh tế theo thời gian thực. Một ví dụ điển hình là Citigroup tập đoàn tài chính toàn cầu đã phát triển hệ thống theo dõi rủi ro chính trị tại hơn 160 quốc gia, tích hợp các chỉ số về xung đột, chính sách, và truyền thông để cảnh báo sớm và điều chỉnh danh mục đầu tư tương ứng. Việc tích hợp yếu tố địa chính trị vào mô hình quản trị rủi ro toàn diện (ERM) không chỉ giúp tăng tính chủ động trong ứng phó, mà còn tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn trong môi trường đầu tư ngày càng bất định (WEF, 2025).

3.1.3. Chuyển đổi số và nâng cao năng lực vận hành linh hoạt

Trong điều kiện môi trường tài chính bị phân mảnh, khả năng vận hành linh hoạt và thích ứng nhanh là yếu tố sống còn đối với các tổ chức tài chính. Việc chuyển đổi số toàn diện bao gồm sử dụng nền tảng điện toán đám mây, số hóa quy trình nghiệp vụ, tự động hóa công việc hậu kiểm, và nâng cấp bảo mật thông tin sẽ giúp doanh nghiệp duy trì tính liên tục trong vận hành, ngay cả khi đối mặt với các biện pháp trừng phạt tài chính, gián đoạn hạ tầng thanh toán quốc tế, hoặc khủng

3.2. Cấp độ chính sách quốc gia

Đối với các quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (EMDEs), việc xây dựng một hệ thống chính sách tài chính vững chắc, linh hoạt và chủ động thích nghi với rủi ro địa chính trị là điều kiện thiết yếu để đảm bảo ổn định vĩ mô và duy trì niềm tin nhà đầu tư. Trong bối cảnh phân mảnh tài chính toàn cầu đang gia tăng, chính sách cấp quốc gia cần được thiết kế theo hướng “chủ quyền linh hoạt”, tập trung vào ba trụ cột chính:

3.2.1. Tích hợp rủi ro địa chính trị vào khung giám sát tài chính quốc gia

Các mô hình dự báo truyền thống thường bỏ qua hoặc đánh giá thấp các cú sốc mang yếu tố địa chính trị như trừng phạt tài chính, cắt đứt dòng vốn, kiểm soát thương mại, hoặc sự phân cực trong hệ thống thanh toán quốc tế. Do đó, các cơ quan quản lý cần bổ sung rủi ro địa chính trị vào mô hình đánh giá khả năng chống chịu tài chính (resilience stress tests), kết hợp giữa dữ liệu định lượng và phân tích kịch bản (scenario analysis). Nhiều quốc gia đã triển khai các đơn vị chuyên trách trong Ngân hàng Trung ương để theo dõi động lực chính trị toàn cầu, từ đó điều chỉnh chính sách tỷ giá, lãi suất, và quản lý dòng vốn ngắn hạn một cách linh hoạt (IMF, 2023; BIS, 2025).

3.2.2. Phát triển năng lực tự chủ tài chính quốc gia

Sự phụ thuộc vào đồng USD, các trung tâm thanh toán quốc tế và chuỗi cung ứng tài chính xuyên biên giới đang làm gia tăng tính dễ tổn thương của các nước nhỏ và mới nổi. Trong bối cảnh này, phát triển các hạ tầng thanh toán quốc nội hoặc khu vực trở thành ưu tiên chiến lược. Chẳng hạn, hệ thống MIR của Nga được triển khai sau khi bị loại khỏi SWIFT là một ví dụ điển hình về việc thiết lập chủ quyền tài chính trong khủng hoảng. Tại Đông Nam Á, sáng kiến liên kết hệ thống QR xuyên biên giới giữa Indonesia, Thái Lan, Singapore và Malaysia giúp tăng cường thanh toán nội khối và giảm phụ thuộc vào mạng lưới bên ngoài (WEF, 2025).

3.2.3. Khuyến khích giao dịch bằng đồng nội

tệ trong thương mại quốc tế

Xu hướng “phi đô la hóa mềm” (soft dedollarization) đang được nhiều nền kinh tế mới nổi theo đuổi nhằm giảm rủi ro từ các quyết sách tài chính mang yếu tố địa chính trị của các cường quốc. Trung Quốc và Ấn Độ là những ví dụ điển hình khi xúc tiến hàng loạt thỏa thuận thương mại song phương sử dụng đồng Nhân dân tệ và Rupee trong thanh toán quốc tế, góp phần gia tăng chủ quyền tiền tệ, ổn định tỷ giá và củng cố năng lực đối phó với các biện pháp kiểm soát tài chính từ bên ngoài

3.3. Cấp độ hợp tác quốc tế

Trong bối cảnh phân cực địa chính trị đang chia rẽ hệ thống tài chính toàn cầu thành các khối cạnh tranh lẫn nhau, hợp tác đa phương và thiết lập các cơ chế chia sẻ rủi ro mang tính quốc tế vẫn là chiến lược dài hạn cần thiết để đảm bảo hệ thống tài chính vận hành hiệu quả, ổn định và có khả năng thích ứng với cú sốc toàn cầu.

3.3.1. Khôi phục và củng cố các cơ chế hợp tác tài chính đa phương

Lịch sử cho thấy các cơ chế hoán đổi tiền tệ song phương và đa phương là công cụ hiệu quả để bảo vệ tính thanh khoản toàn cầu trong thời kỳ khủng hoảng. Ví dụ, trong đại dịch COVID-19, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã thiết lập mạng lưới swap line (hệ thống các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ) trị giá hàng trăm tỷ USD, giúp giảm áp lực tỷ giá, hạ nhiệt thị trường tài chính và củng cố niềm tin toàn cầu (Federal Reserve Board, 2025). Cơ chế này cần được mở rộng sang các nước đang phát triển với điều kiện tiếp cận linh hoạt hơn.

3.3.2. Thiết lập các cơ chế chia sẻ rủi ro và hỗ trợ tài chính khẩn cấp

Một giải pháp đáng chú ý là các công cụ hỗ trợ tài chính có điều kiện mềm của IMF, tiêu biểu như Quỹ Phòng ngừa và Ổn định (Precautionary and Liquidity Line – PLL). Việc IMF phê duyệt khoản hỗ trợ trị giá 1,5 tỷ USD cho Costa Rica vào năm 2024 đã cho thấy mô hình hỗ trợ linh hoạt, không ràng buộc cải cách chính trị sâu rộng vẫn có thể tạo ra “lớp đệm tài chính” hiệu quả, giúp quốc gia tăng

cường khả năng chống đỡ trước các cú sốc địa chính trị và biến động thị trường (IMF, 2024).

3.3.3. Thúc đẩy chuyển đổi số tài chính toàn cầu

Cuối cùng, việc phát triển hạ tầng tài chính số hóa đặc biệt là đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) đang mở ra cơ hội thiết lập hệ thống thanh toán toàn cầu mới, ít phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng cũ vốn dễ bị tổn thương bởi lệnh trừng phạt, cắt kết nối

4. Kết Luận & Khuyến Nghị

4.1. Kết luận

Sự gia tăng căng thẳng địa chính trị trong thời gian gần đây, đặc biệt giữa các nền kinh tế lớn, đang tạo ra những tác động sâu rộng đến cấu trúc tài chính toàn cầu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các yếu tố địa chính trị ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình dòng vốn xuyên biên giới, thể hiện qua sự suy giảm đáng kể trong đầu tư danh mục, tín dụng ngân hàng và đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa các quốc gia có bất đồng chính sách đối ngoại. Quá trình phân mảnh tài chính này không chỉ làm xói mòn hiệu quả phân bổ vốn toàn cầu, mà còn làm gia tăng tính dễ tổn thương của các nền kinh tế trước các cú sốc tài chính và thương mại.

Cụ thể, phân mảnh tài chính gây ra áp lực lên chi phí vốn, làm suy giảm lợi nhuận của khu vực ngân hàng và hạn chế khả năng cung ứng tín dụng cho khu vực tư nhân – đặc biệt nghiêm trọng ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Trong dài hạn, việc mất đi khả năng đa dạng hóa rủi ro quốc tế làm gia tăng biến động dòng vốn, giảm ổn định thị trường tài chính và kéo theo hệ quả là tổn thất phúc lợi kinh tế trên diện rộng. Bên cạnh đó, phân mảnh tài chính còn có thể cản trở quá trình chuyển đổi xanh, tăng rủi ro an ninh mạng và làm suy yếu năng lực phối hợp quốc tế trong xử lý các thách thức toàn cầu như khủng hoảng công hay biến đổi khí hậu.

4.2. Khuyến nghị

Trước các rủi ro ngày càng gia tăng từ phân mảnh tài chính toàn cầu do căng thẳng địa chính trị, các nhà hoạch định chính sách cần triển khai một loạt biện pháp chủ động và phối hợp để bảo đảm ổn định kinh tế tài chính. Cụ thể, các khuyến nghị chính như sau: Tăng cường năng lực giám sát và đánh giá rủi ro tài chính có yếu tố địa chính trị; Các cơ quan quản lý tài chính cần tích hợp các yếu tố địa chính trị vào khung phân tích rủi ro, thông qua mô hình kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) và phân tích kịch bản (scenario analysis), nhằm nhận diện và chuẩn bị cho các cú sốc bất ngờ nhưng có khả năng xảy ra cao.

Xây dựng và củng cố các bộ đệm kinh tế vĩ mô: Các quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi, cần chủ động nâng cao dự trữ ngoại hối, mở rộng lưới an toàn tài chính (bao gồm cả các thỏa thuận tài chính song phương và khu vực), đồng thời yêu cầu các định chế tài chính duy trì mức vốn và thanh khoản cao hơn để đảm bảo khả năng chống chịu. Phát triển tài chính nội địa và nâng cao tính tự chủ: Việc mở rộng cơ sở nhà đầu tư trong nước, cải thiện chiều sâu thị trường vốn và tăng cường khả năng huy động tài chính nội địa sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào vốn ngoại và nâng cao năng lực ứng phó với cú sốc tài chính từ bên ngoài.



Thúc đẩy hợp tác quốc tế và duy trì kênh đối thoại đa phương: Giảm thiểu nguy cơ phân cực tài chính đòi hỏi một cam kết mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế trong việc giữ gìn các nguyên tắc hợp tác, minh bạch và trật tự luật pháp toàn cầu. Hợp tác đa phương hiệu quả sẽ là yếu tố then chốt để ngăn ngừa sự lan rộng của phân mảnh tài chính và đảm bảo phục hồi bền vững.

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

SỰ NỔI LÊN CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH KỸ THUẬT SỐ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ ỔN ĐỊNH CỦA CHUỖI GIÁ TRỊ TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

Nguyễn Đồng Mạnh
K224141674

Trần Lê Quang An
K224141649



1. Lời mở đầu

Trong kỷ nguyên chuyển đổi số toàn diện, tài chính không chỉ là một lĩnh vực chịu ảnh hưởng mà còn đang trở thành trung tâm đổi mới của nền kinh tế toàn cầu. Sự phát triển bùng nổ của các công nghệ mới như blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), hợp đồng thông minh (smart contract), cùng với việc mở rộng của các nền tảng tài chính phi tập trung (DeFi), tài sản mã hóa (tokenized assets), và đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) đang định hình lại toàn bộ cấu trúc thị trường tài chính. Thị trường tài chính kỹ thuật số (digital financial markets – DFM) vì vậy không chỉ là một xu thế công nghệ, mà là một thực thể ngày càng có ảnh hưởng lớn đến chức năng vận hành và ổn định của hệ thống tài chính toàn cầu.

Từ góc độ cấu trúc, sự nổi lên của các thị trường tài chính kỹ thuật số đã làm thay đổi đáng kể vai trò của các trung gian tài chính truyền thống, thúc đẩy sự hình thành của những chuỗi giá trị tài chính mới, nơi dữ liệu, mã lệnh và thuật toán thay thế cho hợp đồng pháp lý và sự kiểm soát tập trung. Điều này mang lại hiệu quả vận hành vượt trội nhưng đồng thời cũng làm gia tăng mức độ rủi ro hệ thống, khả năng lan truyền khủng hoảng tài chính qua các lớp tài sản kỹ thuật số, và thách thức tính minh bạch – ổn định của chuỗi giá trị tài chính toàn cầu (global financial value chain – GFVC).

Trên cơ sở đó, phần này hướng đến việc khảo sát một cách toàn diện ba khía cạnh chính: (1) sự mở rộng và định hình của thị trường tài chính kỹ thuật số trên toàn cầu; (2) tác động đa chiều của thị trường này đến chuỗi giá trị tài chính toàn cầu, bao gồm các vấn đề về thanh khoản, truyền dẫn rủi ro và khả năng phục hồi hệ thống; và (3) vai trò ngày càng rõ nét của yếu tố địa chính trị trong điều tiết, kiểm soát và cạnh tranh quyền lực số giữa các trung tâm tài chính quốc tế. Với cách tiếp cận lý thuyết tổng hợp và dẫn chứng từ các nghiên cứu học thuật cũng như báo cáo chiến lược từ IMF, BIS, OECD, phần này kỳ vọng đóng góp một góc nhìn chiến lược và nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo về ổn định tài chính trong thời đại kỹ thuật số.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Thị trường tài chính kỹ thuật số: Khái niệm và đặc điểm cấu trúc

Thị trường tài chính kỹ thuật số (Digital Financial Markets – DFM) là một hình thái tiến hóa mới của hệ thống tài chính toàn cầu, trong đó toàn bộ chu trình tạo lập, lưu chuyển, giao dịch và quản trị tài sản được vận hành trên nền tảng công nghệ số. Khác với fintech – vốn chủ yếu ứng dụng công nghệ để hỗ trợ các hoạt động tài chính truyền thống – DFM đại diện cho một cấu trúc hoàn toàn mới, nơi vai trò trung gian tài chính được thay thế hoặc tái định hình bởi các thuật toán, hợp đồng thông minh và giao thức phi tập trung (Arner, Barberis & Buckley, 2017).

Cấu trúc của DFM mang tính phi tập trung, xuyên biên giới và tự động hóa cao. Trong đó, blockchain đóng vai trò như sổ cái phân tán, đảm bảo tính minh bạch và bất biến của dữ liệu giao dịch. Các nền tảng giao dịch, bao gồm cả tập trung (CEX) và phi tập trung (DEX), cung cấp không gian mua bán tài sản tài chính theo thời gian thực. Đồng thời, sự phát triển của stablecoin và tài sản mã hóa (tokenization) đang mở rộng phạm vi giao dịch vượt ra khỏi không gian tiền mã hóa, tiến tới cả chứng khoán, trái phiếu và bất động sản.

Tuy nhiên, cũng chính đặc điểm này khiến DFM trở thành hệ thống khó kiểm soát. Việc

loại bỏ các trung gian truyền thống đồng nghĩa với sự suy giảm của cơ chế “kiểm soát nội tại” vốn có, tạo ra nguy cơ rủi ro lan truyền nhanh chóng trong điều kiện thị trường biến động. Tính minh bạch của chuỗi khối có thể là con dao hai lưỡi nếu không đi kèm với chuẩn mực pháp lý phù hợp.

2.2. Chuỗi giá trị tài chính toàn cầu: Lý thuyết và khả năng ứng dụng

Chuỗi giá trị tài chính toàn cầu (Global Financial Value Chain – GFVC) là một khái niệm phản ánh quá trình phân công chuyên môn và tổ chức các hoạt động tài chính trên quy mô quốc tế. Tương tự như chuỗi giá trị sản xuất trong thương mại hàng hóa, GFVC mô tả cách các tác nhân tài chính toàn cầu – từ ngân hàng, quỹ đầu tư đến cơ quan giám sát – tham gia vào quá trình tạo lập, phân phối và quản lý tài sản tài chính theo từng mắt xích (Gereffi & Fernandez-Stark, 2016).

Điểm nổi bật của GFVC là sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thị trường tài chính. Một hoạt động phát hành trái phiếu tại Mỹ có thể liên quan đến nhà đầu tư ở châu Á, sàn giao dịch tại châu Âu, và được định giá thông qua các công cụ phái sinh toàn cầu. Điều này tạo ra hiệu ứng lan tỏa đa chiều: một cú sốc thanh khoản tại một thị trường có thể lan truyền nhanh chóng sang các thị trường khác thông qua dòng vốn, tỷ giá, hoặc kỳ vọng nhà đầu tư.

Tính ổn định của GFVC do đó phụ thuộc không chỉ vào sự lành mạnh của từng khâu riêng lẻ, mà còn vào khả năng điều phối và kiểm soát rủi ro ở cấp độ hệ thống. Khi các công nghệ mới như blockchain hay DeFi xen vào từng mắt xích, chuỗi giá trị này có thể được “giải cấu trúc” theo hướng tự động và phân tán – điều có thể vừa mở rộng hiệu suất, vừa tạo ra thách thức lớn về kiểm soát hệ thống.

2.3. Khung phân tích ba chiều: Cấu trúc – Vận hành – Ổn định

Trước sự tương tác phức tạp giữa DFM và GFVC, việc xây dựng một khung phân tích rõ ràng là điều cần thiết để đánh giá đầy đủ tác động của thị trường kỹ thuật số đến chuỗi giá

trị tài chính toàn cầu. Khung phân tích được đề xuất dựa trên ba chiều: cấu trúc, vận hành và điều tiết.

Ở chiều cấu trúc, DFM làm thay đổi bản chất mối liên kết giữa các chủ thể tài chính. Thay vì thông qua các định chế trung gian như ngân hàng hoặc tổ chức thanh toán quốc tế, các giao dịch có thể diễn ra trực tiếp giữa người dùng và hợp đồng thông minh, tạo ra một mạng lưới tài chính mới – phi tập trung nhưng thiếu khả năng kiểm soát tập trung. Việc chuyển từ mô hình phân cấp sang phi tập trung đặt ra câu hỏi về năng lực quản lý rủi ro và sự minh bạch của quá trình hình thành giá.

Ở chiều vận hành, các công nghệ số giúp giảm đáng kể chi phí giao dịch, tăng tốc độ xử lý và mở rộng khả năng tiếp cận tài chính. Song song, sự phụ thuộc vào hệ thống kỹ thuật cũng khiến các thị trường tài chính dễ tổn thương hơn trước các cú sốc phi truyền thống như lỗi thuật toán, tấn công mạng hoặc lỗi thiết kế trong smart contract.

Cuối cùng, ở chiều ổn định và điều tiết, DFM đang đặt ra những thách thức chưa từng có cho các cơ quan quản lý. Khi hoạt động tài chính vượt ra khỏi biên giới pháp lý quốc gia, việc kiểm soát luồng vốn, ngăn chặn rửa tiền và bảo vệ nhà đầu tư trở nên khó khăn. Điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp chính sách ở cấp độ quốc tế, cùng với việc tái định nghĩa lại khái niệm “ổn định tài chính” trong một thế giới đang số hóa nhanh chóng (BIS, 2023; IMF, 2022).

2.4. Cơ chế truyền dẫn tác động từ DFM đến GFVC

Một trong những yếu tố then chốt để đánh giá tác động của DFM đến sự ổn định của GFVC chính là hiểu rõ cơ chế truyền dẫn. Sự thay đổi không chỉ nằm ở việc xuất hiện công nghệ mới, mà ở cách công nghệ đó lan tỏa và ảnh hưởng đến hành vi thị trường, dòng vốn và quản trị rủi ro.

Trước hết, khả năng tạo thanh khoản tức thời của các giao thức DeFi có thể giúp cải thiện hiệu quả thị trường trong điều kiện bình thường. Tuy nhiên, khi niềm tin giảm sút, chính tính tức thời này lại khiến thị trường dễ

rơi vào tình trạng “rút vốn dây chuyền”, do không có cơ chế ngắt mạch như trong hệ thống ngân hàng truyền thống (BIS, 2021).

Bên cạnh đó, việc mã hóa tài sản có thể phá vỡ các chuẩn định giá truyền thống, đặc biệt khi giá token trên sàn giao dịch không phản ánh giá trị thực tế. Điều này có thể gây bất ổn trong khâu định giá tài sản của GFVC, dẫn đến định giá sai trong hoạt động bảo lãnh, tín dụng và đầu tư xuyên biên giới.

Một cơ chế khác ít được chú ý nhưng có ảnh hưởng lớn là sự suy yếu của năng lực điều tiết quốc gia. Các nền tảng kỹ thuật số thường có quy mô toàn cầu, nhưng lại không chịu sự giám sát tập trung, tạo ra các “khoảng trống pháp lý”. Sự không đồng bộ về luật pháp và tiêu chuẩn giữa các quốc gia khiến việc kiểm soát dòng tiền, thuế và rủi ro trở nên rời rạc, dẫn đến bất cân xứng trong phản ứng chính sách – đặc biệt khi xảy ra khủng hoảng.

Tóm lại, các cơ chế truyền dẫn từ DFM sang GFVC là đa chiều, liên ngành và thường xuyên biến động. Để hiểu đúng và kiểm soát hiệu quả, không chỉ cần các công cụ phân tích kinh tế truyền thống, mà còn cần những cách tiếp cận mới từ công nghệ, chính sách và luật học quốc tế.

3. Phân tích

3.1. Sự mở rộng của thị trường tài chính kỹ thuật số

Sự phát triển của thị trường tài chính kỹ thuật số trong thập kỷ qua không đơn thuần là kết quả của đột phá công nghệ, mà phản ánh một quá trình tái cấu trúc sâu sắc hệ thống tài chính toàn cầu dưới áp lực dân chủ hóa tiếp cận vốn, giảm chi phí trung gian và nâng cao hiệu quả luân chuyển tài sản. Từ những ứng dụng ban đầu trong thanh toán số, thị trường này đã nhanh chóng mở rộng thành một hệ sinh thái đa tầng, bao gồm tài chính phi tập trung (DeFi), mã hóa tài sản (tokenization), stablecoin và tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành (CBDC).

3.1.1. Động lực công nghệ và quy mô thị trường

Một trong những minh chứng rõ nét nhất cho sự mở rộng của DFM là tốc độ tăng trưởng của các nền tảng DeFi. Theo số liệu từ Ngân

hàng Thanh toán Quốc tế (BIS, 2023), tổng giá trị bị khóa (Total Value Locked – TVL) trong DeFi đã vượt 80 tỷ USD vào năm 2023, dù đã điều chỉnh mạnh so với đỉnh gần 180 tỷ USD năm 2021 TVL không chỉ là chỉ báo về quy mô vốn, mà còn phản ánh mức độ niềm tin của nhà đầu tư vào khả năng tự vận hành của các giao thức như Uniswap, Aave hay MakerDAO – vốn đang dần đảm nhận các chức năng cốt lõi của ngân hàng như cung cấp thanh khoản, cho vay có bảo đảm, và phát hành tài sản thế chấp.

Không chỉ dừng lại ở hệ sinh thái gốc blockchain, một xu hướng quan trọng khác là mã hóa tài sản truyền thống (real-world asset tokenization). Trong những năm gần đây, các định chế tài chính lớn như JPMorgan, Goldman Sachs và HSBC đã tiên phong thử nghiệm mã hóa trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết và quỹ tín thác, thông qua các nền tảng như Onyx, Partior hoặc Project Guardian. OECD (2023) nhận định rằng tokenization không chỉ làm tăng khả năng giao dịch 24/7 và thanh khoản xuyên biên giới, mà còn giúp giảm thiểu chi phí lưu ký và đối chiếu, nhờ việc tài sản và thông tin được đồng bộ hóa trong một chuẩn định danh số duy nhất.

3.1.2. Mở rộng sang khu vực công và tái phân phối quyền lực hạ tầng

Điểm đáng chú ý là sự mở rộng của DFM không chỉ diễn ra trong khu vực tư nhân mà còn lan sang khu vực công quyền, đặc biệt qua xu hướng triển khai CBDC. IMF (2022) ghi nhận rằng hơn 100 quốc gia đã tiến hành nghiên cứu, thử nghiệm hoặc triển khai CBDC ở các giai đoạn khác nhau, từ dự án e-CNY của Trung Quốc, eNaira của Nigeria đến đồng sand dollar tại Bahamas. Sự phát triển này phản ánh nhận thức chiến lược ngày càng rõ ràng của các ngân hàng trung ương trong việc tái khẳng định chủ quyền tiền tệ, đồng thời phản ứng trước sự gia tăng ảnh hưởng của stablecoin tư nhân như USDT, USDC.

Bên cạnh đó, sự phân hóa giữa các quốc gia trong tiếp nhận và triển khai thị trường tài chính kỹ thuật số đã dần hình thành các cực phát triển mới trong bản đồ tài chính toàn cầu. Các trung tâm như Singapore, Zug (Thụy Sĩ), Abu Dhabi, và Hong Kong đang nổi lên như những “hub tài chính số”, nhờ tích cực triển khai sandbox pháp lý, cấp phép linh hoạt và đầu tư hạ tầng blockchain công cộng. Ngược lại, nhiều quốc gia đang phát triển gặp thách thức lớn về năng lực điều tiết, hạ tầng số và sự phổ cập tài chính. Chính sự mất cân đối này đặt ra nguy cơ bất đối xứng tiếp cận tài sản số và mở rộng khoảng cách quyền lực trong chuỗi giá trị tài chính quốc tế.

3.1.3. Chiều sâu hội nhập và định hướng tương lai

Điều quan trọng không chỉ nằm ở quy mô tài sản số hóa, mà ở mức độ hội nhập của chúng vào hệ thống tài chính hiện hữu. Việc các ngân hàng trung ương tham gia thử nghiệm giao dịch ngoại hối xuyên biên giới qua CBDC (như mBridge của PBoC và MAS) hay việc các tập đoàn phát hành trái phiếu trên blockchain công khai cho thấy DFM không còn là một mô hình tài chính thay thế, mà đang dần hội tụ vào dòng chính thống. Đây là tín hiệu của một giai đoạn chuyển tiếp, nơi tài chính kỹ thuật số không chỉ tồn tại song song mà dần trở thành nền tảng hạ tầng mới cho tài chính toàn cầu.

Tổng thể, sự mở rộng của thị trường tài chính kỹ thuật số không chỉ là kết quả của công nghệ, mà là hệ quả của áp lực thị trường, chiến lược chính sách, và sự dịch chuyển quyền lực tài chính xuyên biên giới. Câu hỏi không còn là “liệu” DFM sẽ định hình lại hệ thống tài chính, mà là “theo cách nào” và với “tốc độ bao nhiêu”. Những tác động này sẽ tiếp tục được làm rõ trong các phần tiếp theo, đặc biệt là khi phân tích mối liên hệ giữa DFM với cấu trúc chuỗi giá trị tài chính toàn cầu và yếu tố địa chính trị.

Một chiều kích khác của sự mở rộng là sự tham gia ngày càng sâu của các cơ quan chính sách tiền tệ vào không gian số. Hơn 100 quốc gia đã và đang nghiên cứu hoặc thử nghiệm các mô hình CBDC, trong đó Trung Quốc (với e-CNY) và Liên minh châu Âu (với

euro kỹ thuật số) là những điển hình tiêu biểu (IMF, 2022). Không giống như crypto phi tập trung, CBDC đại diện cho một nỗ lực “kỹ thuật số hóa có kiểm soát” nhằm bảo vệ chủ quyền tiền tệ, đảm bảo ổn định vĩ mô và ngăn chặn sự xâm lấn của stablecoin tư nhân.

Tuy nhiên, sự mở rộng của thị trường tài chính kỹ thuật số không diễn ra đồng nhất giữa các khu vực. Các trung tâm tài chính như Singapore, Thụy Sĩ và Dubai tích cực tạo hành lang pháp lý thử nghiệm (sandbox) nhằm thu hút dòng vốn và công nghệ. Trong khi đó, nhiều quốc gia đang phát triển lại đối diện với thách thức về cơ sở hạ tầng số, năng lực quản lý và nhận thức cộng đồng. Chính sự phân hóa này khiến thị trường toàn cầu đối diện nguy cơ “chia tầng tài chính” – nơi chỉ một nhóm quốc gia đủ năng lực mới có thể tận dụng triệt để lợi thế của DFM.

Tổng thể, sự mở rộng của thị trường tài chính kỹ thuật số không chỉ nằm ở quy mô tài sản hay số lượng nền tảng, mà còn thể hiện ở mức độ hòa nhập vào cấu trúc hệ thống tài chính hiện hữu. Việc các ngân hàng, cơ quan quản lý và nhà đầu tư tổ chức ngày càng tham gia vào thị trường này cho thấy DFM đang từng bước trở thành một lớp hạ tầng thiết yếu thay vì chỉ là một xu hướng công nghệ thử nghiệm. Đây chính là tiền đề cho các tác động sâu rộng đến chuỗi giá trị tài chính toàn cầu, mà các phần sau sẽ phân tích chi tiết.

3.2. Tác động đến chuỗi giá trị tài chính toàn cầu

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính kỹ thuật số đang làm thay đổi một cách căn bản các mắt xích trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu (Global Financial Value Chain – GFVC). Nếu trước đây chuỗi giá trị này được vận hành thông qua một mạng lưới các định chế tài chính tập trung như ngân hàng, quỹ đầu tư, sàn giao dịch và cơ quan giám sát, thì nay, nhiều vai trò truyền thống đang dần bị thay thế hoặc suy giảm chức năng bởi các nền tảng công nghệ số hoạt động tự động, phi tập trung và xuyên biên giới.

3.2.1. Tái cấu trúc vai trò trung gian tài chính

Trước hết, các nền tảng tài chính kỹ thuật số đang thay đổi hoàn toàn khái niệm về trung gian tài chính. Trong mô hình truyền thống, ngân hàng và các tổ chức tài chính đóng vai trò kết nối người vay và người cho vay, nhà phát hành và nhà đầu tư, đồng thời thực hiện các chức năng thanh toán, lưu ký và bảo lãnh phát hành. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của các giao thức DeFi và smart contract, các giao dịch tài chính giờ đây có thể diễn ra trực tiếp giữa các bên mà không cần một tổ chức trung gian kiểm soát. Điều này tạo ra một cấu trúc mới trong chuỗi giá trị: phi tập trung về tổ chức, nhưng được ràng buộc bằng mã lệnh – điều mà Zetzsche et al. (2020) gọi là “automated disintermediation”.

Tác động của sự thay đổi này là hai chiều. Một mặt, nó giúp tăng tốc độ xử lý giao dịch, giảm chi phí và nâng cao tính minh bạch do không cần qua nhiều tầng lớp tổ chức. Mặt khác, nó làm mất đi vai trò kiểm soát nội tại – vốn là yếu tố ổn định chính trong cấu trúc tài chính truyền thống. Khi giao dịch được xử lý bởi các hợp đồng thông minh không linh hoạt và không thể can thiệp, rủi ro thị trường có thể lan truyền nhanh chóng mà không có điểm ngắt mạch hiệu quả.

3.2.2. Tái định hình cơ chế định giá và phân phối rủi ro

Bên cạnh cấu trúc trung gian, DFM cũng đang làm thay đổi căn bản cơ chế định giá và phân phối rủi ro trong GFVC. Trong hệ thống truyền thống, tài sản được định giá dựa trên dòng tiền dự kiến, mô hình tài chính chuẩn mực và đánh giá từ các tổ chức tín nhiệm. Tuy nhiên, trong môi trường tài chính số, đặc biệt là với tài sản mã hóa (tokenized assets), giá trị thường được xác lập theo cơ chế thị trường tức thời – tức là bị chi phối bởi kỳ vọng ngắn hạn và hành vi mạng lưới thay vì nền tảng tài chính cơ bản.

Khi các nhà đầu tư định giá dựa trên thanh khoản tức thời thay vì giá trị thực, rủi ro đầu cơ tăng lên, kéo theo sự bất ổn trong các mắt xích liên quan như tín dụng, thế chấp và đầu tư phái sinh. OECD (2023) cảnh báo rằng việc phổ biến hóa token hóa tài sản mà không có

chuẩn định giá rõ ràng có thể làm méo mó quá trình ra quyết định đầu tư và làm suy yếu khả năng kiểm soát rủi ro hệ thống.

3.2.3. Dịch chuyển quyền lực và tái phân bố địa chính trị tài chính

Sự nổi lên của thị trường tài chính kỹ thuật số cũng đang thúc đẩy một quá trình dịch chuyển quyền lực tài chính trên bình diện toàn cầu. Các trung tâm tài chính truyền thống như New York hay London – vốn giữ vai trò độc tôn trong phát hành và lưu thông tài sản – nay đang đối mặt với sự trỗi dậy của các trung tâm “thân thiện với công nghệ” như Singapore, Dubai và Thụy Sĩ. Những quốc gia này đã nhanh chóng xây dựng khung pháp lý thử nghiệm (sandbox), cấp phép linh hoạt cho các nền tảng tài chính số và chủ động thu hút dòng vốn đổi mới sáng tạo.

Sự dịch chuyển này không chỉ đơn thuần mang tính kinh tế, mà còn phản ánh một cuộc cạnh tranh quyền lực mềm trên mặt trận tài chính. Khi khả năng phát hành, kiểm soát và giao dịch tài sản không còn bị giới hạn bởi biên giới quốc gia, những chủ thể nào kiểm soát được các lớp hạ tầng kỹ thuật số mới (ví dụ: blockchain quốc gia, CBDC xuyên biên giới) sẽ có lợi thế chiến lược trong việc thiết lập chuẩn mực và điều phối dòng vốn toàn cầu (IMF, 2022).

3.2.4. Phá vỡ cơ chế điều tiết xuyên quốc gia

Một hệ quả nghiêm trọng nhưng ít được chú ý là khả năng phá vỡ các cơ chế phối hợp điều tiết tài chính toàn cầu. GFVC vận hành ổn định phần lớn là nhờ vào các khung điều tiết thống nhất như Basel III, AML/CFT, và hệ thống thanh toán liên ngân hàng. Tuy nhiên, các nền tảng DFM thường vận hành ngoài phạm vi kiểm soát của ngân hàng trung ương và cơ quan giám sát, khiến việc áp dụng các quy chuẩn truyền thống gặp trở ngại nghiêm trọng.

Sự thiếu đồng bộ trong cách tiếp cận giữa các quốc gia càng làm vấn đề trở nên nghiêm trọng. Một số nước cấm hoàn toàn giao dịch tài sản mã hóa, trong khi số khác lại tích cực khuyến khích và cấp phép. Chính sự phân mảnh này đang khiến thị trường tài chính toàn

cầu có nguy cơ “tách tầng”: một tầng là hệ thống tài chính truyền thống được giám sát chặt chẽ, tầng còn lại là không gian tài chính kỹ thuật số bán hợp pháp, khó truy vết và có mức độ kết nối ngày càng sâu với chuỗi giá trị toàn cầu thông qua các “kênh mờ”.

3.2.5. Tác động dài hạn: từ khả năng phục hồi đến nguy cơ bất ổn hệ thống

Về dài hạn, tác động của DFM đến GFVC sẽ phụ thuộc vào mức độ tích hợp giữa đổi mới công nghệ và cải cách thể chế. Nếu các nền tảng số được tích hợp vào hệ thống tài chính hiện hữu thông qua chuẩn hóa giao thức, liên thông dữ liệu và điều tiết phối hợp, chuỗi giá trị tài chính toàn cầu sẽ trở nên linh hoạt hơn, dễ mở rộng và có khả năng phục hồi cao. Tuy nhiên, nếu quá trình này diễn ra tự phát, phi tập trung và thiếu kiểm soát, DFM có thể trở thành nguồn gốc của các cuộc khủng hoảng tài chính mang tính lan truyền mạng lưới – tương tự như cuộc khủng hoảng tài sản thế chấp phái sinh năm 2008, nhưng với tốc độ khuếch đại cao hơn do đặc tính phi trung gian.

3.3. Yếu tố địa chính trị trong định hình thị trường tài chính kỹ thuật số

Sự phát triển của thị trường tài chính kỹ thuật số không chỉ là kết quả của đổi mới công nghệ hay nhu cầu thị trường, mà còn là một tiến trình sâu sắc chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các cân bằng địa chính trị đang biến động trên toàn cầu. Trong khi các nền tảng như DeFi, CBDC hay stablecoin vận hành trong không gian phi biên giới, thì quyền kiểm soát, thiết lập chuẩn mực và dòng vốn tài chính số lại phụ thuộc phần lớn vào cách tiếp cận và chiến lược của từng quốc gia. Điều này dẫn đến một hiện tượng nổi bật của thời đại kỹ thuật số: tài chính không biên giới nhưng kiểm soát có chủ quyền.

3.3.1. Tư duy chiến lược và cạnh tranh thể chế

Ở cấp độ quốc gia, việc lựa chọn tiếp cận với thị trường tài chính kỹ thuật số là một quyết định chiến lược, phản ánh không chỉ mục tiêu phát triển kinh tế, mà còn là mong muốn định vị quyền lực trong trật tự tài chính toàn cầu.

Trung Quốc là ví dụ điển hình khi vừa cấm hoàn toàn tiền mã hóa phi tập trung như Bitcoin và Ethereum, vừa là quốc gia đi đầu trong phát triển CBDC với e-CNY – một dạng đồng tiền kỹ thuật số do Ngân hàng Trung ương Trung Quốc phát hành, được tích hợp sâu với hệ thống thanh toán quốc gia. Mục tiêu không chỉ là cải thiện hiệu quả thanh toán, mà còn là bảo vệ chủ quyền tiền tệ trước sức ép từ stablecoin tư nhân và USD kỹ thuật số (IMF, 2022).

Ngược lại, Hoa Kỳ tiếp cận theo hướng ngăn chặn rủi ro nhưng không triệt tiêu đổi mới. Dù chưa có khung pháp lý thống nhất, các cơ quan như SEC, CFTC hay Bộ Tài chính Mỹ đang xây dựng các tiêu chuẩn điều tiết riêng lẻ, tập trung vào stablecoin gắn với USD và cơ chế bảo vệ nhà đầu tư. Đằng sau cách tiếp cận này là chiến lược bảo vệ vị thế đồng USD như tiền tệ dự trữ toàn cầu – một vị thế có thể bị thách thức nếu các nền tảng tài chính số tư nhân phát triển quá mạnh mà không chịu sự kiểm soát tập trung.

Tại châu Âu, Liên minh châu Âu đang cố gắng xây dựng một khung điều tiết thống nhất thông qua Đạo luật Thị trường tài sản mã hóa (MiCA), phản ánh nỗ lực tạo ra một "thị trường đơn kỹ thuật số" có khả năng điều tiết đồng bộ. Đây là một cách tiếp cận thể chế mang tính phòng ngừa hệ thống, đặt trọng tâm vào ổn định và kiểm soát dòng vốn xuyên biên giới, đặc biệt trong bối cảnh EU đang bị kẹp giữa hai cực đổi mới là Mỹ và Trung Quốc (OECD, 2023).

3.3.2. Trật tự tài chính toàn cầu: định hình lại trung tâm và ngoại vi

Những cách tiếp cận khác biệt về chính sách đang tạo ra sự phân hóa rõ rệt về vị thế và ảnh hưởng giữa các quốc gia trong trật tự tài chính kỹ thuật số toàn cầu. Các trung tâm tài chính truyền thống đang đối mặt với áp lực phải thay đổi để giữ vững vai trò lãnh đạo, trong khi các quốc gia đang phát triển lại nhìn thấy cơ hội vượt rào thể chế nhờ công nghệ. Singapore, Dubai, El Salvador hay Nigeria là những ví dụ tiêu biểu cho mô hình “đi tắt đón đầu” thông

qua việc xây dựng sandbox pháp lý, chấp nhận tài sản số trong thanh toán, hoặc thậm chí quốc hữu hóa công nghệ ví số (BIS, 2023).

Hệ quả là một hệ thống tài chính toàn cầu đang dần hình thành hai tầng:

(1) Tầng cao, nơi các nền kinh tế lớn định hình chuẩn mực, quy tắc và chiến lược địa chính trị số;

(2) Tầng thực thi, nơi các quốc gia nhỏ hơn linh hoạt áp dụng, điều chỉnh hoặc thậm chí lệ thuộc vào hạ tầng tài chính số mà các cường quốc xây dựng.

Câu hỏi đặt ra không chỉ là quốc gia nào đi trước, mà là quốc gia nào kiểm soát được “hạ tầng kỹ thuật số của tương lai” – bao gồm mạng lưới blockchain quốc gia, CBDC xuyên biên giới, tiêu chuẩn mã hóa tài sản và quyền truy cập dữ liệu giao dịch tài chính toàn cầu.

3.3.3. Rủi ro phân mảnh và xung đột chính sách

Một hệ quả không thể xem nhẹ là nguy cơ phân mảnh hệ thống tài chính toàn cầu. Khi mỗi quốc gia có cách tiếp cận khác nhau, từ cấm hoàn toàn đến khuyến khích thử nghiệm, hệ sinh thái tài chính số sẽ khó có thể tích hợp liền mạch. Điều này tạo ra nhiều "khoảng trắng điều tiết", nơi các hoạt động rửa tiền, trốn thuế hoặc thao túng thị trường có thể lợi dụng để phát triển, gây bất ổn cho cả hệ thống.

Ngoài ra, việc thiếu phối hợp còn có thể dẫn đến xung đột chính sách tài khóa – tiền tệ, khi một quốc gia không kiểm soát được dòng vốn kỹ thuật số chảy ra ngoài lãnh thổ, ảnh hưởng đến khả năng quản lý tỷ giá, lãi suất và thanh khoản nội địa. Trong bối cảnh toàn cầu hóa tài chính đang bị thách thức bởi chủ nghĩa bảo hộ và cạnh tranh siêu cường, tài chính kỹ thuật số có thể trở thành mặt trận mới của cạnh tranh địa chính trị – nơi thông tin, công nghệ và dữ liệu trở thành tài sản chiến lược không kém gì ngoại tệ hay vàng.

3.3.4. CBDC như công cụ địa chính trị

Một trong những minh chứng rõ nét nhất cho sự gắn kết giữa địa chính trị và tài chính kỹ thuật số là sự trỗi dậy của các CBDC. Các đồng tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành không chỉ là một công cụ thanh

toán nội địa, mà ngày càng được định hình như một vũ khí mềm trong quan hệ tài chính quốc tế.

Dự án mBridge do Trung Quốc chủ trì với sự phối hợp của Hồng Kông, Thái Lan, UAE và BIS là ví dụ tiêu biểu cho xu hướng này. Trong khi đó, Nga đang phát triển đồng rúp kỹ thuật số nhằm tránh sự chi phối của hệ thống SWIFT và đồng USD. Ngay cả các quốc gia như Ấn Độ và Brazil cũng đang thử nghiệm CBDC để nâng cao khả năng độc lập tài chính và phát triển thanh toán xuyên biên giới không phụ thuộc vào hạ tầng phương Tây (BIS, 2022; IMF, 2023).

Các nhà nghiên cứu cảnh báo rằng nếu không có tiêu chuẩn chung và liên kết quốc tế, sự phát triển phân mảnh của CBDC có thể dẫn đến tình trạng "tầng tầng lớp lớp CBDC", gây phức tạp trong thanh toán quốc tế và cạnh tranh không lành mạnh giữa các khối kinh tế.

3.3.5. Cuộc đua hạ tầng blockchain quốc gia và quyền lực mềm kỹ thuật số

Song song với CBDC, một cuộc cạnh tranh âm thầm nhưng không kém phần quyết liệt đang diễn ra ở cấp độ hạ tầng: các quốc gia bắt đầu xây dựng chuỗi khối riêng, định danh số và giao thức pháp lý hóa tài sản kỹ thuật số như một phần trong chiến lược chủ quyền kỹ thuật số.

Ấn Độ triển khai thành công nền tảng UPI và Aadhar, trong khi EU xây dựng EBSI – European Blockchain Services Infrastructure. Singapore và UAE đi đầu trong việc tích hợp công nghệ blockchain vào các dịch vụ công và tài chính, từ đó thu hút các công ty công nghệ tài chính toàn cầu.

Cuộc đua này phản ánh một thực tế: quốc gia nào kiểm soát được hạ tầng kỹ thuật số tài chính sẽ có lợi thế trong việc thiết lập chuẩn mực toàn cầu, từ dữ liệu giao dịch đến khung pháp lý – tương tự vai trò của Mỹ và SWIFT trong trật tự tài chính thế kỷ XX.

4. Tổng kết và khuyến nghị chính sách

4.1. Tổng kết nội dung và phát hiện chính

Bài viết này bước đầu đã phác họa một cách hệ thống mối quan hệ giữa sự nổi lên của thị

trường tài chính kỹ thuật số (Digital Financial Markets – DFM) và tính ổn định của chuỗi giá trị tài chính toàn cầu (Global Financial Value Chain – GFVC). DFM, với các trụ cột như DeFi, tokenization và CBDC, đang làm thay đổi cấu trúc, cơ chế vận hành và quyền lực điều tiết trong hệ thống tài chính quốc tế.

Các phân tích cho thấy DFM tác động đến GFVC trên nhiều cấp độ. Ở cấp vi mô, sự thay thế vai trò trung gian tài chính bằng hợp đồng thông minh làm tăng hiệu quả nhưng cũng làm suy giảm khả năng kiểm soát nội tại. Ở cấp hệ thống, khả năng xuyên biên giới của các nền tảng số đang phá vỡ tính thống nhất của các chuẩn mực tài chính toàn cầu, tạo ra nguy cơ phân mảnh và bất ổn hệ thống. Đồng thời, yếu tố địa chính trị – thông qua CBDC, sandbox quốc gia, và chiến lược hạ tầng – đang tái định hình bản đồ quyền lực tài chính toàn cầu theo hướng đa cực, cạnh tranh và thiếu phối hợp.

Từ đó, có thể rút ra một nhận định mang tính chiến lược: sự nổi lên của DFM không tất yếu dẫn đến bất ổn, nhưng nếu không có một khuôn khổ điều tiết và hợp tác xuyên biên giới đủ mạnh, những lợi ích về hiệu quả và minh bạch có thể bị lấn át bởi rủi ro lan truyền và xung đột thể chế.

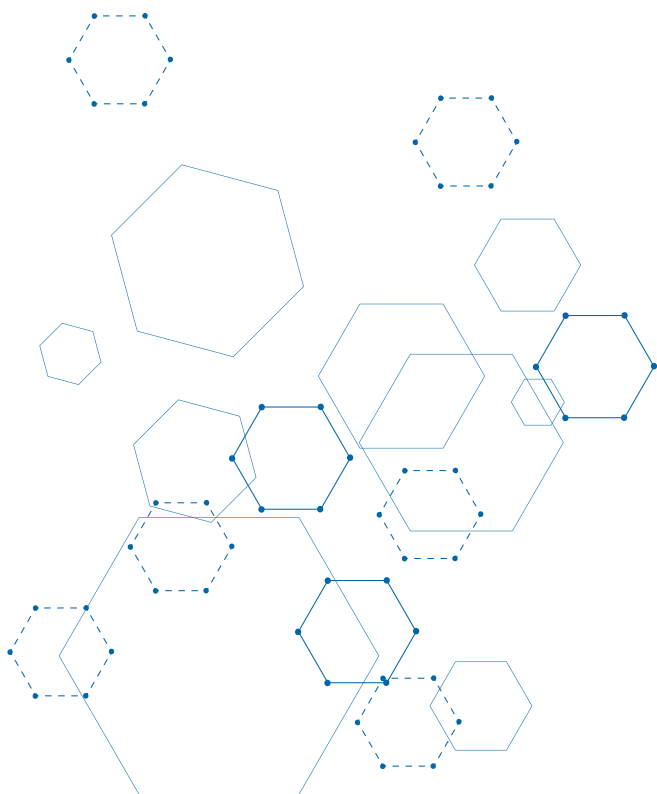
4.2. Khuyến nghị chính sách

Cần sớm xây dựng khung pháp lý thích ứng với tài chính kỹ thuật số theo hướng linh hoạt nhưng có kiểm soát. Việc triển khai sandbox chỉ là bước đầu – điều quan trọng hơn là bảo đảm tính liên thông pháp lý giữa các quốc gia, đặc biệt về AML/CFT, bảo vệ nhà đầu tư và quyền riêng tư dữ liệu. Đồng thời, cần tăng cường năng lực điều tiết với các tài sản số mang tính hệ thống như stablecoin gắn với tiền pháp định.

Các định chế tài chính nên chủ động tái cấu trúc hoạt động để thích nghi với mô hình tài chính số, bao gồm việc tích hợp blockchain, cải tiến hệ thống giao dịch và thử nghiệm token hóa tài sản. Tuy nhiên, cần song hành với quản

trị rủi ro phù hợp, đặc biệt là rủi ro công nghệ và pháp lý khi giao dịch xuyên biên giới. Việc tham gia vào các consortium quốc tế (ví dụ: BIS Innovation Hub, Project Dunbar) sẽ giúp doanh nghiệp định vị trong hạ tầng toàn cầu mới.

Việc hình thành một Bộ khung hợp tác tài chính kỹ thuật số toàn cầu là cần thiết, tương tự như Basel III trong ngân hàng truyền thống. IMF, BIS, OECD và các tổ chức tài chính khu vực nên đóng vai trò trung gian điều phối tiêu chuẩn hóa giao thức, liên thông CBDC, và đảm bảo khả năng tương thích giữa các hệ thống blockchain công – tư. Nếu không có thể chế dẫn dắt, thế giới sẽ đối mặt với tình trạng phân tầng tài chính số kéo dài, gây bất ổn vĩ mô xuyên quốc gia.



NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

TƯƠNG LAI CỦA HỢP TÁC TÀI CHÍNH TOÀN CẦU TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: TÁI ĐỊNH HÌNH CÁC MÔ HÌNH ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

Ung Thị Phương Nhi
K244050680

Trịnh Huệ Nhi
K234141666

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, kết hợp với những biến động địa chính trị, dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và bất ổn kinh tế vĩ mô, đang buộc các quốc gia phải tái định hình chiến lược tài chính quốc tế. Trong bối cảnh đó, các mô hình hợp tác tài chính truyền thống đang dần nhường chỗ cho các mô hình đối tác chiến lược có tính thích ứng cao hơn, linh hoạt hơn, đặc biệt trong môi trường số hóa. Việt Nam, với tư cách là một nền kinh tế đang hội nhập sâu rộng, cần chủ động định vị lại vai trò và chiến lược của mình trong bức tranh tài chính toàn cầu mới này.



1. Sự chuyển dịch trong cấu trúc đối tác chiến lược

1.1 Bối cảnh thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với những biến động mang tính hệ thống – từ dịch chuyển địa chính trị, xung đột thương mại giữa các cường quốc, đến những hệ lụy kéo dài từ đại dịch COVID-19 – cấu trúc hợp tác tài chính toàn cầu (Global Financial Cooperation) đang trải qua quá trình tái định hình sâu sắc và toàn diện. Không còn giới hạn trong khuôn khổ hợp tác truyền thống tập trung vào ổn định tỷ giá hối đoái, điều phối chính sách tiền tệ và hỗ trợ tài khóa – những lĩnh vực vốn được điều phối bởi các thiết chế tài chính toàn cầu như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) hay Hội đồng Ổn định Tài chính (FSB) (IMF, 2022) – thế giới hiện đang chứng kiến sự nổi lên của một mô hình

hợp tác mới: Đối tác chiến lược tài chính (**Strategic Financial Partnerships**), với đặc trưng là linh hoạt hơn, đa chiều hơn và gắn kết chặt chẽ với quá trình chuyển đổi số toàn cầu.

Theo báo cáo của OECD (2021), khái niệm “đối tác chiến lược tài chính” ngày nay đã vượt ra ngoài khuôn khổ truyền thống của việc cung cấp tín dụng hoặc hỗ trợ vốn phát triển. Thay vào đó, nó bao trùm một loạt lĩnh vực mới nổi có tính chiến lược cao như: chia sẻ dữ liệu tài chính quy mô lớn, hợp tác phát triển công nghệ tài chính (Fintech), phát triển cơ sở hạ tầng số trong lĩnh vực tài chính, cũng như thiết lập các hành lang thanh toán kỹ thuật số xuyên biên giới. Những lĩnh vực này không chỉ đòi hỏi năng lực kỹ thuật cao mà còn phản ánh nhu cầu về một nền tảng tài chính số có khả năng tương tác, kết nối và phản ứng linh hoạt trước các cú sốc toàn cầu.

Trong bối cảnh tài chính 4.0 – nơi đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và công nghệ chuỗi khối (blockchain) trở thành những động lực cốt lõi – tài sản chiến lược của một quốc gia không còn chỉ là dự trữ ngoại hối hay sức mạnh sản xuất mà còn bao gồm khả năng khai thác và sử dụng công nghệ tài chính tiên tiến. Đây chính là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ đối tác tài chính mới, giúp các quốc gia định vị lại vị thế trong trật tự tài chính toàn cầu đang biến đổi.

Một trong những xu hướng nổi bật nhất trong quá trình này là sự phát triển mạnh mẽ của tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành (Central Bank Digital Currency – CBDC). Theo Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS, 2021), CBDC không chỉ đóng vai trò là công cụ hiện đại hóa hệ thống thanh toán quốc gia, mà còn có khả năng tái cấu trúc toàn bộ hệ sinh thái thanh toán xuyên biên giới, nhờ việc giảm chi phí trung gian, tăng tốc độ giao dịch, nâng cao tính minh bạch và đảm bảo an toàn dữ liệu. Các chương trình thử nghiệm CBDC quy mô lớn của Trung Quốc (với đồng e-CNY) và Liên minh châu Âu (với dự án Digital Euro) đang được triển khai thông qua các mô

hình sandbox quốc tế, trong đó đặc biệt chú trọng đến khả năng tương tác giữa các hạ tầng thanh toán, các chuẩn định danh điện tử và cơ chế pháp lý xuyên biên giới.

Song hành với sự trỗi dậy của CBDC là xu hướng hợp tác song trục – một mô hình đang dần trở thành chuẩn mực trong kiến trúc hợp tác tài chính hiện đại:

Hợp tác công – tư (Public-Private Partnerships - PPP): Nhà nước tăng cường phối hợp với các công ty Fintech, startup về dữ liệu tài chính và nền tảng thanh toán số nhằm xây dựng hạ tầng tài chính kỹ thuật số tiên tiến, thúc đẩy sự đổi mới trong cung ứng dịch vụ tài chính và mở rộng khả năng tiếp cận tài chính cho người dân.

Hợp tác liên thể chế (Multi-institutional collaboration): Tăng cường kết nối và phối hợp giữa ngân hàng trung ương, các định chế tài chính lớn, các tổ chức tài chính quốc tế và khu vực (như ADB, AIIB, EIB...) nhằm đảm bảo sự tương thích về công nghệ, thống nhất tiêu chuẩn pháp lý và đảm bảo an ninh mạng lưới tài chính toàn cầu.

Các quốc gia đi đầu như Singapore, Hàn Quốc và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đã và đang triển khai thành công các regulatory sandbox – các phòng thí nghiệm chính sách cho phép thử nghiệm các công nghệ tài chính mới trong môi trường có kiểm soát, nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng vẫn thúc đẩy đổi mới. Các sáng kiến được thử nghiệm bao gồm: bảo hiểm kỹ thuật số (InsurTech), giao dịch chứng khoán phi tập trung (DeFi), và tài chính nhúng (embedded finance) – một mô hình tích hợp dịch vụ tài chính trực tiếp vào các nền tảng thương mại điện tử, logistics, hoặc mạng xã hội, giúp nâng cao trải nghiệm người dùng và hiệu quả tài chính hóa.

Sự phát triển mạnh mẽ của ngân hàng số toàn phần (Digital-Only Banking) cũng phản ánh bước chuyển căn bản trong mô hình dịch vụ tài chính hiện đại, trong đó khách hàng có thể tiếp cận đầy đủ dịch vụ ngân hàng mà không cần tới chi nhánh vật lý. Bên cạnh đó, việc ứng dụng phương pháp quản trị linh hoạt

Agile trong các tổ chức tài chính giúp rút ngắn chu kỳ đổi mới, đẩy nhanh quá trình ra mắt sản phẩm và nâng cao khả năng thích ứng với biến động công nghệ lẫn nhu cầu thị trường.

1.2. Sự chuyển dịch trong cấu trúc đối tác chiến lược của Việt Nam

Trong tiến trình tái định hình chuỗi giá trị tài chính toàn cầu dưới tác động của công nghệ số và địa chính trị, Việt Nam đang nổi lên như một đối tác tiềm năng trong các mô hình hợp tác tài chính chiến lược tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Với định hướng chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Chính phủ Việt Nam đã xác lập ngành tài chính – ngân hàng là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu cần chuyển đổi mạnh mẽ, với mục tiêu không chỉ hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin mà còn từng bước xây dựng hệ sinh thái tài chính số toàn diện, an toàn và bao trùm.

Một trong những bước đi quan trọng của Việt Nam là đẩy nhanh quá trình xây dựng hệ thống định danh điện tử (eKYC), hạ tầng thanh toán số và khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox) cho các công nghệ tài chính mới. Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sandbox trong lĩnh vực ngân hàng, cho phép thử nghiệm các mô hình như cho vay ngang hàng (P2P lending), thanh toán điện tử xuyên biên giới, và ứng dụng blockchain trong tài trợ thương mại. Đây là nền tảng quan trọng để Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị tài chính số khu vực và toàn cầu.

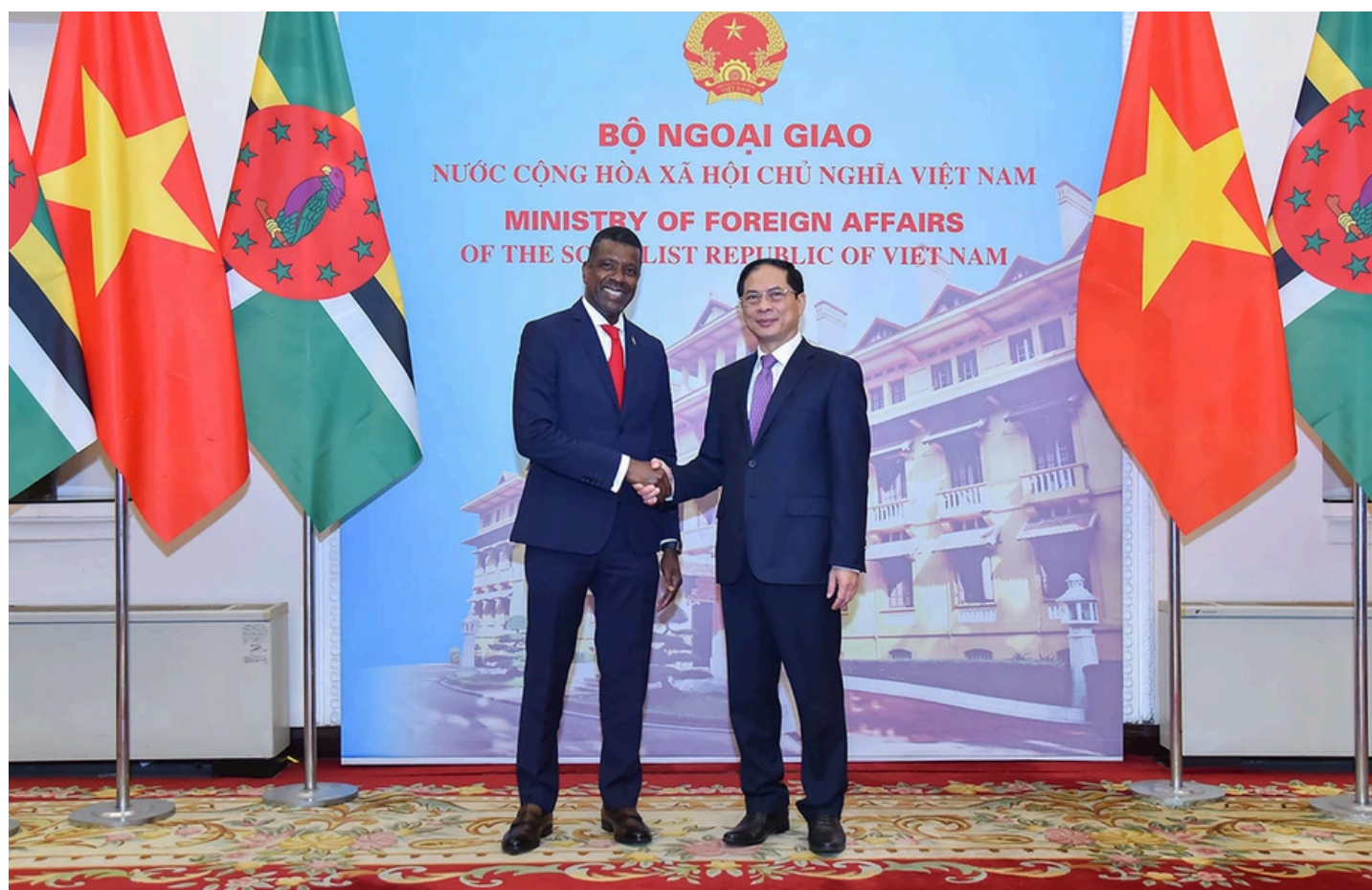
Bên cạnh đó, nền tảng ngân hàng số tại Việt Nam cũng đang phát triển nhanh chóng. Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (2023), gần 95% giao dịch thanh toán của người dân được thực hiện thông qua kênh điện tử, và nhiều ngân hàng thương mại lớn như Vietcombank, Techcombank, VPBank đã áp dụng mô hình ngân hàng số toàn phần (digital banking), tích hợp trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong chăm sóc khách hàng, quản lý rủi ro và phát triển sản phẩm tài chính cá nhân hóa.

Việt Nam cũng tích cực tham gia vào các khuôn khổ hợp tác tài chính quốc tế, đặc biệt là với ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc thông qua các sáng kiến như Sáng kiến Đa phương hóa Chiang Mai (**CMIM**), Quỹ Cơ sở hạ tầng ASEAN, hay các diễn đàn về thanh toán số trong khuôn khổ **ASEAN+3**. Việc thúc đẩy thanh toán bằng đồng nội tệ (Local Currency Settlement – LCS) giữa Việt Nam và các nước đối tác như Indonesia, Thái Lan và Trung Quốc cũng là bước đi chiến lược nhằm giảm phụ thuộc vào đồng USD, tăng cường ổn định tài chính vĩ mô trong khu vực.

Không chỉ dừng lại ở lĩnh vực ngân hàng, **hệ sinh thái** startup Fintech tại Việt Nam cũng đang chứng kiến sự bùng nổ mạnh mẽ với hơn 200 công ty hoạt động ở các lĩnh vực như ví điện tử, tài chính cá nhân, bảo hiểm số, blockchain và AI. Các công ty khởi nghiệp như Momo, Timo, Cake by VPBank hay Trusting Social đã thu hút vốn đầu tư quốc tế lớn và từng bước vươn ra thị trường khu vực, mở ra cơ hội để Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới tài chính của Đông Nam Á.

Tuy nhiên, để tận dụng tối đa cơ hội từ kiến trúc tài chính số mới, Việt Nam cần đối mặt với một số thách thức: từ việc hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao năng lực an ninh mạng, phát triển nhân lực công nghệ tài chính chất lượng cao, đến việc đảm bảo khả năng tương thích công nghệ trong hợp tác xuyên biên giới. Ngoài ra, việc thiết lập các tiêu chuẩn chia sẻ dữ liệu tài chính mở (open finance) và tham gia sâu hơn vào các nền tảng hợp tác song phương và đa phương về CBDC, thanh toán số xuyên biên giới sẽ là những bước đi then chốt.





2. Hướng đến hợp tác khu vực và song phương

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đang bước sang một giai đoạn mới, hợp tác tài chính toàn cầu (**Global Financial Cooperation**) không còn dừng lại ở việc phối hợp chính sách vĩ mô hay hỗ trợ thể chế, mà đã mở rộng sang lĩnh vực công nghệ số và quản trị dữ liệu. Ở cấp độ khu vực và song phương, các quốc gia hiện đang theo đuổi mô hình đối tác chiến lược tài chính (Strategic Financial Partnerships) với phạm vi bao trùm từ đồng phát triển nền tảng thanh toán, chia sẻ cơ sở dữ liệu tài chính, đến hỗ trợ phát hành đồng tiền số quốc gia (CBDC).

Đối với Việt Nam, hợp tác tài chính song phương trong kỷ nguyên số đang dần định hình qua ba hướng chủ đạo:

Thứ nhất, là thiết lập hành lang thanh toán số song phương, đặc biệt với các đối tác có nền tài chính số phát triển như Singapore, Thái Lan và Hàn Quốc. Ví dụ, hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) đã dẫn đến việc triển khai hệ

thống thanh toán QR xuyên biên giới giữa PayNow (Singapore) và NAPAS (Việt Nam), giúp người dùng hai quốc gia chuyển tiền và thanh toán dễ dàng chỉ bằng mã QR (MAS, 2023). Đây là một trong những bước tiên phong trong quá trình xây dựng hệ sinh thái thanh toán khu vực – một phần quan trọng của tài chính 4.0.

Thứ hai, là tham gia vào liên minh dữ liệu tài chính song phương và đa phương, hướng đến việc tích hợp dữ liệu định danh tài chính, hồ sơ tín dụng, dữ liệu thuế và tài sản kỹ thuật số. Ví dụ, Hàn Quốc và Việt Nam hiện đang phát triển hệ thống chia sẻ dữ liệu tín dụng nhằm thúc đẩy các dịch vụ ngân hàng xuyên biên giới, đồng thời nâng cao tính minh bạch của thị trường tài chính (FSC Korea, 2023). Trong khi đó, với Nhật Bản, Việt Nam đã ký kết biên bản ghi nhớ về hỗ trợ phát triển ngân hàng số và tích hợp chuẩn API mở (Open API), đặt nền móng cho việc đồng bộ hóa dữ liệu tài chính giữa hai nước.

Thứ ba, là hợp tác trong phát triển đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC).

Dù Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, song đã có các trao đổi sơ bộ với **ECB** và Ngân hàng Trung ương Nhật Bản về khả năng thử nghiệm mô hình CBDC trong khuôn khổ ASEAN-EU. Việc song hành với các đối tác có kinh nghiệm sẽ giúp Việt Nam tránh được rủi ro thể chế, đồng thời tận dụng được hạ tầng công nghệ hiện đại từ các nước phát triển.

Các mô hình hợp tác khu vực – đặc biệt trong ASEAN và RCEP – cũng đang chuyển đổi từ “hợp tác kỹ thuật” sang “đồng phát triển công nghệ tài chính”. Việt Nam, trong vai trò là một thành viên chủ động, có thể tham gia các sáng kiến như sandbox pháp lý chung, hệ thống định danh tài chính ASEAN (A-ID) hoặc nền tảng chia sẻ dữ liệu chống rửa tiền khu vực.

Ngoài ra, Việt Nam ta cũng đạt được những con số đáng ấn tượng, Đầu tiên, thị trường Fintech Việt Nam đạt giá trị 16,9 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến tăng trưởng với tốc độ CAGR 14,2% trong giai đoạn 2025–2033, đạt 62,7 tỷ USD vào năm 2033. Đặc biệt, lĩnh vực thanh toán kỹ thuật số chiếm ưu thế, với hơn 260 công ty Fintech hoạt động trong các lĩnh vực như thanh toán, tài chính cá nhân, quản lý tài sản và công nghệ blockchain. Ở mảng ngân hàng, đến cuối năm 2023, khoảng 40 ngân hàng tại Việt Nam đã mở 35 triệu tài khoản thông qua quy trình định danh điện tử (e-KYC). Hơn 87% người trưởng thành sở hữu tài khoản thanh toán tại ngân hàng, và nhiều tổ chức tín dụng xử lý hơn 95% giao dịch qua các kênh số. Các thông số trên cho thấy rằng Việt Nam đang là một nơi đáng tin cậy trong việc trở thành các đối tác trong chiến lược.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sự dịch chuyển trong cấu trúc hợp tác tài chính toàn cầu không chỉ là thách thức về năng lực hạ tầng và thể chế, mà còn là cơ hội chiến lược để định hình lại vai trò quốc gia trong mạng lưới tài chính quốc tế. Việt Nam, với nền tảng công nghệ đang phát triển nhanh và tinh thần hội nhập mạnh mẽ, có thể tận dụng các hình thức hợp tác mới để nâng cao năng lực tài chính số, điển hình là:

Hợp tác tài chính số với Singapore: Triển khai mô hình sandbox song phương cho giải pháp Fintech, phát triển hệ thống định danh điện tử (e-KYC) và hành lang thanh toán xuyên biên giới dựa trên QR code – trong khuôn khổ Mạng lưới Thành phố Thông minh ASEAN (2023).

Liên kết với Hàn Quốc: Hợp tác phát triển Trung tâm Đổi mới Tài chính (Financial Innovation Center), chia sẻ dữ liệu tài chính, đào tạo nhân lực chuyên sâu và triển khai dịch vụ chuyển tiền số song phương.

Hợp tác chính sách với Trung Quốc: Trao đổi kinh nghiệm triển khai và quản trị CBDC dựa trên mô hình e-CNY, đồng thời nâng cao năng lực giám sát thị trường tài chính và phối hợp điều hành chính sách tiền tệ.

Chuyển đổi số và giám sát ngân hàng cùng Nhật Bản: Hợp tác kỹ thuật với JICA từ năm 2018 để hiện đại hóa hệ thống thanh toán điện tử, nâng cấp nền tảng giám sát ngân hàng theo hướng ứng dụng công nghệ số và tự động hóa.

Có thể khẳng định rằng, Việt Nam đang từng bước chủ động trong việc xây dựng mô hình hợp tác tài chính phù hợp với bối cảnh mới – một mô hình vừa có khả năng tích hợp công nghệ số, vừa đảm bảo an toàn hệ thống và định hướng phát triển bền vững. Trong tiến trình tái cấu trúc trật tự tài chính toàn cầu, sự linh hoạt, sáng tạo và chủ động trong hợp tác sẽ là chìa khóa để Việt Nam khẳng định vai trò của mình trong chuỗi giá trị tài chính quốc tế thế hệ mới.

Nhìn một cách tổng thể, công nghệ số không chỉ là một công cụ hỗ trợ mà đang giữ vai trò trung tâm trong việc tái cấu trúc các quan hệ tài chính quốc tế. Khi các quốc gia chuyển đổi số hệ thống ngân hàng, đầu tư vào hạ tầng thanh toán xuyên biên giới và triển khai các chương trình fintech hoặc CBDC, họ không chỉ cải thiện hiệu suất vận hành mà còn tái định hình lại "đường biên số" trong hệ sinh thái tài chính toàn cầu. Những thay đổi này làm lu mờ vai trò của các trung gian truyền thống, đồng thời tạo ra các hình thái hợp tác mới – từ song phương số (digital bilateralism)

đến liên minh sandbox khu vực.

Tuy nhiên, chính sự tăng tốc số hóa này cũng kéo theo các rủi ro đáng kể về an ninh mạng, minh bạch dữ liệu và chủ quyền thông tin. Trong môi trường hợp tác tài chính xuyên biên giới, các lỗ hổng trong hệ thống bảo mật có thể trở thành điểm yếu chiến lược, bị lợi dụng bởi các cuộc tấn công mạng có chủ đích. Các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, nếu không xây dựng được khung pháp lý đủ mạnh về bảo mật dữ liệu cá nhân, chia sẻ thông tin và tiêu chuẩn hóa API xuyên biên giới, sẽ rất dễ trở thành “mắt xích yếu” trong chuỗi giá trị tài chính số toàn cầu. Do đó, hợp tác tài chính trong kỷ nguyên số không thể chỉ dừng lại ở công nghệ – mà phải song hành với cam kết thể chế về bảo vệ dữ liệu, quy tắc luân chuyển dữ liệu xuyên biên giới và khả năng phòng vệ an ninh mạng tài chính.

3. Gợi ý cho Việt Nam

Trong bối cảnh tài chính toàn cầu đang tái cấu trúc theo hướng số hóa và phân tán, Việt Nam cần có chiến lược rõ ràng nhằm chủ động tham gia và định hình các mô hình hợp tác mới. Những gợi ý sau đây có thể giúp Việt Nam tận dụng các cơ hội từ kỷ nguyên số:

3.1. Tăng cường nội lực công nghệ tài chính và dữ liệu tài chính quốc gia

Để trở thành đối tác đáng tin cậy trong các mô hình song phương hoặc khu vực, Việt Nam cần đầu tư phát triển hạ tầng số tài chính như trung tâm dữ liệu tài chính quốc gia, hệ thống chia sẻ dữ liệu theo mô hình Open Finance, và chuẩn hóa API tài chính. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống định danh tài chính số (e-KYC toàn dân), tạo nền tảng cho dịch vụ ngân hàng không biên giới.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh đầu tư vào các công nghệ lõi như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning) sẽ giúp Việt Nam không chỉ nâng cao khả năng phân tích và giám sát rủi ro tài chính mà còn tăng cường năng lực dự báo và ra quyết định chính sách. Theo OECD (2023), AI và phân tích dữ liệu tiên tiến đang đóng vai trò thiết yếu trong các cơ quan quản lý tài chính toàn cầu nhằm theo dõi dòng vốn, ngăn chặn rửa tiền và phát hiện gian lận tài chính theo thời gian thực.

Đặc biệt, Việt Nam cần xây dựng các nền tảng dữ liệu mở trong lĩnh vực tài chính nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Fintech phát triển. Việc chia sẻ dữ liệu có kiểm soát giữa các ngân hàng, cơ quan quản lý và bên thứ ba sẽ là chìa khóa để triển khai các mô hình tài chính số lấy khách hàng làm trung tâm (customer-centric

finance). Kinh nghiệm từ Singapore và Liên minh châu Âu cho thấy, chính sách khuyến khích chia sẻ dữ liệu tài chính dưới mô hình Open Banking và Open Finance đã giúp giảm chi phí giao dịch, gia tăng sự minh bạch và cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người dân (World Bank, 2022).

3.2. Ưu tiên phát triển các đối tác chiến lược song phương có khả năng chuyển giao công nghệ

Việt Nam nên tập trung vào các quốc gia có nền tảng tài chính số tiên tiến và sẵn sàng hợp tác chuyển giao như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và EU. Các hiệp định hợp tác nên mở rộng từ cấp Bộ Tài chính hoặc Ngân hàng Trung ương đến các tổ chức công nghệ như trung tâm đổi mới sáng tạo, viện nghiên cứu tài chính và các doanh nghiệp Fintech. Việc phát triển hành lang sandbox song phương với các nước trên sẽ giúp Việt Nam vừa thử nghiệm công nghệ mới, vừa bảo vệ an toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, việc hợp tác quốc tế cần được gắn kết với mục tiêu nâng cao năng lực thể chế trong nước thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, trao đổi chuyên gia và hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực giám sát tài chính số. Nhiều quốc gia như Nhật Bản và Đức đã triển khai mô hình hợp tác ba bên giữa cơ quan nhà nước – viện nghiên cứu – doanh

nghiệp công nghệ để cùng thử nghiệm và phát triển các sản phẩm tài chính mới, vừa đảm bảo đổi mới vừa giữ vững kỷ cương quản lý. Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm này để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo toàn diện trong lĩnh vực tài chính.

Ngoài ra, việc Việt Nam tham gia sâu hơn vào các sáng kiến đa phương như ASEAN Financial Innovation Network hay G20 TechSprint sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường toàn cầu, mở rộng quy mô, đồng thời góp phần vào việc xây dựng các tiêu chuẩn chung về tài chính số. Theo World Bank (2021), việc thiết lập các sandbox xuyên biên giới đang trở thành xu thế nhằm thúc đẩy đổi mới trong khi vẫn kiểm soát rủi ro pháp lý, đặc biệt đối với các sản phẩm sử dụng công nghệ blockchain và tiền kỹ thuật số.

Thúc đẩy Liên minh chia sẻ dữ liệu tín dụng ASEAN

Việt Nam có thể đóng vai trò tiên phong trong việc xây dựng một liên minh chia sẻ dữ liệu tín dụng trong khu vực ASEAN. Việc phát triển các công nghệ chia sẻ và tổng hợp thông tin tín dụng, bao gồm cả việc sử dụng mô hình chấm điểm tín dụng, đã được áp dụng rộng rãi trong tài trợ nợ, đặc biệt là tài trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME). Các mô hình này được sử dụng bởi cả các ngân hàng cá nhân và các cơ quan đăng ký tín dụng phục vụ cho một phần lớn của cộng đồng tài chính hoặc cơ quan quản lý ngân hàng. Việc tạo ra các cơ quan đăng ký thông tin tín dụng công hoặc tư nhân sẽ cải thiện chức năng của thị trường tài chính trong khu vực ASEAN.

Thí điểm tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) cho các nước đang phát triển

Việt Nam đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC). Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, phát triển và thí điểm CBDC dựa trên công nghệ blockchain từ tháng 6 năm 2021. Mặc dù chưa có báo cáo công khai về việc bắt đầu thí điểm, Việt Nam đang ở giai đoạn nghiên cứu và dự kiến sẽ chuyển sang giai đoạn thí điểm trong tương lai gần.

Thành lập Trung tâm giám sát rủi ro tài chính số Đông Nam Á

Việt Nam có thể đóng vai trò chủ chốt trong việc thành lập một trung tâm giám sát rủi ro tài chính số cho khu vực Đông

Nam Á. Việc này sẽ giúp nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với các bất ổn tài chính, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ. Mặc dù chưa có thông tin cụ thể về việc thành lập trung tâm này, việc chủ động tham gia và điều phối các cơ chế như vậy sẽ nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và giúp quốc gia chủ động thích ứng với các tiêu chuẩn hợp tác tài chính toàn cầu đang ngày càng thay đổi.

Bên cạnh đó, sự chênh lệch trình độ công nghệ giữa Việt Nam và các nền kinh tế phát triển cũng là thách thức không nhỏ. Việc áp dụng các công nghệ mới như blockchain, AI hay các giải pháp thanh toán kỹ thuật số đòi hỏi nguồn lực công nghệ cao và hệ thống pháp lý chặt chẽ, trong khi Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và khung pháp lý. Điều này đòi hỏi sự đầu tư liên tục về nguồn nhân lực chất lượng cao, cải tiến chính sách và tăng cường hợp tác quốc tế để bắt kịp xu thế phát triển toàn cầu một cách bền vững.

Tóm lại, thay vì chờ đợi chuyển giao đơn thuần, Việt Nam cần tích cực tái định vị mình trong chuỗi giá trị tài chính số toàn cầu thông qua đối tác chiến lược song phương thông minh và linh hoạt, lấy công nghệ – dữ liệu – thể chế làm trụ cột.



Tài liệu Tham khảo

1. Báo Thanh Niên. (2023). Hơn 60% công ty fintech tại Việt Nam chưa có chiến lược quản lý dữ liệu toàn diện. Truy cập từ <https://thanhnien.vn>
2. CafeF. (2023). Tima xử lý hơn 10.000 tỷ đồng trong các khoản vay P2P. Truy cập từ <https://cafef.vn>
3. (Nguồn báo chí, minh họa cơ hội trong lĩnh vực cho vay ngang hàng và thiếu hụt nhân lực blockchain).
4. Deloitte. (2023). Cloud computing in banking: Transforming financial services. Truy cập từ <https://www2.deloitte.com/us/en/insights/industry/financial-services/cloud-computing-in-banking.html>
5. (Báo cáo ngành, cung cấp số liệu về tiết kiệm chi phí CNTT nhờ điện toán đám mây).
6. Fintech News. (2023). MoMo handles over \$1.5 billion in transactions in 2023. Truy cập từ <https://fintechnews.vn>
7. International Monetary Fund (IMF). (2024). Artificial intelligence and its impact on financial markets and financial stability. Truy cập từ <https://www.imf.org/en/News/Articles/2024/09/06/sp090624-artificial-intelligence-and-its-impact-on-financial-markets-and-financial-stability>
8. (Nguồn học thuật, cung cấp số liệu về giao dịch thuật toán tại Phố Wall).
9. McKinsey & Company. (2023). The risk-based approach to cybersecurity. Truy cập từ <https://www.mckinsey.com/capabilities/risk-and-resilience/our-insights/the-risk-based-approach-to-cybersecurity>
10. Nature. (2024). The role of AI in

10. transforming global financial value chains. Humanities and Social Sciences Communications, 11(1), 4850. <https://doi.org/10.1057/s41599-025-04850-8>
11. Nextrans. (2022). Vietnam Fintech Report 2022. Truy cập từ <https://nextrans.com>.
12. Statista. (2023). Vietnam fintech market to reach \$18 billion by 2025. Truy cập từ <https://www.statista.com>
13. Tạp chí Tài chính. (2023). 70% công ty fintech gặp khó khăn do thiếu hướng dẫn pháp lý. Truy cập từ <https://tapchitaichinh.vn>
14. Vietnam Investment Review. (2023). Timo serves over 1 million customers with personalized loan products. Truy cập từ <https://vir.com.vn>
15. Vietnamnet. (2023). Vietnam faces shortage of data science experts. Truy cập từ <https://vietnamnet.vn>
16. VnExpress. (2023). Over 50% of Vietnam's population uses digital wallets. Truy cập từ <https://vnexpress.net>
17. World Bank. (2023). Vietnam digital economy overview 2023. Truy cập từ <https://www.worldbank.org>
18. DeFiLlama. (2024). DeFi total value locked reaches \$100 billion in 2024. Truy cập từ <https://defillama.com>
19. IBM. (2021). Cost of a data breach report 2021. Truy cập từ <https://www.ibm.com/security/data-breach>
20. BCG. (2022). How banks can leverage data to create value. Truy cập từ <https://www.bcg.com/publications/2022/how-banks-can-leverage-data-to-create-value>
21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2024). Báo cáo về khiếu hối và thanh toán số, <https://www.sbv.gov.vn/vi/danh-muc-thong-cao-bao-chi/thong-cap-bao-chi-nam-2024>

Tài liệu Tham khảo

22. Monetary Authority of Singapore, (2023). Regulatory Sandbox Framework for Fintech Innovation, <https://www.mas.gov.sg/development/fintech/regulatory-sandbox>
23. Tổng cục Thống kê Việt Nam, (2023). Báo cáo kinh tế - xã hội 2022, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/10/bao-cao-kinh-te-xa-hoi-nam-2022/>
24. PwC Vietnam, (2024). Xu hướng công nghệ tài chính tại Việt Nam 2024, <https://www.pwc.com/vn/vi/publications/fintech-trends-2024.html>
25. Vietnam P2P Lending: 5 Bold Reasons Why Decree 94/2025 Could Empower Millions or Backfire?. Báo Thanh Niên. (2023). Hơn 60% công ty fintech tại Việt Nam chưa có chiến lược quản lý dữ liệu toàn diện. Truy cập từ <https://thanhnien.vn>
26. CafeF. (2023). Tima xử lý hơn 10.000 tỷ đồng trong các khoản vay P2P. Truy cập từ <https://cafef.vn>
27. (Nguồn báo chí, minh họa cơ hội trong lĩnh vực cho vay ngang hàng và thiếu hụt nhân lực blockchain).
28. Deloitte. (2023). Cloud computing in banking: Transforming financial services. Truy cập từ <https://www2.deloitte.com/us/en/insights/industry/financial-services/cloud-computing-in-banking.html>
29. (Báo cáo ngành, cung cấp số liệu về tiết kiệm chi phí CNTT nhờ điện toán đám mây).
30. Fintech News. (2023). MoMo handles over \$1.5 billion in transactions in 2023. Truy cập từ <https://fintechnews.vn>

32. International Monetary Fund (IMF). (2024). Artificial intelligence and its impact on financial markets and financial stability. Truy cập từ <https://www.imf.org/en/News/Articles/2024/09/06/sp090624-artificial-intelligence-and-its-impact-on-financial-markets-and-financial-stability>
33. (Nguồn học thuật, cung cấp số liệu về giao dịch thuật toán tại Phố Wall).
34. McKinsey & Company. (2023). The risk-based approach to cybersecurity. Truy cập từ <https://www.mckinsey.com/capabilities/risk-and-resilience/our-insights/the-risk-based-approach-to-cybersecurity>
35. Nature. (2024). The role of AI in
36. Geopolitics and Financial Fragmentation: Implications for Macro-Financial Stability. (n.d.). [file:///C:/Users/Admin/Downloads/ch3%20\(1\).pdf](file:///C:/Users/Admin/Downloads/ch3%20(1).pdf)
37. How are geopolitical risks affecting the world economy. (n.d.). <https://www.economicsobservatory.com/how-are-geopolitical-risks-affecting-the-world-economy>
38. Ngân hàng nhà nước. (n.d.). Tác động của rủi ro địa chính trị và bất ổn chính sách kinh tế thế giới đến giá thị trường của cổ phiếu tại Việt Nam. https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV615297&rightWidth=0%25¢erWidth=80%25&afLoop=24302007121716774#%40%3F_afrLoop%3D24302007121716774%26centerWidth%3D80%25
39. (n.d.). Biến động địa chính trị có thể ảnh hưởng mạnh đến kinh tế thế giới năm 2025. <https://vneconomy.vn/bien-dong-dia-chinh-tri-co-the-anh-huong-manh-den-kinh-te-the-gioi-nam-2025.htm>

Tài liệu Tham khảo

40. Ngân hàng nhà nước. (n.d.). Tác động của địa chính trị đến thương mại quốc tế. <https://tapchinganhang.gov.vn/tac-dong-cua-dia-chinh-tri-den-thuong-mai-quoc-te-593.html>
41. IMF executive board approves new two-year US\$1.5 billion FCL arrangement for Costa Rica. (n.d.). https://www.ncbcapitalmarkets.com/research/latestnews/7055-imf-executive-board-approves-new-two-year-us-1-5-billion-fcl-arrangement-for-costa-rica?utm_source
42. (n.d.). Bahamas to regulate banks to offer cbank digital currency. https://www.reuters.com/technology/bahamas-regulate-banks-offer-cbank-digital-currency-2024-07-01/?utm_source
43. the global financial system keeps the world stable and unified. Here's how to strengthen it. (n.d.). https://www.weforum.org/stories/2025/01/global-financial-system-fragmentation/?utm_source
44. Navigating a fractured horizon: risks and policy options in a fragmenting world. (n.d.). <https://www.bis.org/review/r250429d.pdf>
45. Federal Reserve Board. (2025). Policy Coordination and Swap Lines in Global Crises. Retrieved from <https://www.federalreserve.gov>
46. International Monetary Fund. (2024). Costa Rica: Staff Report for the Request for a Precautionary and Liquidity Line Arrangement. Retrieved from <https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2024/04/01/Costa-Rica-Request-for-PLL-Arrangement>
47. Monetary Fund. (2023). The Role of Central Bank Digital Currencies in Cross-Border Payments. Retrieved from <https://www.imf.org/en/Topics/fintech/CBDC>

48. Arner, D. W., Auer, R., & Frost, J. (2020). Stablecoins: Risks, potential and regulation. BIS Working Papers No. 905. Bank for International Settlements.
49. Arner, D. W., Barberis, J. N., & Buckley, R. P. (2017). Fintech and regtech: Impact on regulators and banks. *Journal of Banking Regulation*, 19(3), 1-14.
50. Bank for International Settlements. (2021). DeFi risks and the decentralisation illusion. *BIS Quarterly Review*, December.
51. Bank for International Settlements. (2022). Project mBridge: Connecting economies through CBDC. *BIS Innovation Hub Reports*.
52. Bank for International Settlements. (2023). The crypto ecosystem: Key elements and risks. *Annual Economic Report 2023*, Chapter III.
53. Gereffi, G., & Fernandez-Stark, K. (2016). *Global value chain analysis: A primer* (2nd ed.). Durham, NC: Duke University, Center on Globalization, Governance & Competitiveness.
54. International Monetary Fund. (2022). The impact of fintech on the global financial landscape. *IMF Fintech Notes* No. 2022/001.
55. International Monetary Fund. (2023). Cross-border central bank digital currency arrangements: Key features and global implications. *IMF Working Paper* No. WP/23/43.
56. Organisation for Economic Co-operation and Development. (2023). *Tokenisation of assets and financial stability*. Paris: OECD Publishing.
57. World Economic Forum. (2022). *The future of financial infrastructure: An ambitious look at how blockchain can reshape financial services*. Geneva: World Economic Forum.

Tài liệu Tham khảo

58. Zetzsche, D. A., Buckley, R. P., Arner, D. W., & Barberis, J. N. (2020). Decentralized finance (DeFi). University of Hong Kong Faculty of Law Research Paper No. 2020/019.
59. FinTech Regulatory Sandboxes Capacity Building Summary Report <https://www.apec.org/docs/default-source/Publications/2021/3/FinTech-Regulatory-Sandboxes-Capacity-Building-Summary-Report/221_EC_FinTech-Regulatory-Sandboxes-Capacity-Building-Summary-Report.pdf>
60. Development Co-operation Report 2021
<https://www.oecd.org/en/publications/2021/12/development-co-operation-report-2021_4d1131e9.html?>
61. G20/OECD-INFE report on navigating the storm: MSMEs' financial and digital competencies in COVID-19 times
<https://www.gpfi.org/sites/default/files/documents/5_OECD%20INFE%20Report_Navigating%20the%20storm_MSMEs%20financial%20and%20digital%20competencies%20in%20COVID19%20times.pdf?>
62. SMEs Going Digital
<https://www.oecd.org/en/publications/smes-going-digital_c91088a4-en.html>
63. mBridge
<<https://en.wikipedia.org/wiki/MBridge?>>
64. BIS Papers No 125 Gaining momentum – Results of the 2021 BIS survey on central bank digital currencies
<<https://www.bis.org/publ/bppdf/bispap125.pdf?>>

65. CENTRAL BANK DIGITAL CURRENCIES FOR CROSS-BORDER PAYMENTS
<<https://documents1.worldbank.org/curated/en/369001638871862939/pdf/Central-Bank-Digital-Currencies-for-Cross-border-Payments-A-Review-of-Current-Experiments-and-Ideas.pdf?>>
66. The Role of the Public Sector and Public-Private Cooperation in the Era of Digital Currency Growth <https://www3.weforum.org/docs/WEF_Role_of_Public_Sector_and_Public_Private_Cooperation_2021.pdf?>
67. Tracker of New FinTech Applications in Bond Markets
<<https://www.icmagroup.org/fintech-and-digitalisation/fintech-resources/tracker-of-new-fintech-applications-in-bond-markets/?>>
68. Monetary Authority of Singapore<https://en.wikipedia.org/wiki/Monetary_Authority_of_Singapore?>
69. G20/OECD-INFE Report on supporting financial resilience and transformation through digital financial literacy
<https://www.gpfi.org/sites/gpfi/files/sites/default/files/5_OECD%20INFE%20Report_Supporting%20resilience%20through%20digital%20financial%20literacy.pdf?>
70. Business Agility Summit 2025: Các ngân hàng và tập đoàn quốc tế chuyển đổi số ra sao?
<<https://congthuong.vn/business-agility-summit-2025-cac-ngan-hang-va-tap-doan-quoc-te-chuyen-doi-so-ra-sao-389656.html>>
71. Vietnam Proposes Regulatory Sandbox for Banking Sector: Draft Decree Guidelines <<https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-proposes-regulatory-sandbox-for-banking-sector-draft-decree-guidelines.html/?>>
72. Fintech 2022
<<https://practiceguidesdev.chambers.com/practice-guides/fintech-2022/vietnam?>>

Tài liệu Tham khảo

73. Quyết định 810/QĐ-NHNN 2021<<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Quyet-dinh-810-QĐ-NHNN-2021-phe-duyet-Ke-hoach-Chuyen-doi-so-nganh-Ngan-hang-den-2025-474917.aspx>>
74. New Regulations on Onshore Loans in Vietnam
<<https://www.tilleke.com/insights/new-regulations-on-onshore-loans-in-vietnam/2/?>>
75. <<https://www.lntpartners.com/legal-briefing/fintech-2021-chambers-global-practice-guide?>>
76. MAPPING DATA PORTABILITY INITIATIVES, OPPORTUNITIES AND CHALLENGES
<https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2021/12/mapping-data-portability-initiatives-opportunities-and-challenges_97cd728b/a6edfab2-en.pdf?>
77. Data Portability, Interoperability and Digital Platform Competition
<https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2021/10/data-portability-interoperability-and-competition_f09a402e/73a083a9-en.pdf?>
78. Central bank digital currencies for cross-border payments <
<https://www.bis.org/publ/othp38.htm?>>
79. Vietnam Fintech Market Size, Share, Trends and Forecast by Type and Region, 2025-2033
<<http://chaimarcgroup.com/vietnam-fintech-market?>>
80. Vietnam Fintech Market Report and Forecast 2025-2034
<[chexpertmarketresearch.com/reports/vietnam-fintech-market?>](https://expertmarketresearch.com/reports/vietnam-fintech-market?>)

81. ASEAN Integrated QR Code Payment System
<https://en.wikipedia.org/wiki/ASEAN_Integrated_QR_Code_Payment_System?>
82. NAPAS to expand cross-border QR payment with China, RoK and Japan in 2025
<<https://vietnamnews.vn/economy/1688248/napas-to-expand-cross-border-qr-payment-with-china-rok-and-japan-in-2025.html?>>
83. COOPERATION TO LAUNCH CROSS-BORDER PAYMENT CONNECTION VIA QUICK RESPONSE (QR) CODES BETWEEN VIETNAM AND SINGAPORE
<<https://en.napas.com.vn/cooperation-to-launch-cross-border-payment-connection-via-quick-response-qr-codes-between-vietnam-and-singapore-184250328093705611.htm?>>
84. Vietnam Open Banking: Why Banks Should Embrace the Opportunity
<<https://www.raidiam.com/insights/though-t-leadership/vietnams-open-banking-revolution?>>
85. QR code payment<https://en.wikipedia.org/wiki/QR_code_payment?>
86. Fintech in Vietnam Market Size & Share Analysis - Growth Trends & Forecasts (2025 - 2030)
<<https://www.mordorintelligence.com/industry-reports/vietnam-fintech-market?>>
87. Unlocking The Rise of Fintech in Vietnam – The Promising 18 Billion USD Market by 2024
<<https://innolab.asia/2024/04/05/unlocking-the-rise-of-fintech-in-vietnam-2024/?>>
88. Ký kết thỏa thuận đẩy mạnh hợp tác thông tin và truyền thông giữa Việt Nam và Nhật Bản <<https://abei.gov.vn/hoat-dong-su-kien/ky-ket-thoa-thuan-day-manh-hop-tac-thong-tin-va-truyen-thong-giua-viet-nam-va-nhat-ban/118549?>>

Tài liệu Tham khảo

89. FSC Vice Chairman Visits Vietnam to Strengthen Cooperation on Digital Finance

<<https://www.fsc.go.kr/eng/pr010101/80709?>>

90. BIDV and MUFG co-promote sustainable development

<https://bidv.com.vn/bidv_en/tin-tuc/tin-ve-bidv/bidv-mufg-hop-tac-thuc-day-phat-trien-ben-vung?>

91. FPT and OKI Forge Strategic Partnership to Accelerate Digital Transformation

<<https://fptsoftware.com/newsroom/news-and-press-releases/news/fpt-and-oki-forge-strategic-partnership-to-accelerate-digital-transformation?>>

92. Vietnam CBDC Tracker

<<https://cbdctracker.hrf.org/currency/vietnam?>>

93. Digital euro

<https://en.wikipedia.org/wiki/Digital_euro?>

94. COMMON OPEN BANKING INFRASTRUCTURE - CONNECTING AND DEVELOPING THE DIGITAL ECOSYSTEM

<<https://en.napas.com.vn/common-open-banking-infrastructure-connecting-and-developing-the-digital-ecosystem-184240620093106393.htm?>>

95. National comprehensive financial strategy to 2025, orientation to 2030

<<https://asemconnectvietnam.gov.vn/default.aspx?ID1=2&ID8=95694&ZID1=14&>>

96. Artificial Intelligence (AI) in finance

<<https://www.oecd.org/en/topics/sub-issues/digital-finance/artificial-intelligence-in-finance.html?>>

97. Vietnam Targets Transparent Digital Financial Ecosystem by 2030

<<https://opengovasia.com/2022/08/16/vietnam-targets-transparent-digital-financial-ecosystem-by-2030/?>>

98. Vietnam and South Korea Bolster Digital Collaboration

<<https://opengovasia.com/2024/08/05/vietnam-and-south-korea-bolster-digital-collaboration/?>>

99. Comprehensive strategic partnerships of Vietnam

<https://en.wikipedia.org/wiki/Comprehensive_strategic_partnerships_of_Vietnam?>

100. Vietnam, Japan promote financial cooperation

<<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/vietnam-japan-promote-financial-cooperation-146563.html?>>

101. Vietnam-Singapore Comprehensive Strategic Partnership: Sustainability, Investment, and Trade

<<https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-singapore-comprehensive-strategic-partnership-sustainability-investment-trade.html/?>>

102. BIS and South African Reserve Bank launch G20 TechSprint on open finance integrity

<<https://www.theasianbanker.com/press-releases/bis-and-south-african-reserve-bank-launch-g20-techsprint-on-open-finance-integrity?>>

103. G20 TechSprint 2025 - Trust and integrity in scalable and open finance

<https://www.bis.org/hub/2025_g20_techsprint.htm?>

104. Vietnamese gov't approves two-year trial of P2P lending <

<https://en.vietnamplus.vn/vietnamese-govt-approves-two-year-trial-of-p2p-lending-post318526.vnp?>>

105. Government approves two-year trial of P2P lending

<<https://vietnamnews.vn/economy/1716926/government-approves-two-year-trial-of-p2p-lending.html?>>

Tài liệu Tham khảo

106. Vietnam joins global peers in developing digital money

<<https://en.vietnamplus.vn/vietnam-joins-global-peers-in-developing-digital-money-post205288.vnp?>>

107. Vietnam Banks Association attends the 52nd ASEAN Banking Council Meeting in

Kuala Lumpur, Malaysia <<https://vnba.org.vn/en/vietnam-banks-association-attends-the-52nd-asean-banking-council-meeting-in-kuala-lumpur--malaysia-16253.htm?>>

108. Vietnam's Central Bank Will Pilot Blockchain Based CBDC <

<https://fintechs.fi/vietnams-central-bank-will-pilot-blockchain-based-cbdc/?>>





Ô CỬA PHÁP LUẬT

1. Khung pháp lý Việt Nam đối với tiền kỹ thuật số, chuyển tiền quốc tế và bảo mật tài chính.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, các xu hướng kinh tế mới như tiền điện tử, tài sản số và cải cách thuế toàn cầu đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý, điều hành ở mỗi quốc gia. Việt Nam, với nền chính trị ổn định và cam kết hội nhập sâu rộng, đang đứng trước cơ hội quan trọng để chủ động nắm bắt và thích ứng với những thay đổi mang tính cấu trúc của nền kinh tế thế giới.

Việc xây dựng một khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ không chỉ giúp kiểm soát rủi ro, bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn tạo nền tảng vững chắc để thu hút đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên bản đồ kinh tế số toàn cầu.

1.1. Hoàn thiện pháp lý cho tài sản số và tiền điện tử

Ngày 01/3/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg, giao Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ khung pháp lý quản lý tiền kỹ thuật số và tài sản số ngay trong tháng 3/2025. Bên cạnh đó, Tổng bí thư Tô Lâm cũng nhấn mạnh rằng “Việt Nam cần chủ động nắm bắt cơ hội, không để khoảng cách giữa tài chính truyền thống và các phương thức giao dịch hiện đại trở thành rào cản phát triển. Về tư duy chính sách, Tổng Bí thư đề xuất mạnh dạn áp dụng khung pháp lý chuyên biệt, thử nghiệm có kiểm soát đối với các ngành công nghệ mới như tài chính, trí tuệ nhân tạo và thương mại điện tử. Cùng với đó, Tổng Bí thư cũng đặt mục tiêu giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính và chi phí kinh doanh, phấn đấu đưa môi trường đầu tư của Việt Nam vào top 3 ASEAN trong vòng 2 - 3 năm tới với lộ trình cụ thể như sau:



1.1.1. Giai đoạn thử nghiệm (Sandbox)

Việt Nam dự kiến áp dụng mô hình sandbox để thử nghiệm cơ chế vận hành của các sàn giao dịch tài sản số. Điều này cho phép một số doanh nghiệp đủ điều kiện hoạt động dưới sự giám sát của cơ quan chức năng, nhằm đánh giá hiệu quả và rủi ro trước khi triển khai rộng rãi.

1.1.2 Ban hành khung pháp lý nền tảng

Sau giai đoạn thử nghiệm, các cơ quan chức năng sẽ tiến hành xây dựng và ban hành khung pháp lý cơ bản, bao gồm: Định nghĩa pháp lý về tài sản số; Xác định rõ ràng khái niệm và phạm vi của tài sản số trong hệ thống pháp luật.

- **Quy trình đăng ký và cấp phép:** Thiết lập quy trình cụ thể cho việc đăng ký và cấp phép hoạt động cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài sản số.
- **Quy định về thuế và bảo vệ nhà đầu tư:** Đề ra các quy định liên quan đến nghĩa vụ thuế và cơ chế bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư.

1.1.3 Tích hợp vào hệ thống tài chính chính thức

Cuối cùng, quá trình hoàn thiện khung pháp lý sẽ tích hợp tài sản số vào hệ thống tài chính chính thức, quy định rõ trách nhiệm thuế, bảo vệ nhà đầu tư và xây dựng cơ chế xử lý tranh chấp, đảm bảo sự minh bạch và ổn định cho thị trường.

1. Ban hành Bộ quy tắc về giao dịch chuyển tiền một chiều

Trong bối cảnh hội nhập phát triển hiện nay, nhu cầu chuyển tiền quốc tế ngày càng gia tăng và phổ biến đối với mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp, đặc biệt trong sản xuất - kinh doanh liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu,... Tại Việt Nam, khung pháp lý liên quan đến việc chuyển tiền quốc tế đã được ban hành với các quy định và hướng dẫn cụ thể liên quan đến chuyển tiền quốc tế. Căn cứ quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối, Nghị định 70/2014/NĐ-CP, Thông tư 20/2022/TT-NHNN, các TCTD đã xây dựng quy định nội bộ, trong đó có quy định về giấy tờ, chứng từ liên quan đến giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài đối với người cư trú là công dân Việt Nam. Tuy nhiên, việc chuyển tiền quốc tế vốn là một hoạt động phức tạp liên quan đến nhiều bên, vừa phải đảm bảo các quy chuẩn quốc tế và các đặc thù của từng trường hợp cụ thể nên

vẫn tồn tại những thiếu sót về quy định nội bộ về giấy tờ, chứng từ chuyển tiền của mỗi ngân hàng khác nhau dẫn đến việc triển khai không đồng nhất, gây khó khăn cho người chuyển tiền.

Nhận thấy những tồn tại trong việc chuyển tiền quốc tế, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam đã có công văn báo cáo Thống đốc NHNN và đề xuất xây dựng Bộ Quy tắc và Thực hành thống nhất chuyển tiền ra nước ngoài. Sau hơn 15 tháng triển khai, trải qua rất nhiều bước thực hiện, ngày 7/2/2025, Hiệp hội Ngân hàng đã có Quyết định số 09/QĐ-HHNH ban hành Bộ Quy tắc (có hiệu lực từ ngày 15/3/2025). Ngày 27/2/2025, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam chính thức tổ chức Hội nghị triển khai Bộ Quy tắc và thực hành thống nhất về danh mục, nguyên tắc cung cấp chứng từ đối với giao dịch chuyển tiền một chiều ra nước ngoài của người cư trú là công dân Việt Nam, áp dụng cho các mục đích như học tập, chữa bệnh,

công tác, du lịch, trả phí, trợ cấp cho thân nhân, chuyển tiền thừa kế và định cư ở nước ngoài.

Việc xây dựng Bộ Quy tắc là một bước tiến quan trọng giúp việc kiểm soát hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài trở nên hiệu quả hơn theo một cơ chế đã được đồng thuận, thống nhất. Bên cạnh đó, Bộ Quy tắc còn chú trọng ban hành các quy định chặt chẽ về phòng chống rửa tiền, chuyển tiền trái phép ra nước ngoài với các phương thức như chuyển nhiều lần với cùng một bộ hồ sơ tại một hay nhiều ngân hàng khác nhau. Bộ Quy tắc ra đời đã tăng thêm rào cản, hạn chế các hành vi rửa tiền bất hợp pháp.

Bộ Quy tắc cùng với các văn bản pháp lý đã xây dựng từ trước gồm Thông tư 20/2022/TT-NHNN đã góp phần xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh cho việc chuyển tiền ra nước ngoài. Lưu ý rằng, các Bộ Quy tắc do Hiệp hội Ngân hàng ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật, mà được áp dụng trong phạm vi các hội viên, nhằm thống nhất phương thức thực hiện và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý.

2. Các thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu (Pillar II của BEPS) và tác động đến chuỗi tài chính doanh nghiệp

Thuế tối thiểu toàn cầu (Global Minimum Tax – GMT) là cơ chế do OECD đề xuất nhằm đảm bảo các tập đoàn đa quốc gia có doanh thu từ 750 triệu EUR/năm phải chịu mức thuế suất tối thiểu 15%, bất kể đang hoạt động tại đâu. Mục tiêu là ngăn chặn việc chuyển lợi nhuận sang các quốc gia có thuế suất thấp để tránh nghĩa vụ thuế.

Chính sách này tác động lớn đến các doanh nghiệp trên toàn cầu, GMT làm giảm hiệu quả của các chính sách ưu đãi thuế, đồng thời gia tăng chi phí tuân thủ và rủi ro pháp lý. Việt Nam không nằm ngoài vòng ảnh hưởng. Theo quy định này, các tập đoàn đa quốc gia có doanh thu từ 750 triệu EUR trở lên mỗi năm sẽ phải nộp mức thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu là 15%, nhằm hạn chế hành vi chuyển lợi nhuận đến các quốc gia có thuế suất thấp.

Việt Nam lâu nay vẫn sử dụng công cụ ưu đãi thuế để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và sản xuất quy mô lớn. Tuy nhiên, cơ chế GMT đang dần làm lu mờ lợi thế này khi phần thuế được ưu đãi tại Việt Nam có thể bị đánh bỏ sung tại quốc gia của công ty mẹ. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới sức hấp dẫn đầu tư nếu Việt Nam không có sự điều chỉnh chính sách kịp thời và hợp lý.

Để thích ứng, Việt Nam cần khẩn trương đánh giá lại toàn bộ hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành. Đặc biệt, chính sách ưu đãi cần được chuyển từ “ưu đãi thuế” sang “ưu đãi hiệu quả” – như hỗ trợ hạ tầng, nguồn nhân lực, hoặc chuyển đổi xanh. Đồng thời, cơ chế giá chuyển nhượng cũng cần được điều chỉnh minh bạch, đồng bộ với thông lệ quốc tế để tránh bị xem là công cụ xói mòn cơ sở thuế, từ đó giảm rủi ro bị đánh thuế hồi tố hoặc bị điều tra từ các cơ quan thuế nước ngoài.

Bên cạnh áp lực từ bên ngoài, Việt Nam cũng đang nắm giữ những lợi thế không nhỏ để thích ứng hiệu quả, trong đó có môi trường chính trị ổn định và tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Những yếu tố này, nếu được kết hợp với nỗ lực cải cách thể chế, có thể giúp Việt Nam trở thành điểm đến an toàn và hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư toàn cầu.

Ngoài lĩnh vực đầu tư truyền thống, việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho tài sản số, tiền kỹ thuật số cũng đang trở nên cấp thiết. Không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, khung pháp lý rõ ràng, minh bạch còn tạo nền tảng để phát triển thị trường tài chính số và thu hút dòng vốn chất lượng cao trong tương lai. Tuy nhiên, quá trình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, cơ quan chuyên môn và khối doanh nghiệp, cùng với việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả.

Tài liệu Tham khảo

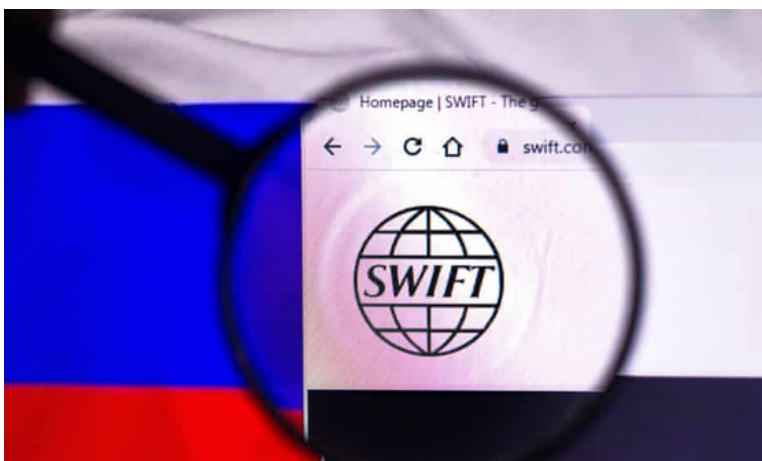
1. PGS.,TS. Ngô Trí Long , “VIETNAM MUST NOT LAG BEHIND IN DIGITAL CURRENCY - A STRATEGIC PERSPECTIVE OF GENERAL SECRETARY TÔ LÂM” , sbv.gov.vn, <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV624627&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afLoop=23763691690352774#%40%3F_afLoop%3D23763691690352774%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBV624627%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D1cxfx8nz6u_9> , truy cập lần cuối ngày 25/5/2025
2. Ngọc Hiền, 11/03/2025, “Xây dựng khung pháp lý tài sản số: Lắp lỗ hổng pháp lý, tránh nguy cơ tụt hậu”, vtv.vn, <<https://vtv.vn/kinh-te/xay-dung-khung-phap-ly-tai-san-so-lap-lo-hong-phap-ly-tranh-nguy-co-tut-hau-20250310174030061.htm>> , truy cập lần cuối ngày 3/6/2025
3. Nhóm phóng viên, 12/02/2025, “ Bộ quy tắc về giao dịch chuyển tiền một chiều ra nước ngoài: Mang lại lợi ích cho nhiều bên”, tapchinganhang.gov.vn, <<https://tapchinganhang.gov.vn/bo-quy-tac-ve-giao-dich-chuyen-tien-mot-chieu-ra-nuoc-ngoai-mang-lai-loi-ich-cho-nhieu-ben-15487.html>>, truy cập lần cuối ngày 07/06/2025
4. Nguyễn Vũ, 28/02/2025, “Thêm rào cản ngăn chặn hoạt động rửa tiền. Thời Báo Ngân Hàng”, thoibaonganhang.vn, <<https://thoibaonganhang.vn/them-rao-can-ngan-chan-hoat-dong-rua-tien-160910.html>>, truy cập lần cuối ngày 07/06/2025
5. RSM Viet Nam, 26/04/2025, “Tác động của OECD Pillar Two (Thuế tối thiểu toàn cầu) đến Transfer Pricing tại Việt Nam” , rsmhanoi.com.vn, <[Ô CỬA PHÁP LUẬT](https://www.rsmhanoi.com.vn/post/t%C3%A1c-%C4%91%E1%BB%99ng-c%E1%BB%A7a-oecd-pillar-two-thu%E1%BA%BF-t%E1%BB%91i-thi%E1%BB%83u-to%C3%A0n-c%E1%BA%A7u-%C4%91%E1%BA%BFn-transfer-pricing-t%E1%BA%A1i-vi%E1%BB%87t-nam#:~:text=%E1%BB%9E%20quy%20m%C3%B4%20to%C3%A0n%20c%E1%BA%A7u,%E2%82%AC750%20tri%E1%BB%87u%20m%E1%BB%97i%20n%C4%83m.>https://www.rsmhanoi.com.vn/post/t%C3%A1c-%C4%91%E1%BB%99ng-c%E1%BB%A7a-oecd-pillar-two-thu%E1%BA%BF-t%E1%BB%91i-thi%E1%BB%83u-to%C3%A0n-c%E1%BA%A7u-%C4%91%E1%BA%BFn-transfer-pricing-t%E1%BA%A1i-vi%E1%BB%87t-nam#:~:text=%E1%BB%9E%20quy%20m%C3%B4%20to%C3%A0n%20c%E1%BA%A7u,%E2%82%AC750%20tri%E1%BB%87u%20m%E1%BB%97i%20n%C4%83m.> , truy cập lần cuối vào 25/5/2025.</div><div data-bbox=)



CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT?

1. SWIFT đã từng loại Nga khỏi hệ thống như một biện pháp trừng phạt tài chính lớn chưa từng có.

SWIFT (Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunication) là một tổ chức cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài chính và thanh toán giữa các ngân hàng trên toàn thế giới được thành lập năm 1973 tại Bỉ, kết nối hơn 11000 tổ chức tài chính tại hơn 200 quốc gia. Việc Nga bị loại khỏi hệ thống SWIFT năm 2022 là một biện pháp trừng phạt tài chính chưa từng có, do phương Tây áp dụng nhằm phản ứng với cuộc chiến tranh mà Nga phát động tại Ukraine. SWIFT được xem như huyết mạch của hệ thống thanh toán toàn cầu nên việc Nga bị loại khỏi hiệp hội này đồng nghĩa việc một quốc gia bị cách ly khỏi hệ thống tài chính thế giới. Quyết định này không chỉ làm rung chuyển nền kinh tế Nga mà còn gây tác động nghiêm trọng cho các hoạt động thương mại và đầu tư trên toàn cầu.

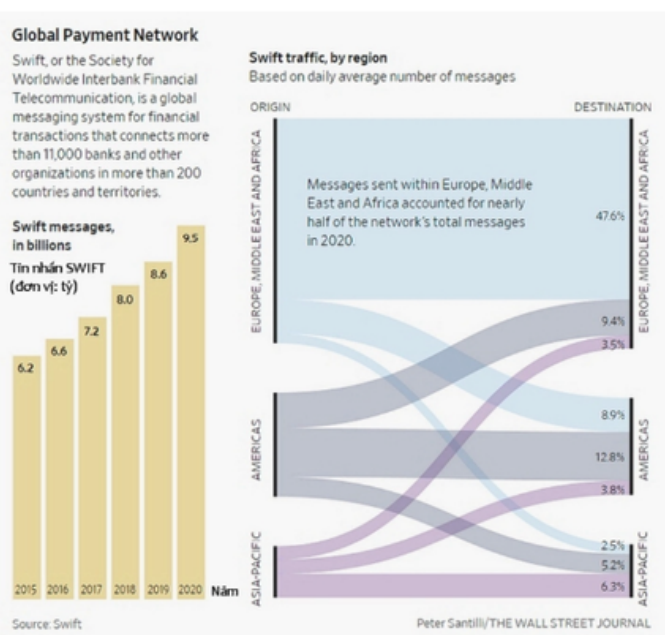


Hình 1. SWIFT ảnh hưởng rất lớn đến hệ thống tài chính toàn cầu, trong đó có Nga
Nguồn: cafefcdn.com

Ngày 24/2/2022, Nga chính thức phát động chiến dịch quân sự toàn diện nhằm vào Ukraine. Ngay sau đó, các quốc gia phương Tây bao gồm Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu EU, Canada, Anh và Nhật Bản đã họp bàn và đưa ra kế hoạch nhằm trừng phạt mạnh mẽ đối với nền kinh tế Nga.

Đến ngày 1/3/2022, EU công bố kế hoạch loại một số ngân hàng của Nga ra khỏi hệ thống SWIFT và quyết định này có hiệu lực từ ngày 12/3/2025. Các ngân hàng nằm trong danh sách này bao gồm VTB, Bank Otkritie, Novikombank, Promsvyazbank, Rossiya Bank, Sovcombank và VEB. Ban đầu các đại sứ EU đã quyết định không áp đặt các hạn chế đối với ngân hàng lớn nhất của Nga là Sberbank-một phần thuộc sở hữu của gã khổng lồ khí đốt Nga Gazprom, và ngân hàng Gazprombank cũng không bị trừ phạt. Thế nhưng cho đến ngày 3/6, EU đã xóa Sberbank khỏi SWIFT như một hành động quyết liệt để cảnh cáo Nga. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử một cường quốc kinh tế có vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu bị loại khỏi hệ thống tài chính quốc tế một cách toàn diện như vậy.

Mặc dù trước đó đã bị đe dọa bị loại khỏi SWIFT từ 2014 vì sáp nhập Crimea, thế nhưng sau khi lệnh trừng phạt được ban hành, thị trường tài chính Nga vẫn bị chao đảo mạnh. Ngay sau khi Nga bị cấm kết nối với SWIFT, hai tập đoàn dầu khí của Shell và BP của Anh đã rút cổ phần, ngừng hợp tác các dự án dầu mỏ tại Nga; Ngân hàng HSBS thu hẹp hoạt động và nhiều công ty khác cũng lên kế hoạch rút khỏi Moscow...



Hình 2. Biểu đồ dòng tiền quốc tế bị gián đoạn
Nguồn: thesaigontimes.vn

Điều này làm các doanh nghiệp phương Tây cũng rút khỏi thị trường Nga hàng loạt, làm tăng tỷ lệ thất nghiệp, đẩy lạm phát lên cao và khiến nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

Cùng với đó, đồng rúp Nga lao dốc mạnh mẽ, mất giá hơn 30% so với đồng USD, điều này khiến Ngân hàng Trung ương Nga buộc phải nâng lãi suất lên 20% để bảo vệ giá trị tiền tệ.



Hình 3. Nga bị loại hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT

Nguồn: vtcnews.vn

Để đối mặt với lệnh trừng phạt này, Nga cũng đã chuẩn bị nhiều biện pháp để duy trì hoạt

Đến năm 2025, SPFS đã kết nối với hơn 170 tổ chức tài chính tại 24 quốc gia, mở rộng ảnh hưởng trong khu vực Á-Âu và Trung Đông. Tuy nhiên, SPFS vẫn chưa thay thế hoàn toàn SWIFT do phạm vi toàn cầu hạn chế và sự e ngại của các ngân hàng lớn về rủi ro trừng phạt từ phương Tây.

Cùng với đó, Nga đẩy mạnh sử dụng Hệ thống Thanh toán Liên ngân hàng xuyên biên giới (CIPS) của Trung Quốc để thực hiện các giao dịch quốc tế bằng đồng nhân dân tệ (RMB). Nga cũng đã điều chỉnh dự trữ ngoại hối, tăng tỉ trọng đồng RMB lên hơn 13% vào năm 2022, nhằm giảm phụ thuộc vào đồng USD...



Hình 4. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nga từ 2018 - 2023

Nguồn: Statista

Những động thái này không chỉ nhằm đối phó với các biện pháp trừng phạt trước mắt mà còn thể hiện rõ mục tiêu dài hạn của Nga là giảm sự phụ thuộc vào hệ thống tài chính phương Tây, đặc biệt là đồng USD và các thể chế tài chính do Mỹ và EU chi phối. Trong bối cảnh nhiều quốc gia khác cũng đang xem xét lại mức độ phụ thuộc vào SWIFT và đồng USD sau khi chứng kiến các biện pháp trừng phạt tài chính mang tính chiến tranh quân sự, hành động của Nga có thể được xem là một sự thách thức mang tính hệ thống – không chỉ với riêng SWIFT mà còn với toàn bộ trật tự tài chính quốc tế hiện nay. Bằng việc chủ động xây dựng các cấu trúc thay thế và thu hút sự hợp tác của các quốc gia đang có quan điểm không hoàn toàn lệ thuộc vào phương Tây, Nga không chỉ tìm cách bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn thúc đẩy một trật tự tài chính toàn cầu đa cực hơn, làm suy yếu vai trò độc tôn của phương Tây trong lĩnh vực này.

Việc Nga bị SWIFT loại khỏi hệ thống là một bước ngoặt trong lịch sử tài chính toàn cầu. Nó không chỉ là biện pháp trừng phạt mạnh mẽ nhất được áp dụng với một quốc gia lớn, mà còn là dấu hiệu cho thấy tài chính đã trở thành mặt trận quan trọng trong các xung đột hiện đại. Trong tương lai, khi các quốc gia tiếp tục vũ khí hoá hệ thống tài chính, thế giới có thể bước vào một kỉ nguyên mới với những thách thức và biến động sâu sắc hơn bao giờ hết.

2. Gần 130 quốc gia đang nghiên cứu hoặc thử nghiệm phát hành đồng tiền số quốc gia (CBDC).

Tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương CBDC (Central Bank Digital Currency) là một hình thức tiền kỹ thuật số được xây dựng trên công nghệ blockchain của tiền tệ fiat của một quốc gia do ngân hàng trung ương phát hành và quản lý. Không giống như các loại tiền điện tử như Bitcoin hoặc Ethereum, được phân cấp và không được kiểm soát bởi bất kỳ thực thể nào, CBDC là tài sản kỹ thuật số tập trung do chính phủ kiểm soát. Chúng được thiết kế để hoạt động như một loại tiền tệ hợp pháp, cung cấp cùng tiện ích như tiền mặt vật lý nhưng ở dạng tiền kỹ thuật số. CBDC có thể tồn tại dưới hai hình thức: CBDC bán lẻ (dành cho người dân và doanh nghiệp), và CBDC bán buôn (dành cho các tổ chức tài chính).



CBDC được tạo ra để kế thừa tính hiệu quả của công nghệ Blockchain nhưng đồng thời vẫn đảm bảo sự kiểm soát chặt chẽ của ngân hàng trung ương trước sự bùng nổ của các loại tiền mã hoá, từ đó giúp nhà nước giữ vững vai trò điều tiết chính sách tiền tệ trong nền kinh tế số. Ngoài ra, việc phát hành CBDC còn giúp giảm phụ thuộc vào tiền mặt, vốn tốn kém và dễ bị lạm dụng trong các hoạt động phi pháp. Tại một số quốc gia đang phát triển, vẫn còn tồn tại một số bộ phận lớn dân cư vẫn chưa tiếp cận được với dịch vụ ngân hàng truyền thống - CBDC ra đời với hi vọng thúc

đẩy tài chính toàn diện, giúp người dân có thể lưu trữ và giao dịch tiền tệ chỉ với một thiết bị di động thông minh.

Tính đến giữa năm 2024, 134 quốc gia, chiếm 98% GDP toàn cầu, đang nghiên cứu hoặc thử nghiệm CBDC, trong đó 66 quốc gia đã tiến đến giai đoạn phát triển hoặc thử nghiệm. Hơn nữa, 44 quốc gia bao gồm Úc, Indonesia, Singapore, Malaysia... đang triển khai các chương trình thí điểm CBDC.

Trong số các quốc gia tiên phong, Trung Quốc là ví dụ nổi bật với dự án e-CNY (Nhân dân tệ kỹ thuật số). Đây là dự án thí điểm CBDC lớn nhất toàn cầu với khoảng 986 tỷ đô la trên 17 khu vực tính đến tháng 6 năm 2024. Bên cạnh đó, các nước như Nigeria, Jamaica cũng đã phát hành CBDC, lần lượt là eNaira hay JAM-DEX với các mục tiêu như thúc đẩy tài chính toàn diện, giảm chi phí giao dịch và kiểm soát hệ thống tiền tệ của quốc gia.

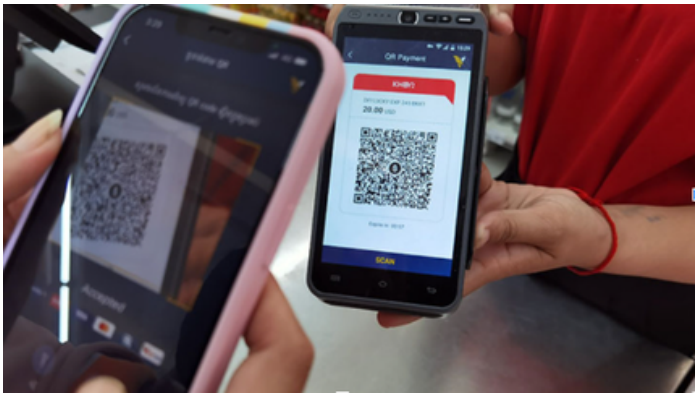


Hình 1. CBDC được thảo luận sôi nổi và đóng vai trò quan trọng trong phân khúc bán buôn ở Trung Quốc

Nguồn: media.vneconomy.vn

Có nhiều lý do khiến các quốc gia quan tâm đến CBDC. Trước hết là nhu cầu hiện đại hoá hệ thống thanh toán: các giao dịch bằng CBDC nhanh hơn, minh bạch hơn và giảm chi phí trung gian. Bên cạnh đó, trong bối cảnh tiền mã hoá ngày càng phát triển, việc phát hành CBDC giúp ngân hàng trung ương duy trì quyền kiểm soát tài chính tiền tệ và hạn chế rủi ro trong tài chính.

Ngoài ra, CBDC còn đóng vai trò trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện, đặc biệt ở những quốc gia có tỉ lệ người dân không sử dụng ngân hàng ở mức cao. Mỗi công dân đều có thể truy cập ví điện tử của ngân hàng trung ương sẽ góp phần xoá bỏ khoảng cách tài chính giữa các tầng lớp trong xã hội.



Hình 2. Campuchia trở thành điểm sáng của châu Á về thí điểm CBDC

Nguồn: vneconomy.vn

Tuy nhiên, CBDC cũng tồn tại không ít thách thức và rủi ro. Một trong những lo ngại lớn nhất là vấn đề quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu. Vì mọi giao dịch đều được ghi nhận và có thể theo dõi, nguy cơ bị lạm dụng thông tin cá nhân là điều hoàn toàn có thể xảy ra nếu không có cơ chế giám sát chặt chẽ. Việc triển khai CBDC cũng đòi hỏi chi phí đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng công nghệ và an ninh mạng, điều mà không phải quốc gia nào cũng đảm bảo có khả năng thực hiện, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Theo quyết định 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã được giao nhiệm vụ ngân cứu và thử nghiệm đồng tiền số quốc gia từ 2021. Cho đến nay, các chuyên gia trong nước đang tập trung đánh giá kĩ lưỡng các mô hình CBDC trên thế giới để xây dựng lộ trình phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Việc phát triển CBDC có thể mang lại nhiều hiệu quả quản lý tiền tệ, cải thiện khả năng kiểm soát rủi ro tài chính, chống rửa tiền, và thúc đẩy tài chính toàn diện, nhất là ở những vùng mà người dân chưa có điều kiện tiếp cận dịch vụ ngân hàng truyền thống.

Ngoài ra, CBDC còn giúp giảm chi phí thanh toán, tăng tốc độ xử lý giao dịch xuyên biên giới, điều này đặc biệt phù hợp với một nền kinh tế mở như Việt Nam. Mặc dù chưa có thông báo chính thức về thời điểm thử nghiệm hay phát hành, nhưng việc sử dụng CBDC là một xu hướng tất yếu trong tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số quốc gia và phát triển hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt.

Nhìn chung, việc 130 quốc gia trên toàn cầu đang nghiêm túc nghiên cứu hoặc thử nghiệm phát hành đồng tiền chuyển đổi số quốc gia là minh chứng rõ ràng cho sự chuyển mình mạnh mẽ của hệ thống tài chính trên toàn thế giới. CBDC không chỉ là công cụ thanh toán mới, mà còn là biểu tượng của một kỷ nguyên tiền tệ kỹ thuật số-nơi mà chính phủ và ngân hàng trung ương đóng vai trò định hướng tương lai tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh ấy, sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt công nghệ, pháp lý và xã hội là điều kiện tiên quyết để CBDC phát huy hiệu quả kinh tế cho mỗi quốc gia.



Tài liệu Tham khảo

1. Wikipedia (2024), “SWIFT”, <<https://vi.wikipedia.org/wiki/SWIFT>>, truy cập lần cuối ngày 29/5/2025.
2. TRENDS Research & Advisory (2023), “Russia’s financial defense mechanism against Western sanctions”, <https://trendsresearch.org/insight/russias-financial-defense-mechanism-against-western-sanctions/?utm_source=chatgpt.com> , truy cập lần cuối ngày 29/5/2025.
3. ECONOMATIK.COM (2023), “The Impact of SWIFT Ban on Russia’s Economy: A Comprehensive Analysis”, <https://eonomatik.com/news/1000412/swift-ban-and-russia-s-economy?utm_source=chatgpt.com> , truy cập lần cuối ngày 29/5/2025/
4. Shalini Nagarajan (2024), “CBDC Exploration Underway in 134 Countries, Covering 98% of Global Economy”, <<https://cryptonews.com/news/cbdc-exploration-134-countries-atlantic-council-research>> truy cập lần cuối ngày 29/5/2025.
5. ClearlyPayments (2024), “Central Bank Digital Currencies (CBDCs) in 2024”, <<https://www.clearlypayments.com/blog/central-bank-digital-currencies-cbdcs-in-2024>> truy cập lần cuối ngày 29/5/2025.
6. TS.Lương Thị Thu Thủy, TS. Lữ Hữu Chí, Lương Tiểu Vy*ThS.Lê Việt Hùng** (2025), “Đánh giá thực tiễn triển khai CBDC tại ngân hàng trung ương của một số quốc gia trên thế giới và khuyến nghị đối với Việt Nam”, <<https://tapchinganhang.gov.vn/danh-gia-thuc-tien-trien-khai-cbdc-tai-ngan-hang-trung-uong-cua-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-khuyen-nghi-doi-voi-viet-nam-15831.html>> truy cập lần cuối ngày 29/5/2025.



GÓC SINH VIÊN

1. Những kỹ năng cần có để làm việc trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu thời đại địa chính trị công nghệ

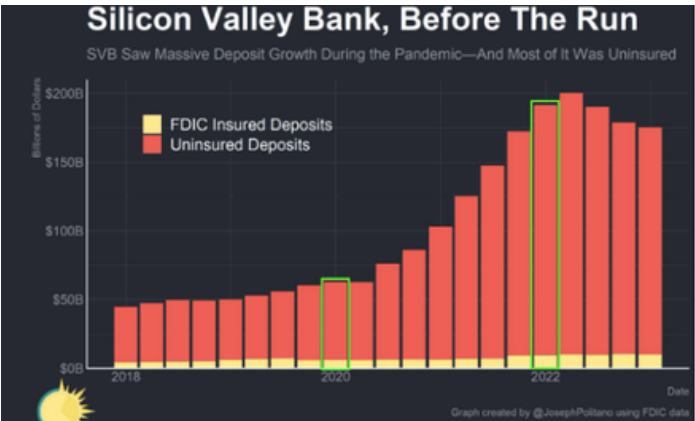
Kỷ nguyên số đang chứng kiến sự phát triển chưa từng có của địa chính trị, dữ liệu và công nghệ. Ngành tài chính hiện đại đang đòi hỏi một bộ kỹ năng hoàn toàn mới để thích ứng. Trong bối cảnh đó, thị trường tài chính không chỉ là nơi mua bán cổ phiếu hay giao dịch tiền tệ, mà còn là nơi công nghệ, dữ liệu và pháp luật hội tụ và tương tác. Ba kỹ năng được xem là chìa khoá để làm việc hiệu quả trong chuỗi giá trị tài chính hiện nay bao gồm: phân tích rủi ro tài chính - công nghệ, hiểu biết pháp lý xuyên biên giới và ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data).

1.1. Phân tích rủi ro tài chính - công nghệ

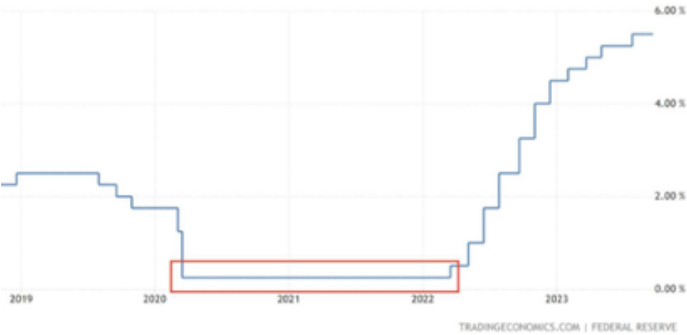
Thị trường tài chính ngày nay vận hành trong một môi trường không chỉ có vấn đề của lãi suất, tỷ giá hay tính thanh khoản truyền thống, mà còn bị chi phối mạnh mẽ bởi sự phát triển chóng mặt của công nghệ. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối

(blockchain), giao dịch tự động hay tiền mã hoá không chỉ mang lại nhiều cơ hội mà còn tạo ra các rủi ro chưa từng có. Một ví dụ về khủng hoảng công nghệ tài chính có thể kể đến là Ngân hàng Silicon Valley Bank (SVB) - một định chế tài chính lớn chuyên phục vụ các công ty khởi nghiệp tại Mỹ - đã sụp đổ chỉ trong vòng 48 giờ sau khi đối mặt với làn sóng rút tiền ồ ạt từ khách hàng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ chiến lược đầu tư sai lầm khi ngân hàng dùng phần lớn tiền gửi để mua trái phiếu dài hạn trong thời kỳ lãi suất thấp, khiến giá trị danh mục đầu tư giảm sâu. Khi SVB công bố khoản lỗ gần 1,8 tỷ USD vào ngày 8/3 đã gây ra một cuộc "bank run" trong lịch sử với hơn 42 tỷ USD bị rút chỉ trong một ngày. Ngay sau đó, SVB chính thức bị cơ quan quản lý Mỹ đóng cửa vào ngày 10/3/2023, trở thành vụ phá sản ngân hàng lớn thứ hai trong lịch sử của nước này. Vụ khủng hoảng này cho thấy rằng, rủi ro công nghệ chỉ nằm ở hệ thống giao dịch, mà còn

nằm ở tốc độ lan truyền thông tin qua nền tảng công nghệ số và cách thị trường phản ứng phi lý trí khi bị kích thích.



Hình 1. Tài sản của SVB trong giai đoạn 2018-2022
Nguồn: FDIC



Hình 2: Lãi suất quỹ liên bang (Fed Funds Rate) trong giai đoạn 2019-2023
Nguồn: Tradingeconomics.com

Theo báo cáo của McKinsey năm 2023, có tới 68% các tổ chức tài chính toàn cầu xác định “rủi ro an ninh mạng” (cyber risk) và “rủi ro vận hành liên quan đến trí tuệ nhân tạo” (AI operation risk) là hai trong số những mối đe dọa hàng đầu cần được ưu tiên trong chiến lược kiểm soát nội bộ. Con số này không chỉ phản ánh một thực tế đáng lo ngại về mức độ phức tạp và khó lường của các rủi ro công nghệ trong hệ sinh thái tài chính hiện đại, mà còn cho thấy một sự thay đổi mang tính bước ngoặt trong cách nhìn nhận và phân công trách nhiệm trong các tổ chức tài chính. Nếu như trước kia, việc đảm bảo an toàn hệ thống hay kiểm

soát lỗi thuật toán vẫn thường được xem là nhiệm vụ riêng biệt của bộ phận công nghệ thông tin, thì hiện nay nó đã trở thành một phần không thể tách rời trong cấu trúc quản trị rủi ro tổng thể của một doanh nghiệp tài chính. Có nghĩa là, mọi bộ phận đều phải được trang bị kiến thức và kỹ năng để hiểu, đánh giá và ứng phó trước các mối đe dọa bắt nguồn từ công nghệ. Rủi ro từ một cuộc tấn công mạng không chỉ làm gián đoạn dịch vụ mà còn có thể gây tổn thất hàng tỷ USD và kéo theo các hệ lụy pháp lý nghiêm trọng cho doanh nghiệp.

Vì vậy, kỹ năng phân tích rủi ro trong tài chính hiện đại không thể tách rời yếu tố công nghệ. Người làm tài chính bắt buộc phải hiểu những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống giao dịch tự động, các thuật toán mua bán chứng khoán, khả năng bị tấn công mạng, cũng như tính không ổn định của các nền tảng phi tập trung.

1.2. Hiểu biết pháp lý xuyên biên giới

Trong chuỗi giá trị tài chính toàn cầu, một sản phẩm tài chính có thể được thiết kế, phát hành và lưu trữ tại nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Mỗi bước đi như vậy đều liên quan đến các rào cản pháp lý, chính sách và quy định khác nhau giữa các quốc gia. Vì vậy, hiểu biết về pháp lý xuyên biên giới là một kỹ năng quan trọng và vô cùng cần thiết.

Trên thực tế, đã có không ít doanh nghiệp tài chính khởi nghiệp vô cùng thành công trong nước, nhưng khi mở rộng ra thị trường quốc tế, chỉ vì họ không hiểu về những quy định pháp lý tại đất nước đó. Một ví dụ điển hình chính là Binance - sàn giao dịch tiền mã hoá lớn nhất thế giới - đã bị chính phủ Mỹ phạt 4,3 tỷ USD vào cuối năm 2023 vì vi phạm quy định về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Theo Bloomberg, đây là một trong những án phạt lớn nhất lịch sử tài chính công nghệ tính đến tháng 11/2023, kéo theo hàng loạt hệ lụy về uy tín, niềm tin và hoạt động toàn cầu. Ngoài ra, các ông lớn như Meta hay Google cũng đã nhiều lần bị kiện vì không tuân thủ đúng chuẩn quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân tài châu Âu (GDPR).



Hình 3. Bitcoin lao dốc khi Mỹ kiện sàn
Binance

Nguồn: vnexpress.net

Trong bối cảnh đó, người làm tài chính không thể chỉ làm việc với báo cáo tài chính hay các chỉ số lợi nhuận thông thường, mà cần phải hiểu về các công ước tài chính toàn cầu như Basel III (tiêu chuẩn an toàn vốn toàn cầu cho các ngân hàng), FATF (Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền), OFAC (Văn phòng Kiểm soát Tài sản Nước ngoài của Hoa Kỳ)... Ngoài ra, người làm tài chính hiện đại cũng cần có năng lực nhận biết rủi ro pháp lý tiềm ẩn, khả năng phân tích và so sánh luật pháp giữa các thị trường và có sự nhạy bén trong lĩnh vực điều chỉnh chiến lược hoạt động để thích nghi với bối cảnh pháp luật liên tục thay đổi, có xu hướng ngày càng chặt chẽ hơn, đặc biệt là đối với các lĩnh vực nhạy cảm như tiền mã hoá hay bảo mật dữ liệu người dùng.

Kỹ năng pháp lý xuyên biên giới không yêu cầu một chuyên viên tài chính phải là luật sư, nhưng trong bối cảnh kinh tế số toàn cầu đang tăng tốc, họ buộc phải trang bị cho mình một nền tảng hiểu biết pháp lý vững chắc để có thể đưa ra các quyết định chính xác, an toàn và hợp pháp. Điều này không đơn giản là học thuộc các đạo luật, mà là hiểu được những nguyên tắc pháp lý cốt lõi chi phối hoạt động tài chính toàn cầu, từ đó giúp người làm tài chính có thể hình thành khả năng tư duy pháp lý độc lập, phản biện và thích nghi.

1.3. Ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data)

Nếu công nghệ là động cơ, pháp lý là hệ thống dẫn đường thì dữ liệu chính là nhiên liệu của chuỗi giá trị tài chính hiện đại. Trong thời đại mà mọi hành vi tiêu dùng, mọi cú nhấp chuột hay dòng trạng thái trên mạng xã hội đều được số hoá, thì khả năng khai thác và phân tích dữ liệu đã trở thành lợi thế chiến lược hàng đầu.

Theo báo cáo của Deloitte (2022), 85% tổ chức tài chính đã tích hợp các nền tảng dữ liệu lớn vào quy trình ra quyết định chiến lược. Không phải ngẫu nhiên mà các tập đoàn tài chính hàng đầu thế giới như JPMorgan Chase hay Goldman Sachs đều đã tuyển dụng hàng nghìn chuyên gia dữ liệu, các kỹ sư AI, các nhà phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ việc ra quyết định. Công ty tín dụng Upstart của Mỹ sử dụng mô hình dữ liệu lớn để chấm điểm tín dụng không chỉ dựa vào lịch sử tín dụng mà còn dựa vào học vấn, loại công việc, nơi sinh sống...

Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu lớn là một quá trình phức tạp không chỉ đòi hỏi công cụ công nghệ hiện đại mà còn cần một tổ hợp kỹ năng liên ngành mà không phải người làm tài chính truyền thống nào cũng được trang bị. Để biến một khối dữ liệu khổng lồ, phi cấu trúc và phân tán trở thành thông tin các giá trị phục vụ ra quyết định tài chính, người làm tài chính phải sở hữu một loạt kỹ năng quan trọng như: Kỹ năng xử lý dữ liệu (data wrangling): là khả năng định dạng chuẩn hoá và kết nối các tập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau như báo cáo tài chính, mạng xã hội, hành vi người dùng...; Kỹ năng trực quan hoá dữ liệu (data visualization): là thể hiện dữ liệu rõ ràng, dễ tiếp cận, giúp truyền tải kết quả phân tích một cách trực quan, và dễ hiểu; Kiến thức về mô hình học máy (machine learning): nhằm hiểu các thuật toán, từ đó đánh giá chất lượng, kiểm định mô hình dữ liệu... Sâu xa hơn tất cả, kỹ năng quan trọng nhất đó chính là khả năng đặt câu hỏi đúng, tức là người phân tích phải biết chính xác điều mình đang tìm kiếm. Từ đó giúp tìm đến các chỉ số then chốt, giải mã hành vi thị trường, phát hiện rủi ro tiềm ẩn và tạo ưu thế cạnh tranh với các đối thủ khác.

Trong thời đại mà mối quan tâm lớn nhất của doanh nghiệp là bảo mật thông tin, người làm tài chính cũng phải học cách hiểu ngôn ngữ của dữ liệu. Đặc biệt phải biết cách biến dữ liệu thành lợi thế chiến lược. Đó không chỉ là một kỹ năng bổ trợ, mà đang trở thành trục xoay chính cho chuỗi giá trị tài chính trong thời đại địa chính trị - công nghệ đầy biến động hiện nay.



2. Cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực Fintech (Công nghệ tài chính), Treasury quốc tế, tư vấn chính sách tài chính số và quản lý tài sản toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số mạnh mẽ như ngày nay, lĩnh vực tài chính truyền thống đang chứng kiến sự thay đổi sâu rộng về quy mô, phương thức vận hành, cách tổ chức và tiếp cận khách hàng. Nổi bật trong số đó có thể kể đến như Công nghệ tài chính (Fintech), Quản lý ngân sách quốc tế, Tư vấn chính sách tài chính số và Quản lý tài sản toàn cầu. Không chỉ mang lại cơ hội đổi mới và phát triển trong tài chính, những lĩnh vực này còn mở ra cơ hội nghề nghiệp rộng lớn, đặc biệt là các bạn trẻ năng động, có khả năng thích nghi tốt với công nghệ đổi mới và có kiến thức tài chính sâu rộng.

2.1. Công nghệ tài chính

Fintech (Financial Technology), hay còn được gọi là Công nghệ tài chính, là sự kết hợp giữa tài chính và công nghệ để tạo ra các sản phẩm về tài chính dễ tiếp cận và minh bạch hơn.

Tại Việt Nam, Fintech đang phát triển vô cùng mạnh mẽ với hàng trăm công ty đang hoạt động với nhiều lĩnh vực như Blockchain, thanh toán tiền điện tử, bảo hiểm số hay đầu tư tự động. Một số ứng dụng nổi bật có thể kể đến như Momo, Zalopay, Viettel Money,...



Hình 1. Hoạt động M&A toàn cầu trong lĩnh vực Fintech giai đoạn 2021-2024
Nguồn: KPMG

Theo báo Dân Trí, Fintech Việt Nam hiện đang đứng trước một bước ngoặt quan trọng khi chính phủ thúc đẩy chiến lược quốc gia về kinh tế số, trong đó Fintech đóng vai trò là một trong những trụ cột nền tảng. Việc xây dựng cơ chế “sandbox” giúp các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực tài chính công nghệ có cơ hội thử nghiệm mô hình mới trong một môi trường kiểm soát rủi ro, từ đó thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Fintech không chỉ là một lĩnh vực mang tính cách mạng trong ngành tài chính – ngân hàng, mà còn mở ra vô vàn cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn và đa dạng cho những ai theo đuổi. Cử nhân tốt nghiệp ngành Fintech có thể đảm nhận nhiều vị trí quan trọng và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Chẳng hạn như trở thành một chuyên viên quản trị rủi ro, đảm nhiệm việc đánh giá và xây dựng các hệ thống phòng ngừa rủi ro tài chính trong môi trường số, nơi dữ liệu lớn (big data) và các mô hình AI được sử dụng để dự đoán và giảm thiểu tổn thất. Ngoài ra, với nền tảng kiến thức sâu rộng về tài chính kết hợp kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, chuyên viên phân tích dữ liệu tài chính cũng là một ngành nghề tiềm năng, đưa ra những dự báo có giá trị nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc ra quyết định đầu tư và chiến lược phát triển. Bên cạnh đó, Fintech còn tạo điều kiện cho các bạn trẻ đam mê đổi mới sáng tạo thử sức với vị trí chuyên viên phát triển sản phẩm tài chính số, tham gia vào quá trình thiết kế và triển khai các ứng dụng thanh toán điện tử, ví số, nền tảng vay ngang hàng (P2P lending), hoặc các công cụ đầu tư thông minh. Đối với những ai yêu thích học thuật và nghiên cứu, công việc chuyên gia nghiên cứu hoặc giảng viên trong lĩnh vực Fintech sẽ vô cùng thích hợp – nơi đang rất cần các tài năng có khả năng kết nối giữa lý thuyết tài chính truyền thống với xu hướng công nghệ hiện đại.

Nhìn chung, Fintech là mảnh đất màu mỡ cho những ai năng động, tư duy logic tốt, yêu thích sự đổi mới và sẵn sàng học hỏi không ngừng để thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ.

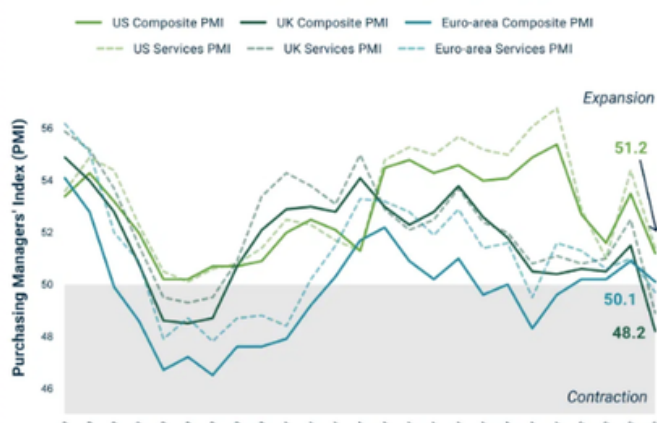
Tuy nhiên, Fintech cũng tồn tại không ít bất lợi và thách thức, đặc biệt trong giai đoạn công nghệ phát triển mạnh mẽ như ngày nay. Thứ nhất là việc thiếu khung pháp lý rõ ràng và đồng bộ. Một số sản phẩm, dịch vụ như cho vay ngang hàng (P2P lending), tài chính phi tập trung (DeFi) thường chưa được luật hoá đầy đủ, khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc mở rộng quy mô. Ngoài ra, Fintech đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức tài chính và kỹ năng công nghệ, trong khi số lượng nhân sự có thể đáp ứng ở cả hai mảng này ở Việt Nam vẫn còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp Fintech gặp khó khăn trong việc tuyển dụng kỹ sư phần mềm có hiểu biết về tài chính, hoặc ngược lại, chuyên viên tài chính thành thạo công nghệ.

2.2. Quản lý ngân quỹ quốc tế

Một lĩnh vực ít được nhắc đến nhưng lại đóng vai trò xương sống trong các tập đoàn đa quốc gia chính là quản lý ngân quỹ quốc tế, hay còn được gọi là International Treasury. Đây là mảng phụ trách kiểm soát dòng tiền xuyên biên giới, quản lý thanh khoản, kiểm soát rủi ro tỷ giá và tối ưu hoá lợi nhuận tài chính. Trong bối cảnh thị trường toàn cầu biến động liên tục, việc quản lý ngân quỹ hiệu quả giúp doanh nghiệp duy trì sự ổn định tài chính và đảm bảo chiến lược tăng trưởng dài hạn.



Geopolitics Takes Its Toll As Business Sentiment Weakens



Hình 2. Tổng quan các xu hướng và chiến lược quản lý ngân quỹ quốc tế

Nguồn: treasury-managemenaent.com

Tại Việt Nam, khi ngày càng nhiều doanh nghiệp mở rộng quy mô ra nước ngoài hoặc hợp tác với các đối tác quốc tế, vai trò của chuyên gia Treasury quốc tế càng trở nên quan trọng. Một số vị trí có thể được kể đến như chuyên viên phân tích dòng tiền, chuyên viên quản lý rủi ro tỷ giá, chuyên viên quản trị thanh khoản hoặc giám đốc tài chính khu vực (Regional CFO) đang ngày càng được các doanh nghiệp lớn săn đón.

Tuy vậy nhưng một trong những rủi ro lớn nhất của Treasury quốc tế là phải liên tục đối mặt với biến động tỷ giá và lãi suất ở nhiều quốc gia. Các cú sốc kinh tế như khủng hoảng tài chính, tăng lãi suất từ các ngân hàng trung ương lớn như Fed hay ECB có thể khiến dòng tiền bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Thêm vào đó, lĩnh vực Treasury không chỉ cần kiến thức tài chính truyền thống mà còn đòi hỏi phải thành thạo các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro, phần mềm quản lý ngân quỹ (TMS), cùng với đó là kỹ năng phân tích dữ liệu, mô phỏng kịch bản rủi ro...

Để thành công trong lĩnh vực này, người lao động cần trang bị kiến thức sâu rộng về tài chính quốc tế, kỹ năng sử dụng công cụ phái sinh, khả năng phân tích định lượng, và đặc

biệt là sự am hiểu về các quy định pháp lý tại thị trường mà doanh nghiệp hoạt động.

2.3. Tư vấn tài chính số

Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính công và chính sách công đang là một trong những ưu tiên chiến lược của rất nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tư vấn chính sách tài chính là lĩnh vực đặc thù, nơi các chuyên gia không chỉ phân tích các mô hình tài chính truyền thống, mà còn tích hợp công nghệ mới để xây dựng khung chính sách hiệu quả, minh bạch và phù hợp với thực tiễn thị trường.

Tại Việt Nam, chính phủ đã đưa ra nhiều sáng kiến như phát triển cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia, xây dựng hệ thống thuế điện tử, và sử dụng AI, Big Data trong phân tích rủi ro ngân sách. Do đó, nhu cầu về chuyên gia tư vấn tài chính số có khả năng tư duy hệ thống, lập chính sách và điều phối giữa các bộ ngành là rất lớn.

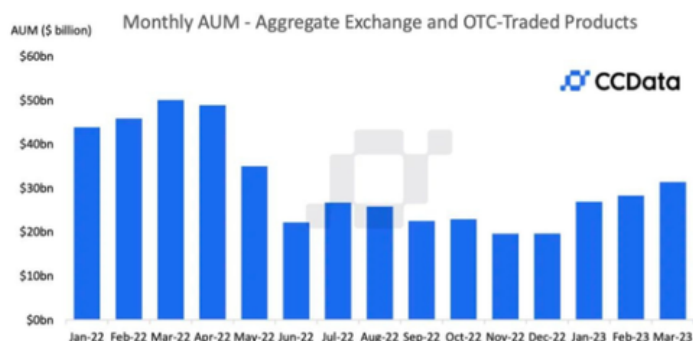
Một số vị trí tiêu biểu tron lĩnh vực này có thể kể đến như: chuyên viên tư vấn tại các tổ chức quốc tế, chuyên gia xây dựng chính sách tại Bộ Tài chính hay Ngân hàng Nhà nước, chuyên viên nghiên cứu tại các viện nghiên cứu chính sách.

Lĩnh vực này đòi hỏi kiến thức nền tảng vững vàng về tài chính công, công nghệ thông tin và kỹ năng phân tích chính sách. Ngoài ra, khả năng viết báo cáo, giao tiếp với các bên liên quan và làm việc trong môi trường đa văn hoá cũng là yếu tố rất quan trọng.



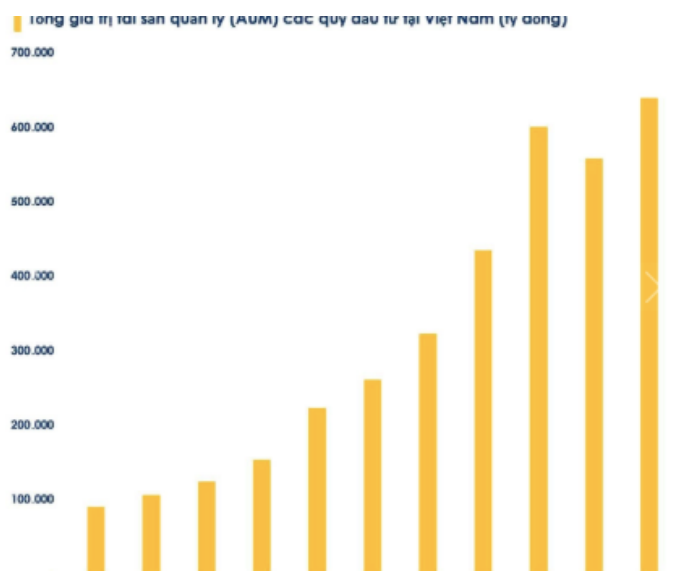
2.4. Quản lý tài sản toàn cầu

Trong thời đại toàn cầu hoá, việc quản lý tài sản không còn giới hạn trong phạm vi quốc gia. Quản lý tài sản toàn cầu (Global Asset Management) trở thành một ngành công nghiệp lớn, nơi các chuyên gia tài chính quản lý danh mục đầu tư hàng tỷ USD cho các cá nhân và tổ chức trên toàn thế giới.



Tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, quản lý tài sản đang tăng trưởng ở mức 9-10% mỗi năm, và Việt Nam là một trong những thị trường mới nổi tiềm năng. Sự gia tăng tầng lớp trung lưu và những cá nhân có tài sản lớn (HNWI-High Net Worth Individuals) kéo theo nhu cầu về dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp ngày càng cao.

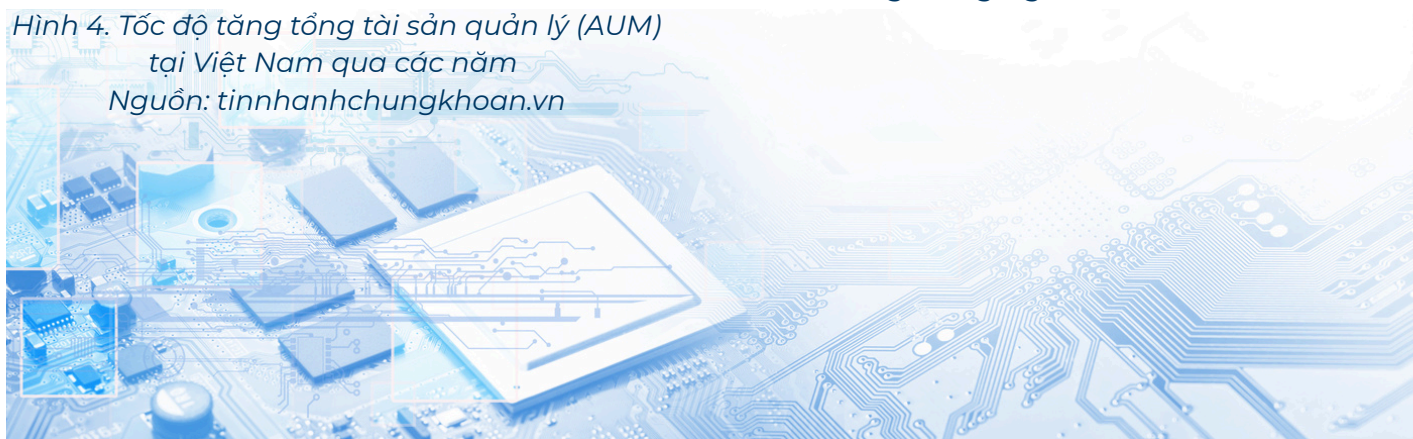
Hình 3. Dữ liệu AUM hàng tháng trong Crypto
Nguồn: Coin98



Cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực này rất đa dạng, có thể kể đến như: chuyên viên phân tích đầu tư quốc tế, chuyên gia quản lý danh mục, nhà tư vấn đầu tư cá nhân cao cấp, hoặc chuyên viên phát triển sản phẩm tài chính toàn cầu. Nhiều quỹ đầu tư nước ngoài đã thiết lập văn phòng tại Việt Nam và tích cực tuyển dụng nhân sự am hiểu thị trường nội địa, có khả năng tư vấn chiến lược đầu tư quốc tế.

Để theo đuổi lĩnh vực này, ứng viên cần nắm vững kiến thức tài chính quốc tế, phân tích vĩ mô, kỹ thuật định giá tài sản, và đồng thời có kỹ năng giao tiếp khách hàng xuất sắc. Trong đó chứng chỉ CFA (Chartered Financial Analyst) được xem là chìa khoá vàng để dẫn vào cách vị trí tiền năng trong ngành.

Hình 4. Tốc độ tăng tổng tài sản quản lý (AUM) tại Việt Nam qua các năm
Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn



Tài liệu Tham khảo

1. McKinsey & Company (2023), “Global Banking Annual Review”, <<https://www.mckinsey.com/industries/financial-services/our-insights/global-banking-annual-review-2023>> , truy cập lần cuối ngày 14/06/2025
2. Sabrina Willmer & Anna Edgerton (2024), “Binance’s \$4.3 Billion Payment in US Plea Deal Approved by Judge” <<https://www.bloomberg.com/news/articles/2024-02-23/binance-4-3-billion-payment-in-us-plea-deal-approved-by-judge>>, truy cập lần cuối ngày 14/06/2025
3. Hà Thu (theo Bloomberg) (2023), “Tiền số toàn cầu lao dốc khi Mỹ kiện sàn Binance”, <<https://vnexpress.net/tien-so-toan-cau-lao-doc-khi-my-kien-san-binance-4614081.html>> truy cập lần cuối này 14/06/2025
4. Anu Jain, Graham Person, Paul Conroy, Nivas Shankar (2021), “How JPMorgan Chase built a data mesh architecture to drive significant value to enhance their enterprise data platform”, <<https://aws.amazon.com/vi/blogs/big-data/how-jpmorgan-chase-built-a-data-mesh-architecture-to-drive-significant-value-to-enhance-their-enterprise-data-platform>>, truy cập lần cuối ngày 14/06/2025
5. Thảo Thu (2025), “Cho phép thử nghiệm fintech có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng từ 1/7”, <<https://dantri.com.vn/kinh-doanh/cho-phep-thu-nghiem-fintech-co-kiem-soat-trong-linh-vuc-ngan-hang-tu-1-7-20250501103153210>> , truy cập lần cuối ngày 29/05/2025.
6. Nhật Quang (2024), “Fintech đang dần thoái trào tại Việt Nam, nhiều nhân sự muốn ‘nhảy’ ngành”, <<https://dantri.com.vn/kinh-doanh/fintech-dang-dan-thoai-trao-tai-viet-nam-nhieu-nhan-su-muon-nhay-nganh-20241213165255116>> , truy cập lần cuối ngày 29/05/2025.
7. citigroup.com (2025), “Top Treasury Priorities 2025: It’s the Data” , <<https://www.citigroup.com/global/insights/top-treasury-priorities-2025-its-the-data>> truy cập lần cuối ngày 29/05/2025.
8. Press Release (2023), “One in six asset and wealth management companies will be allowed up or fall by the wayside in the next five years: PwC Global Asset & Wealth Management Survey”, <<https://www.pwc.com/gx/en/news-room/press-releases/2023/pwc-2023-global-asset-and-wealth-management-survey>>, truy cập lần cuối ngày 29/05/2025.

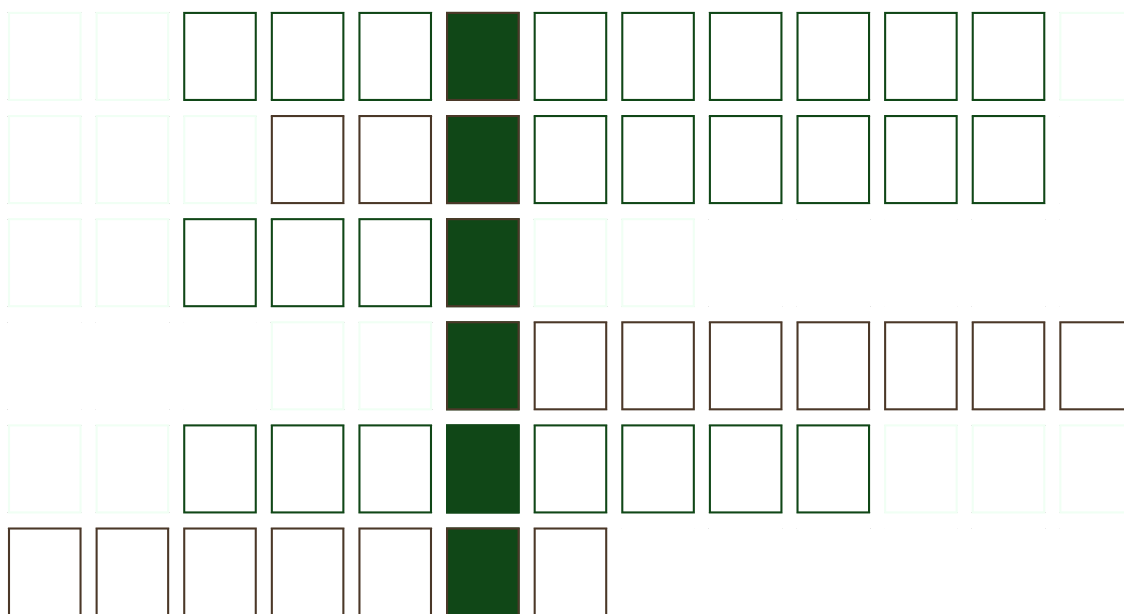


MINIGAME



Giải ô chữ bằng cách điền vào chỗ trống các thuật ngữ liên quan đến Fintech. Sử dụng các gợi ý được cung cấp bên dưới.

Chúc bạn may mắn!



1. Một quỹ đầu tư được quản lý bởi một nhà quản lý quỹ chuyên nghiệp, người có nhiệm vụ lựa chọn các khoản đầu tư để đạt được mục tiêu đầu tư nhất định.
2. Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa/ dịch vụ giữa người mua và người bán là gì?
3. Sàn chứng khoán nào ở VN mà doanh nghiệp phải có vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng trở lên (tính theo báo cáo kiểm toán) mới được niêm yết?
4. Khoảng tiền được định sẵn để chi tiêu cho một khoảng thời gian nhất định gọi là gì?
5. Tình trạng mà một nền kinh tế giảm sút hoặc thụ động trong một khoảng thời gian dài?
6. Chỉ số đại diện cho Sở HoSE từ khi thị trường chứng khoán đi vào hoạt động, đại diện cho tất cả cổ phiếu được niêm yết và giao dịch trên HoSE là gì?



THƯ NGỎ

Thân chào các bạn sinh viên,

Số 31 của Chuyên san với chủ đề: **“Công nghệ số và địa chính trị – Tái định hình chuỗi giá trị tài chính toàn cầu trong bối cảnh mới”** vừa qua đã nhận được nhiều sự quan tâm, thảo luận và phản hồi tích cực từ phía độc giả. Ban Biên tập xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và đồng hành của các bạn sinh viên, cộng tác viên trong suốt hành trình mang đến những góc nhìn đa chiều và sâu sắc về các vấn đề tài chính toàn cầu.

Với số báo đặc biệt này, Chuyên san đã tập trung phân tích vai trò của công nghệ số trong việc định hình lại cấu trúc tài chính toàn cầu, đồng thời đánh giá những thách thức địa chính trị ngày càng phức tạp và tác động của chúng tới sự phân mảnh hệ thống tài chính quốc tế. Những nghiên cứu, trao đổi được trình bày trong số báo đã mở ra nhiều hướng tiếp cận mới về cơ hội hợp tác khu vực, xu hướng số hóa thị trường tài chính và các chính sách thích ứng trong kỷ nguyên đầy biến động.

Ban Biên tập rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành, cộng tác và đón nhận của quý độc giả trong số báo 32 sắp tới. Những bài viết được chọn đăng sẽ nhận được nhuận bút theo quy định hiện hành.

YÊU CẦU:

Về nội dung, các bạn có thể lựa chọn một trong các chủ đề dưới đây:

1. Hệ thống tài chính trong kỷ nguyên tiền điện tử và số hóa thanh toán (VD: bàn luận về thị trường tiền số, phân tích tác động xu hướng người dùng trước sự phát triển của hệ thống tài chính số,...)
2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tối ưu hóa quản trị rủi ro tài chính và phát hiện gian lận trong lĩnh vực ngân hàng
3. Cách mạng tài chính xanh và chuyển đổi năng lượng
4. Trung tâm dữ liệu Việt Nam: Nền tảng then chốt cho cuộc cách mạng công nghệ và tài chính số